VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

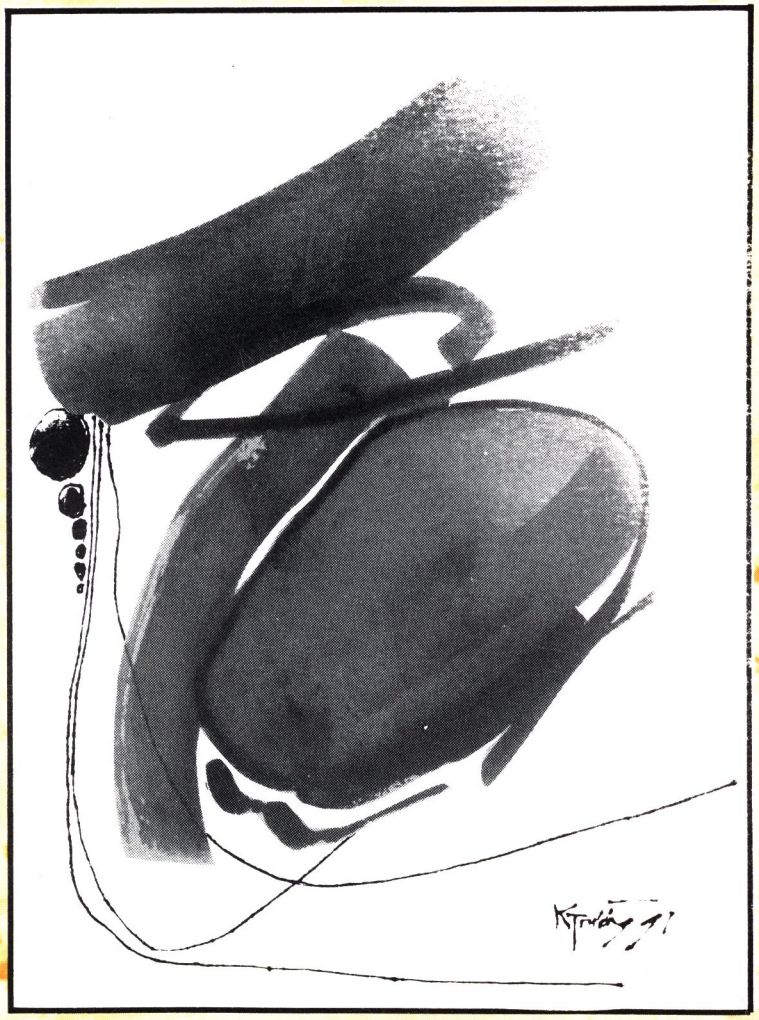

SỐ 62 THÁNG TƯ 1991

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Thư tòa soạn:** *trang 1* ● **Minh Đức Hoài Trinh:** *đọc tô đông pha trong những năm tháng lưu đày* biên khảo trang 2 ● **Chân Phương:** *lý lịch của lời* thơ trang 8 ● **Trần Mộng Tứ:** *nhớ* thơ trang 12 ● **Vĩnh Hảo:** *những ván cờ* truyện ngắn trang 13 ● **Trúc Chi:** *vô đề* thơ trang 26 ● **Lê Đại Lãng:** *mẹ ngồi che nắng lóng xương cha* truyện ngắn trang 27 ● **Lưu Hy Lạc:** *mai về* thơ trang 35 ● **Hoàng Mai Đạt:** *cái chết giết vợ tôi* truyện ngắn trang 36 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *đâu ngày* thơ trang 52 ● **Trần thị Lai Hồng:** *hoa, bạn* thơ trang 53 ● **Nguyễn Tất Nhiên:** *tình ơi hỡi tình* thơ trang 54 ● **Hàn Song Tường:** *gió núi* thơ trang 57 ● **Cao Đồng Khánh:** *rừng lá rộng* thơ trang 58 ● **Trần Mạnh Hảo:** *không đề, nắng mưa, buộc* thơ trang 60 ● **Văn Cũng Thường:** *có một dòng sông. hư không* truyện ngắn trang 61 ● **Hoài Mỹ:** *quẩn đọng* truyện ngắn trang 73 ● **Đỗ Quý Toàn:** *thuyền nhân: trận động đất thứ ba trong nửa thế kỷ* điểm sách trang 95 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động* truyện dài trang 101 ● Tranh bìa **Khánh Trường** ● Phụ bản **Hà Quốc Huy**.

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ☼ Nguyễn Xuân Hoàng ☼ Cao Xuân Huy ☼ Hoàng Khởi Phong ☼ Nguyễn văn Sâm ☼ Trịnh Y Thư ☼ Khánh Trường ☼ Trương Vũ

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Trị sự: Khánh Trường

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 898.9074**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

thư tòa soạn

Văn học Việt nam ở hải ngoại là một nền văn học phong phú và đa dạng. Phong phú ở đề tài và đa dạng ở thể loại, văn phong. Sự kiện người Việt ngày nay trải ra sinh sống khắp nơi trên thế giới, tiếp cận với nhiều sắc dân, văn hóa khác đã khiến nếp sống và lối suy nghĩ của họ bị ảnh hưởng ít nhiều. Ngay giữa hai người Việt sống lâu năm, một ở miền Đông, một ở miền Tây nước Mỹ cũng đã có sự khác biệt nào đó, chưa nói đến người ở bắc, người ở nam bán cầu cách xa nhau cả chục ngàn dặm, hằng ngày sinh sống trong những môi trường dị biệt. Văn chương có lẽ vì thế trở nên đa dạng.

Văn Học số này hân hạnh giới thiệu đến quý độc giả bốn phương một số cây bút mới xuất hiện gần đây, tuy chưa thể nói là tiêu biểu ở thế hệ mình nhưng thực sự đã chứng tỏ được sự vững vàng trong ngòi bút. Qua những sáng tác của họ, chúng ta thấy sự đa dạng của văn chương, từ một thảm cảnh gia đình trong đời sống nơi xứ người (Hoàng Mai Đạt), một xung đột không ngõ thoát trong hôn nhân dị chủng (Hoài Mỹ) cho đến những triết lý Đông phương xem thường sự thắng bại, hơn thua trong đời sống hoặc xem dòng đời là hư vô (Vĩnh Hảo, Văn Cũng Thường). Với Lê Đại Lãng, một nhà văn sinh sống ở Úc-châu, thì độc giả lại được đưa trở về đất nước Việt, chứng kiến một hoàn cảnh bi thương, mủi lòng xảy ra sau ngày 30/4/75.

Ngoài ra, nhà văn Minh Đức Hoài Trinh đóng góp một bài biên khảo viết về tâm trạng nhà thơ Tô Đông Pha (1037 - 1101) của Trung-hoa trong thời gian ông bị lưu đày. Nhà thơ Trúc Chi và Cao Đông Khánh, sau một thời gian dài vắng mặt trên Văn Học, cũng đã trở lại với những sáng tác mới nhất. Một vài đoạn thơ ngắn của nhà thơ Trần Mạnh Hảo, tác giả quyển *Ly Thân,* gửi từ trong nước ra. Và, vẫn thường xuyên là thơ văn giá trị của các cây bút tên tuổi khác tại hải ngoại: Lưu Hy Lạc, Trần Thị Lai Hồng, Nguyễn Tất Nhiên, Chân Phương, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Quý Toàn, Hàn Song Tường.

Văn Học

MINH ĐỨC HOÀI TRINH

đọc tô đông pha trong những năm tháng lưu đày

*

Tự tửu khai cửu ôn
Hoàng hoa dĩ quá trùng dương
Thân ngoại thảng lai, đồ tự mộng
Túy lý vô hà tức thị hương
Đông Pha nhật nguyệt trường
Ngọc phấn tuyền phanh trà nhuỉ
Kim chi tân đảo chanh hương
Cường nhiễm sương tỳ phù thúy tụ
Mạc đạo cuồng phu bất giải cuồng
Cuồng phu lão cánh cuồng.

Đại ý của bài thơ:

Từ khi rượu lên men
Đã quá tiết trùng dương
Thân tuy thong thả, tất cả như giấc mộng
Say rồi đâu cũng là quê
Đông Pha ngày tháng dài
Trà nấu bằng ngọc phấn
Dưa mới trở nghe thơm mùi chanh
Râu mép nhuộm sương
Đừng nói sao cuồng phu không hết điên
Càng già càng điên.

Năm 1079, Tô Thức mới có 44 tuổi, tháng ba bị bãi chức ở Từ-châu và tháng tư được nhận chức khác ở Hồ-châu.

Hồ-châu ở phía nam Thái-hồ, ngày nay thuộc huyện Ngô-hưng, tỉnh Triết-giang.

Tháng bảy, các vị ngự sử Hà Chính Thần, Thư Đàn, Lý Định cùng ông Quốc-tử Bác-sĩ Lý Nghi Chi đã họp nhau và nhận xét rằng, những tác phẩm thi văn biểu ngữ của Tô thi sĩ đều có ẩn ý chê cười thời sự, mang triều đình ra mà đùa giỡn, tự cho mình là tài giỏi. Các ông đã đưa tất cả những thứ này ra đệ trình lên Ngự Sử Đài. Ngày 18 tháng tám, Ngự Sử Đài cho lệnh đến Hồ-châu bắt Tô Thức hạ ngục.

Lúc bấy giờ có ba ông Trương Phương Bình, Phạm Trấn và Tô Triệt gửi đơn xin cứu đều không được kết quả. Triều đình chỉ nghe lời các ông Lý Định và đã nghiêm vấn đến năm sau mới được kết án. Chức vị của Tô Thức thời ấy là Kiêm giáo Thượng thư Thủy bộ viên ngoại lang mà sau đó bị sung nhiệm chức Đoàn luyện Phó sứ ở Hoàng-châu, một hình thức an trí, không được dự vào các thư văn công sự, song được xuất ngục để đến lãnh chức mới, và cái chức này chỉ có danh không thực, hư hàm mà thôi.

Theo *Tống sử* quyển một, thiên *Lục bát chức quan chí*, thì Đoàn luyện Phó sứ chỉ là phẩm thứ tám, một chức gần như thấp bé nhất.

Với bản án "an trí tại bản châu", nhà thơ không được quyền đi lại tự do, không được sống ở nơi nào khác.

Tháng hai, đúng ngày mùng một, Tô Thức mới đệ đạt cái gọi là Hoàng châu biếm chức và bắt đầu cuộc sống lưu đày. Ông sống gần năm năm ở Hoàng-châu. Quãng thời gian khổ đau này ông đã viết lên bài thơ ghi ở trên, mang tên là *Đông Pha nhật nguyệt trường*.

Bảo rằng lưu đày, biếm chức, tuy cay đắng nhưng ngay khi đến để "báo đáo" tức là trình diện quan trên thì gặp ngay Thái-thú Từ Đại Thủ, biết danh nhà thơ nên đã đối đãi rất ân cần, lễ ngộ làm cho người bị đày không cảm thấy quá u uất, đến lần thứ hai đã trở thành tri kỷ. Mới đến, chưa có chỗ ở, hai cha con (vì lúc đầu chỉ có một người con trai đi theo ông) phải vào ở tạm nơi nhà chùa gọi là Định Huệ viện, đi

theo các nhà sư, chỉ ăn cơm chay. Những lúc nhàn rỗi thì vào núi hái thuốc hoặc tìm khe câu cá giải sầu.

Tâm sự được ghi trong bài thơ *Sơ đáo Hoàng châu:*

Tự tiếu bình sinh vi khẩu mang
Lão lai sự nghiệp chuyển hoang đường
Trường giang nhiễu quách tri ngư mỹ
Hảo trúc Liên sơn giác duẫn hương
Trục khách bất phương viên ngoại trí
Thi nhân lệ tác Thủy Tào lang
Chỉ tàm vô bổ ty hào sự
Thượng phí quan gia áp tửu nang.

Đại ý của bài thơ:

Tự cười bình sinh hay lắm chuyện
Tuổi già sự nghiệp hóa hoang đường
Trường giang bao quanh biết cá ngon
Trúc Liên sơn có măng thơm
Người khách bị đuổi khỏi lo thành viên ngoại trí
Nhà thơ trở nên Thủy Tào lang
Chỉ thẹn không làm được gì
Phí tiền, chán cho cái túi rượu.

Mãi đến tháng năm gia đình mới được đoàn tụ, lệ thường thì phải vui, nhưng ở đây trong niềm vui lại chen sự lo lắng vì vấn đề cơm áo.

Tháng tám, ông cùng con trai trưởng là Tô Mại đi thuyền đến Xích-bích, gặp tiết Trung-thu, nhà thơ buồn, đã viết bài *Tây giang nguyệt từ* sau đây:

Thế sự nhất trường đại mộng
Nhân sinh kỷ độ thu lương
Dạ lai phong diệp dĩ minh lang
Khán thủ mi đầu tấn thượng
Tiểu tiện thường nhàn khách thiểu
Minh nguyệt đa bị vân phương
Trung thu thùy dữ cộng cô quang
Bã tửu thê nhiên Bắc vọng.

Đại ý của bài thơ:

Thế sự như giấc mộng dài
Cuộc đời bao lần thu lạnh
Đêm về gió lá rụi ngoài hiên
Nhìn lên mày tóc
Rượu vơi khách ít
Trăng sáng mây che
Trăng thu ai với mình cùng soi cô đơn
Ôm rượu quạnh hiu nhìn về phương Bắc.

Bắc vọng đây là về phía Biện-kinh, tức là kinh đô của thời Bắc Tống.

Cuộc sống nghèo nàn, nhất là từ khi gia đình đoàn tụ, có người ốm, người chết tất cả đều đóng góp vào tâm sự không vui của người thơ.

Mỗi tháng với số lương 4.500 quan tiền, phải chia ra 30 phần gói kỹ và treo lên mái nhà, mỗi ngày dùng cái sào lớn móc xuống một gói để chi dùng, rồi phải mang cái sào đi giấu kỹ để khỏi bị cám dỗ. Nếu ngày nào còn thừa dư đồng nào thì mang cất vào ống tre để dành đãi khách.

Sau một thời gian ở đây được nhiều người trọng mến nhưng với số mười miệng ăn phải nuôi sống, không bao giờ có dư, thi nhân nghĩ đến chuyện phải trồng trọt làm ruộng để kiếm thêm.

Năm 1081, ông được người bạn cũ tên Mã Mộng giúp đỡ, đưa nhà thơ đến một ngôi đất bỏ hoang ở Hoàng-châu lối 50 mẫu từ trước chưa ai cày cấy, bỏ phế lâu năm, gai góc mọc đầy. Tuy nhiên vì sự sống, không thể làm gì khác hơn là nỗ lực lao động cả gia đình với nhau để mà khai khẩn.

Mẫu đất này ở về phía đông của phủ Hoàng-châu, bốn bề có núi bảo bọc. Khai khẩn xong lại bị hạn hán, lao khổ đến cùng tận. Nhà thơ đã nhân sự lao khổ này mà viết tám bài thơ mang tên là *Đông Pha thi.*

Sao lại Đông Pha? Vì có vị Chích sứ ở Trung Châu là Bạch Lạc Thiên, tác giả hai bài thơ *Đông Pha chủng hoa* và *Đông Pha bộ.*

Tô Thức quý mến Lạc Thiên nên cũng đặt tên mẫu đất của mình

là Đông Pha, cất năm căn nhà ở trong khu vườn gọi là Tuyết-đường và cũng tự cho mình cái biệt hiệu là Đông Pha cư sĩ.

Nhà thơ là người có chí lớn, có lý tưởng về chính trị, không phải loại túi cơm giá áo, nên dầu nghèo khổ đến thế nào thơ vẫn mang một chút u uẩn, ông đã tìm đến kinh Phật mong được siêu thoát, không phải siêu thoát sau khi chết mà lúc còn với đời, tận lực đọc kinh Phật để siêu thoát sự bon chen thị phi, đến chùa An Quốc để tọa thiền. Ông có trí nhớ vô cùng, đọc Hán Thư chỉ cần đọc một chữ là nhớ cả đoạn dài. Ông giải sách Luận Ngữ và Kinh Dịch.

Một tâm sự làm ông rất buồn và cũng là một sự mất mát lớn cho hậu thế. Đó là lúc bị mấy chú lính đến vây thuyền để tịch thâu một số văn cảo, khủng bố vợ con, làm các bà oán trách xỉ vả ông, cho rằng vì văn thơ mà mang họa nên đã mang đốt đi số còn lại. Đến lúc cuộc sống tạm ổn định thì xem như mười phần đã mất đến bảy, tám phần.

Thời đại nào, hầu như cũng sợ những cây bút thép, những bộ óc thông minh. Sau khi bị bãi chức, lưu đày, giáng cấp, Tô thi sĩ cũng không dám liên lụy các bạn hữu, bằng thư từ, bất đắc dĩ lắm, mới viết vài dòng thăm hỏi.

Cuộc sống lưu đày với tất cả những ưu lự, còn thêm sự không hợp khí hậu bắt bệnh hoạn, cộng với niềm đau mất ba người thân liên tiếp, thêm nữa là năm cô con gái chưa gả chồng, mà xét vào thời xưa thì quả là đại nạn.

Mặc dầu trải qua bao nhiêu gian khổ, ông vẫn tự ví mình như con chim hồng cô đơn trong một bài thơ sau đây:

Khuyết nguyệt quải sơ đồng
Lậu đoạn nhân sơ tĩnh
Thùy kiến u nhân độc vãng lai
Phiếu miễu cô hồng ảnh
Kinh khởi khước hồi đầu
Hữu hận vô nhân tỉnh
Giản tận hàn chi bất khẳng thê
Tịch mịch sa châu lĩnh.

Nghĩa của bài thơ này là nói đến tâm sự của người cô đơn, ví mình với chim hồng là giống chim có chí lớn bay xa. Con chim hồng cô quạnh đã cố tìm một cành cây để nghỉ cánh, nhưng cành quá lạnh, không dám đậu. Người xưa vẫn nói *"Cùng nhi hậu công"* có nghĩa là sau một thời gian cùng khổ nhưng lại làm được một việc gì. Tô Thức đã là tấm gương ấy, quãng thời gian nhục nhằn đau khổ, túng thiếu, bị vợ con mè nheo, ông vẫn âm thầm tranh đấu dưới đủ mọi hình thức nghệ thuật, không cho mình bị phồn tỏa để phải rơi vào các tục vụ dây dưa. Trái lại ông đã được gần gũi với thiên nhiên, làm cho cái gọi là cá nhân sinh mệnh lực được tăng tiến, khai mở phong phú hơn và sáng tác như được theo một xu hướng thanh cao hơn, xán lạn hơn. Một tác phẩm đến ngày giờ này không một văn nhân trí thức nào không từng đọc qua và đã làm mẫu đề cho rất nhiều thi nhân hậu thế đó là bài phú *Xích Bích.*

Trong quãng thời gian lưu đày, thi nhân đã sáng tác nhiều bài *Từ* như chúng ta thấy ở trên. *Từ* là một thể của vận văn, bắt đầu từ thời nhà Đường và phổ biến rộng rãi từ đời nhà Tống. Có thể bảo rằng đây là một diễn biến của Cổ-nhạc-phủ, lối thơ mà chúng ta hằng ngâm nga qua các bản Đường- thi, sau đó lại được thành *Khúc. Từ* còn có tên là *Thi-dư,* một tên nữa là *Trường-đoản-cú* (câu dài câu ngắn).

Theo *Từ khố đề yếu tập* ghi rằng: *Tam-bách-thiên* biến thành *Cổ-thi, Cổ-thi* biến thành *Cận-thể, Cận-thể* biến thành *Từ,* và *Từ* biến thành *Khúc.*

Chú thích:

Chúng tôi không dịch thơ mà chỉ ghi chú vài nét nghĩa đơn sơ. Xin để dành công việc này lại cho những thi sĩ chuyên việc dịch. Biết rằng trong Hán-văn có nhiều tiếng đồng âm dị nghĩa với tiếng Việt. Chúng tôi sẽ gửi nguyên bản tiếng Hán đến quý vị nào có ý muốn dịch những bài thơ trên, nếu cần sẽ ghi nghĩa từng chữ, như một vài dịch giả đã làm.

CHÂN PHƯƠNG
lý lịch của lời

*

1.
đêm mù bấu móng dơi
vào bốn gương mặt phai

mở ba động màu sắc âm thanh
vờn nhau trên ghềnh bãi giác quan tăm tối

2.
ngoài rìa
các nền văn minh chết
bên kia dòng nước với rừng già
nơi tận cùng mọi ánh sao sa

còn lại tôi
với trò chơi chữ nghĩa
trước thiên thu không thính giả

3.
buổi sáng buổi chiều hoài niệm
danh từ rụng rơi đầy mặt giấy

xếp từng câu trên trang trắng
như đặt mảnh gương trước tấm gương
cho hư ảnh soi mặt nhau
qua màn hiện tại tả tơi

xê dịch chiều kích tâm tư
hé mở không gian ảo vọng
đán chờ tiếng bập bẹ
từ cửa miệng đất trời

hoặc chui qua ngách ngầm thực tại trống không
đi tìm điểm tựa ngoài thân phận
để thủ vai nhân vật chính
trong vở kịch tư duy tuyệt đối

từ bao giờ
tôi đã trở thành
Nghịch Lý lớn

trước mọi phản đề
của chính
tôi?

4.
miệng ngậm đầy chữ máu
đi từ bình minh hình hài
đến sa mạc trái tim
đón nhận phần thưởng thi ca

quên mất đường trở lại
thỉnh thoảng
làm tình với ý nghĩ
về tâm điểm với vòng tròn
chia với mả mồ
cơn say bất tận . . .

5.

ngày và đêm

thời gian cắm tín hiệu một chiều dọc đường chỉ tay
mây lang thang chế nhạo con đường tù túng
giữa các hang hẻm lãng quên
khập khễnh hạnh phúc bán thân bất toại

hơi thở ở độ không nuôi sống đám tử cung lãnh cảm
với nghìn chiếc cánh bị thương
mưa lao đầu xuống diện tích lịch sử rách mòn
xẩu xóc dị dạng mọc tràn lan trí nhớ

chim bỏ lại lỗ hổng khắp nền trời hóa thạch
chuyến tàu thiên thu chở đi lũ khí giới cô đơn
điệp trùng đầu đá nhấp nhô trên mặt sóng

6.

ngọn triều suy tưởng
đẩy chiếc bè thơ
về vô tận

lan
lan xa
vô lượng
vòng tròn

mấy hạt bụi ý niệm
tụ rồi
tan
không
tiếng vọng ...

7.
chữ tìm nhau lần cuối
trong giấc chiêm bao cổ tự

chim chóc tha đi
từng chiếc cánh rã rời

lạnh bên này
và đói bên kia

trái đất

8.
canh tàn cố bám vào các nóc phố hôn mê

bình minh xòe ngón pha lê
run rẩy chào đời

ngày già lão
giao hợp với cửa mình
của gió

9.
giữa muôn vàn cảnh trí ngập cát

bằng mũi tên của dòng sông
cánh cung ánh sáng
kết liễu
quyển sách tâm thần

nơi tận cùng im lặng
lũ tượng gỗ nôn mửa mớ cảm nghĩ chân như

rời lòng tay vĩnh cửu rách đôi
hạt xúc xắc quay cuồng
của TÔI
cháy bùng

nơi hốc sọ.

TRẦN MỘNG TÚ

nhớ

*

Anh yêu, em nhớ chao ôi nhớ!
Hét lên một tiếng tóc ngả màu
Nửa sợi xanh đen nhờ anh giữ
Nửa cất vào lòng sắc trắng phau

Anh yêu, em nhớ chạo ôi nhớ!
Hét lên một tiếng phấn son phai
Gương rạn chân chim soi giếng mắt
Với được đầy tay lệ hạt trai

Anh yêu, em nhớ chao ôi nhớ!
Hét lên một tiếng lá thông vàng
Ngàn mũi kim rơi đau mặt nước
Hệ lụy dòng sông vốn đa mang

Anh yêu, em nhớ chao ôi nhớ!
Hét lên một tiếng vỡ trăng sao
Nhớ anh dãy núi hoa cương nứt
Biển dâng cao xóa mất địa cầu.

VĨNH HẢO

những ván cờ

*

Đánh cờ tướng thú lắm. Dàn binh bố trận, đưa quân mình sang xâm lấn nước người, đánh cho tan tác đội ngũ của đối phương, đánh cho tướng địch phải chắp tay đầu hàng. Vừa công vừ thủ, tiền quân hậu quân phối hợp chặt chẽ, chặn đánh quân thù trên từng tấc đất. Lúc thì xe pháo công thành, khi thì tốt ngựa bắt tướng; lúc thì thượng quân bảo vệ cả con tốt mọn, khi thì bỏ cả xe tượng để giữ lấy chủ soái tối cao. Chẳng lúc nào là không thú vị.

Nhưng thú nhất là khi thắng. Vì thắng thì có thể vỗ đùi đánh đét một cái để tự ban thưởng sách lược chỉnh đông chỉnh tây tài ba của mình. Ngoài ra, còn là để mục kích cái đau khổ của kẻ đại bại. Thua, ồ, quê lắm. Hai khóe miệng tự nhiên chảy xệ xuống, không sao nhích lên nổi. Nhưng cũng phải rán cười, vì không cười thì có vẻ như muốn thừa nhận mình dở mà cũng là tự công nhận cái tài giỏi của "thằng khỉ" đáng ghét đang cười hí hửng ngay trước mặt. Nếu không cười gượng được thì cũng nói đôi lời vớt vát, chẳng hạn, "Tại tui sơ hở để chết mất con xe" hoặc, "Tại tao lo tấn công quá nên quên thủ con tướng." Cười không nổi, nói không được, im lặng cũng chẳng xong thì chỉ có nước xách bàn cờ mà đập cho đối phương một trận. Em rượt anh, cha đuổi con có thể cũng chỉ vì thua một ván cờ (làm như thể đánh cờ với cha thì con phải làm bộ thua hoài vậy). Sự thắng bại trong một bàn cờ có thể làm thay đổi nhiều thứ.

Tôi không phải là kẻ đánh cờ tướng chuyên nghiệp. Tôi chưa hề bỏ công để học cờ thế. Tôi biết đánh cờ, vậy thôi. Nhưng, có thể nói là do đánh cờ nhiều năm mà tôi có chút kinh nghiệm trong thế công lẫn thế thủ để bày được những ván cờ không mấy tệ. Đánh với kẻ cao tay thì dù thắng hay bại tôi cũng học được những nước hay; còn đánh với kẻ thấp cờ, tôi có được cơ hội để thí nghiệm những nước cờ táo bạo

mà tôi chưa dám áp dụng với kẻ ngang cơ hay trên cơ mình. Nhưng trong suốt mười mấy năm kể từ khi bắt đầu tập đánh cờ - lúc mười tuổi - chỉ có hai lần đấu cờ làm tôi nhớ đời. Hai lần đó đều là những bài học thú vị cho tôi. Những bài học này không nằm trong thế cờ mà nằm ở cái tâm. Đúng, cái tâm của người đánh cờ.

Lần thứ nhất xảy ra vào năm 1981, lúc tôi hai mươi hai tuổi. "Đối thủ" của tôi - phải sòng phẳng mà gọi như vậy - là một vị Thượng tọa lãnh đạo giáo hội Phật giáo có tiếng tăm. Trong khi chờ đợi thầy tôi (đi vắng chưa về), Thượng tọa bảo tôi bày cờ ra. Nghe danh ông tôi đã thấy "khớp" rồi, nói chi dùng trí mà đấu với ông, dù là qua những quân cờ. Nhưng đánh thì cứ phải đánh. Trận địa, nếu không bày thì thôi, bày thì phải đánh và đánh thì phải đánh để thắng, không thể nương tay. Vài nước dọ dẫm, tôi lấy dược tự tin rồi tấn công tới tấp. Quân tôi ồ ạt sang sông, bắt con tốt, chụp con xe, phá đại pháo, không chừa một mạng. Thành không cung trống, quân tôi ba mặt vây kín bắt bí tướng già trong tướng phủ. Ông cười vang, khen rằng: "Khá lắm, khá lắm!" rồi bày ván khác. Tôi tự hỏi: "Sao lại có thể dễ dàng như vậy? Nghe nói ông là một trong các vua cờ mà... hay là ông 'thả' mình ván đầu?" Nghĩ vậy, tôi dè dặt và bắt đấu lưu ý cách đánh của ông. Nước cờ của ông thật là kỳ quái. Mỗi con cờ mang cả sức mạnh của sự im lặng chịu đựng, con trước con sau hòa hợp nhịp nhàng trong một khối đồng nhất nhưng lại đa dạng, biến hóa. Ông dụng cờ trong thế thủ, nhưng thế thủ đó lại chính là thế công, chặt chẽ, kỳ bí, lúc ẩn lúc hiện, khi tấn khi thối, không nước nào mà không chứa dựng tiềm lực của sự chinh phục, cảm hóa. Thế đi của ông như nước chảy, như mây trôi, trong khi lối đánh của tôi như lửa chụp, như núi đổ. Chận bắt, phủ đầu, tôi đuổi theo ông như cọp vồ rồng. Ông ung dung tự tại dưa đi những quân cờ khoáng đạt, bao dung; tôi hùng hổ, háo thắng đẩy tới những tinh binh hung tợn. Và cuối cùng, tôi lại thắng; thắng một cách không ngờ; thắng trong sự ngỡ ngàng, kinh dị. Tôi muốn nhìn lại thế cờ tàn trước mặt nhưng ông đưa tay xóa đi và nói: "Khá lắm, con lại thắng thầy rồi." Nhưng, không thấy có dấu hiệu gì trên mặt cho thấy ông bị thua hai ván. Mắt ông sáng lên và ông buông một tràng

cười sảng khoái y như khi người ta vừa làm được một điều gì đắc ý trên đời. Tôi lui về phòng riêng mà thất thần, kích động. Không, tôi không thắng gì cả. Tôi như một đấu thủ quyền anh đấm vào hư không những cú đấm thôi sơn, cực mạnh; và những cú đấm không có đối tượng đón nhận đó chỉ làm cho kẻ đấm thêm mệt nhọc, khó thở mà thôi. Không thể đón bắt được hư không; không thể thắng được sự tịch lặng bằng những âm thanh thịnh nộ; không thể chinh phục được cái *không* bao la bằng cái *có* nhỏ mọn. Và, không thể thắng được một cái tâm rỗng, sáng.

Tôi hầu như bỏ cờ tướng từ lúc đó. Nhưng bốn năm sau, ở trong tù, thời giờ rộng rãi, tôi bắt đầu đánh cờ lại cho khây khỏa. Trong phòng giam hơn sáu mươi người, tôi không gặp tay cờ nào ngang sức. Tôi chịu khó đánh cờ với cả những người mới tập chơi và đôi khi tôi thua họ mà lòng tôi vẫn hững hờ như không. Đến đầu năm 86, tôi mới gặp được đối thủ của tôi. Và đây chính là lần đấu cờ thứ hai mà tôi nhớ mãi trong đời.

Ông ta ở vào tuổi bốn tám hay bốn chín (có người đoán là trên năm mươi), nhưng trông mặt thì còn trẻ lắm. Ông bị giam ở phòng sáu, bị các bạn cùng phòng trùm mền đánh cho một trận vì tội làm "ăng-ten". Lá bài "ăng-ten" bị lộ ở phòng sáu, ông được cán bộ chuyển qua phòng bảy chúng tôi. Sự qua lại giữa phòng sáu và phòng bảy rất dễ dàng, vì vậy, phòng chúng tôi nhận ra nhanh chóng tín hiệu của một cây "ăng-ten" mới. Ông được đón chào và tiếp xử một cách không mấy thân thiện cũng vì lẽ đó. Tuy nhiên, ông cũng tỏ ra là kẻ khoe khoang, khoác lác ngay từ những ngày đầu mới nhập phòng nên được đặt cho biệt danh là ông "Bô" (cái miệng nói bô bô) chứ tên thật của ông là Dự. Ngoài biệt danh "Bô", hai yếu tố khác làm nổi bật cá tính của ông là: thứ nhất, sĩ quan quân lực Việt-nam Cộng-hòa, chức vụ thiếu tá, binh chủng không rõ ràng (lúc thì Thủy-quân Lục-chiến, lúc thì Pháo-binh, lúc thì Bộ-binh, chẳng biết đâu mà mò); thứ hai, vô địch cờ tướng của trại giam B5. Ông có là vô địch cờ tướng của trại giam hay không thì phòng bảy này cũng chưa xác định được vì ông mới vào đây lần đầu; còn ông có là sĩ quan thứ thiệt hay không thì chỉ

có cán bộ trại giam mới rõ mà thôi. Tôi thì chẳng quan tâm đến chuyện ông ấy xuất thân từ đâu, nhưng chính cái đại danh "vô địch cờ tướng của trại B5" đã cho tôi chút hứng thú để lưu ý đến ông ta. Một cái gì đó ngủ yên trong tôi bị đánh thức dậy.

Trong vòng mấy ngày đầu tiên vào phòng, ông Dự đã dọ hỏi ngay những ai là người cao cờ nhất phòng. Người ta nói chỉ có vài cao thủ thôi, trong đó có tôi. Ông đã tìm được đủ cơ hội để ra chiêu dằn mặt những cao thủ đó và cũng đã chứng tỏ cái chức vô địch cờ tướng của ông không phải là ngoa cho lắm. Nhưng ông vẫn chưa có dịp đấu cờ với tôi. Trong khi tôi đang đánh cờ với người khác, thỉnh thoảng ông đến gần, im lặng quan sát. Tôi chỉ ngang cờ với những kẻ thấp nhất mà ông chấp cả xe pháo ngựa; có lẽ đó là nhận xét của ông khiến ông chưa có ý rủ tôi đấu cờ. Những tay cao cờ ít khi chịu hạ mình hay tốn thì giờ để đánh với kẻ mới tập chơi vì làm vậy sẽ "hư nước cờ". Tuy vậy, những người trong phòng vẫn cứ thừa nhận tôi là một cao thủ. Điều này khiến cho "nhà vô địch" hiếu kỳ, háo hức muốn đọ trận với tôi. Tôi bắt được cái nôn nả, bồn chồn của ông trong nhiều ngày. Ông nghĩ là tôi sẽ như những tay chơi cờ khác: ước mong được tiếp cờ với một vô địch (để học hỏi thêm hoặc nếu may mắn, biết đâu lại đoạt giải vô địch), nên ông chịu khó chờ tôi. Nhưng phần tôi, tôi biết sẽ có lúc ông tự mở lời thách đấu với tôi. Và tôi cứ chờ đợi ông.

Cái dịp đó đến vào dịp Tết Bính Dần, 1986. Ông đứng ngoài "gà" cho một đối thủ của tôi (đây là cách để đọ nước cờ tôi mà chẳng thiệt thòi gì nếu lỡ thua). Tôi đánh thắng và ngay lúc đó tôi muốn ông cắn câu, tôi đùa với đối thủ của mình, làm như không biết có ông đứng bên cạnh:

"Thấy chưa, nước đó thắng là thắng, dù có Đế-thiên Đế-thích xuống cũng gỡ không nổi nói chi người thường!"

Nghe vậy ông chen vào, đẩy đối thủ của tôi sang bên, nói với giọng ra vẻ tự nhiên:

"Mày dở quá, để tao đánh thử với ông thầy này coi."

Rồi ông tự động sắp cờ, mắt chẳng nhìn tôi:

"Thử vài ván đầu năm nhé ông thầy?"

Tôi chỉ cười và sắp cờ. Ông tự ý bỏ một pháo một ngựa của ông ra ngoài, chấp tôi. Một sự khinh địch thái quá. Tôi biết nếu tôi đánh cờ với một cái tâm đầy tự ái và tức giận, tôi sẽ không thắng được ai, tôi nói:

"Tôi nghĩ là chú chấp tôi thêm con xe nữa mới ngang cờ đó."

"Con xe nữa? Giỡn hoài, ông thầy cũng thuộc loại khá, tôi đâu dám bỏ xe. Để thử vài ván rồi hãy tính."

Trong phòng, người ta thấy ông đấu cờ với tôi liền tụ lại xầm xì:

"Cao thủ gặp nhau rồi."

Nhiều người còn quảng cáo to hơn:

"Đến coi, đến coi. Kỳ phùng địch thủ. Tranh giải vô địch cờ tướng trại B5!"

Nhờ trống pháo ngựa mà xe ông tiến nhanh, tấn công chớp nhoáng. Biết ông sở trường nơi cặp xe, tôi tập trung hai pháo hai ngựa của mình để "hạ" hai con xe của ông. Ông thua ván đầu, mất cả bình tĩnh. Ván kế tiếp ông cũng thua nốt, nóng nảy nói:

"Thôi đánh đồng đi, không chấp nữa". Rồi ông lượm con pháo con ngựa ở ngoài vào. Hai ván kế tiếp ông vẫn cứ thua. Cả phòng giam la hét cổ vũ tôi:

"Ông thầy hạ vô địch cờ tướng rồi!"

Ông tiếp tục sắp ván cờ khác nhưng đã đến giờ phát cơm, phải nghỉ. Bưng cơm đến chỗ tôi, vừa ăn ông vừa nói:

"Bữa nay tôi không được khỏe lắm. Hơn nữa tại tôi để ngươi, khinh địch nên thua. Chốc nữa ta lại bày ván khác nhé?"

"Đánh thì đánh. Mình rảnh rỗi mà, đánh cho đỡ buồn". Tôi cười đáp.

Ông quay đi chỗ khác rồi, các bạn tù quanh tôi mới nói:

"Ông thầy đánh thẳng tay nghe, cho ổng biết mặt. Vô địch, hứ, kỳ này cho chừa cái tật nói trạng nói dóc."

"Phải cho hắn biết thế nào là phòng bảy".

"Ông thầy mà hạ được hắn dài dài thì phòng bảy mình đoạt chức vô địch B5 đó".

"Hạ rồi, hồi nãy hạ xính vính rồi".

Tôi im lặng quan sát chính nỗi lòng mình. Cái háo thắng của tôi chưa chết. Cái tôi nhỏ mọn này đang có vẻ đắc ý với những thắng lợi tầm thường. Danh dự của tôi, danh dự của phòng bảy, đó là cái gì nhỉ? Nhưng, trong ván cờ, không ai mong đợi sự bại trận. Đấu là để phân định sự cao thấp, thắng bại. Người ta chỉ có thể vui lòng thua trong một trận đấu mà chính mình cho phép và trường hợp này chỉ có thể xảy ra khi họ thương hay nhường nhịn đối thủ, hoặc coi đối thủ như một kẻ tầm thường không đáng để so tài. Nhưng đối với một đối thủ cao cơ, tự đại, sự cho phép đó có vẻ như bất khả. Tôi phải thắng, đó là ý muốn tự nhiên. Thắng được một kẻ vô địch khoác lác lúc nào cũng tự xưng mình "bách chiến bách thắng" là điều nên làm. Tôi hầu như quên mất mình là một tu sĩ.

Bàn cờ lại được bày ra. Sáu mươi mấy người trong phòng giam đều ủng hộ tôi, xúm xít quanh bàn cờ hoặc tụm năm tụm ba bàn tán, chờ đợi kết quả. Mọi sinh hoạt khác trong phòng đều trở nên thứ yếu. Tất cả đều như tập trung vào cuộc đọ sức ly kỳ trên bàn cờ. Ông Dự trở thành một chiến sĩ cô đơn, nhưng tôi có thể đọc thấy sự quyết tâm của ông hiện rõ trên nét mặt.

Phải công nhận là nước cờ của ông thật lão luyện. Không nước nào thừa, không nước nào lầm lỡ. Quân ông tiến nhanh như vũ bão giành thế chủ động. Quân cờ ông vùng vẫy ngang dọc như những hổ tướng tàn bạo, chém giết chẳng nương tay. Ông vây chặt cung cấm của tôi với sự phối hợp tinh diệu của các cánh quân lạnh lùng, vô cảm. Và tôi nhìn rõ, thật rõ, vẻ sắt máu dữ tợn trên những quân cờ màu đỏ của ông. Ông là một tay tinh tường về cờ thế. Vừa đánh ông vừa hô to tên những thế cờ y như người ta đọc khẩu lệnh để điều binh ngoài trận địa. Điều này sẽ bất lợi cho ông nếu tôi cũng sành về cờ thế và binh pháp. Nhưng ông biết rõ tôi chẳng am tường gì về nó cả nên ông dùng nó để áp đảo tinh thần tôi, vừa để chứng tỏ ông đánh có bài bản, có kỹ thuật chứ không đánh một cách tài tử, lơ mơ như tôi. Tôi chẳng biết là

tôi đã bày những thế trận gì. Có lẽ trong cờ thế không có tên gọi cho nước cờ của tôi. Tùy theo thế công của ông mà tôi thủ, tùy theo chỗ hở của ông mà tôi phản công. Tôi đánh trong thế bị động, ứng biến. Cờ ông cao thì tôi cao theo, cờ ông thấp thì tôi thấp theo. Vì thế, cả ông lẫn tôi đều không ngờ là tôi có những nước cờ kỳ quặc, lạ lùng nhưng uyển chuyển và không kém phần bí hiểm. Tôi sực nhận ra rằng trước đây vị Thượng tọa kia đã từng đem cách đánh "vô chiêu thức" này để đánh với tôi. Sự khám phá đó làm tôi thích thú, hứng khởi. Nhưng chính cái hứng khởi này đã lấn áp ý niệm hơn thua trong tôi. Tôi rơi vào trạng thái *mặc tình, tha hồ* (nhậm vận, một thuật ngữ của thiền học), bỏ mặc tất cả với một cõi lòng thênh thang, sảng khoái.

Tôi thua ván cờ đó. Cả phòng la ó, có ý trách tôi chểnh mảng. Họ nói, lý ra tôi phải thắng; từ thế thắng tôi đã rơi vào chỗ bại một cách vô lý.

Ván thứ hai cũng vậy, sắp thắng tôi lại thua. Ông Dự có vẻ đắc ý lắm nhưng vẫn chưa thỏa dạ, ông hăm hở sắp ván khác rủ tôi đánh tiếp. Tôi từ chối. Anh trưởng phòng bảy kéo tôi lại một góc phòng, nói hành nói hẹ:

"Ông thầy thả hấn ta hả? Sao sắp thắng rồi lại thua? Ông thương hại hấn ta phải không? Làm ơn đánh đàng hoàng giùm tôi đi. Ông phải nhớ rằng danh dự phòng bảy đặt vào tay ông đó. Đánh lại đi."

Nhiều người khác cũng xúm lại, thúc đẩy tôi. Ai cũng nhắc đến danh dự của phòng bảy. Tôi trở lại bàn cờ. Ông Dự vẫn còn ngồi đó như muốn tận hưởng niềm vui của sự chiến thắng. Thấy tôi trở lại, ông hiểu ý ngay và sốt sắng sắp bàn cờ khác. Tôi im lặng ngồi xuống, cầm cờ. Lần này, tôi xua quân ào ạt, mũi tiến quân nhọn hoắc như dao găm, chọc thủng mọi thành trì, phá tan quân cấm vệ, xông vào bắt tướng. Một ván, hai ván, ba ván, rồi bốn ván, tôi đều thắng. Thắng vẻ vang. Thắng vì danh dự của phòng bảy. Cả phòng reo hò tán thưởng, ca khúc khải hoàn. Ông Dự méo mặt đau khổ, rút về góc phòng. Tôi cũng im lặng rút về một góc. Tự nhiên thấy buồn.

Người ta thường nhân danh tập thể này để áp đảo, đánh bại tập

thể khác. Nhưng thực ra, tập thể chỉ là một danh từ rỗng tuếch; nó chỉ là sự gá hợp gượng gạo của nhiều cái bản ngã nhỏ nhen. Những bản ngã nhỏ nhen này vì không chịu giam mình trong cái vỏ hạn hẹp, đã tự đồng hóa mình vào cái tập thể lớn hơn để thỏa mãn nhu cầu vùng vẫy chiếm hữu của nó. Danh dự của một tập thể chỉ là danh dự của cá nhân phóng đại ra chứ không gì khác. Cho nên, khi chiến thắng hay thất bại, tập thể vẫn cứ là tập thể, chỉ có từng cá nhân riêng lẻ kia mới thọ nhận được hạnh phúc hay đau khổ mà thôi. Nỗi khát khao hay ước vọng của tôi nhân danh một tập thể vẫn cứ là khao khát hay ước vọng của tôi: một sự vươn dậy của bản ngã.

Tôi đến chỗ ông Dự, định nói đôi lời gì đó để an ủi ông; nhưng khi đến rồi, tôi chẳng biết phải mở lời thế nào để ông khỏi hiểu lầm là tôi chọc tức, hoặc sự việc tôi đến chỉ là muốn được xác nhận thêm rằng tôi đã thắng từ chính miệng ông ta. Quả nhiên ông ấy nghĩ vậy. Ông không thèm ngó tôi. Tôi hối hận là đã bước đến chỗ ông dù là với thiện ý. Ông vẫn chưa chịu thua. Ông không tin rằng lối đánh cờ "rừng rú" của tôi lại có thể thắng được kỹ thuật tinh vi trường lớp của ông được. Ông nói:

"Chưa đâu ông thầy ạ. Ông tưởng rằng qua mấy ván cờ đó ông có thể thắng được tôi sao? Chỉ tại tôi chưa quen cái lối đánh lung tung không có chủ đích, không hợp binh pháp của ông mà thôi. Đánh cờ nhiều năm hẳn ông phải biết rằng khi người ta đã quen nước cờ của nhau rồi thì sự thế sẽ diễn ra trong một kết cuộc khác hơn chứ, phải không? Hơn nữa, sau lưng ông có mấy chục người ủng hộ, cổ võ, áp đảo tinh thần tôi".

"Dạ đúng. Tôi đến đây để nói với chú cái ý đó".

"Không, không phải vậy. Ông đến đây để được nghe những lời ca ngợi của tôi đấy thôi".

"Chú Dự à, chú hiểu lầm rồi".

"Ông đừng nói nữa. Tôi nói ông nghe này, có ngon thì tối nay đánh ba ván nữa. Đánh độ đàng hoàng".

"Đánh độ? Nghĩa là sao?"

"Là đánh cá đó. Ai thua thì nộp cho người thắng một gói thuốc Samit và thua rồi thì coi như thua suốt đời, không cần phải đấu với nhau nữa. Sao, dám không?"

"Đâu cần thiết phải làm như vậy, thưa chú. Chú biết mà, tu sĩ chúng tôi chơi cờ đã là quá trớn rồi, đâu nghĩ đến chuyện chơi bạc nữa."

"Thấy chưa, ông sợ rồi. Điều đó cho thấy chuyện ông thắng tôi có vẻ như là may mắn, táp phải ruồi, chứ có hay ho gì!"

"Đúng, chó táp phải ruồi. Nếu chú cho rằng đánh cờ không phải để giải trí và chỉ có đánh độ mới phân được cao thấp thì tôi xin chịu thua vậy."

Tôi nói với giọng bình tĩnh, pha một chút khinh bạc trong đó, rồi quay về. Nhưng, ngồi vào chỗ của mình rồi, tôi mới nghe máu nóng chạy trong người. Một cái gì đó bị tổn thương. Tôi tự nhủ: "Tầm phào! Chuyện có đáng gì để phải tự ái, bận tâm. Đâu có cần phải tranh đua với những tâm hồn cờ bạc tầm thường." Tôi nằm xuống định ngủ nhưng anh trưởng phòng lại trờ tới, to nhỏ với tôi:

"Này, ông làm sao mà để ông Bô nói xéo tùm lum vậy?"

"Kệ ông ấy, để ý làm gì."

"Ổng nói gì mà chó táp phải ruồi đó. Ổng còn nói gì mà vào chùa nghe sãi tụng kinh còn ra trận thì chỉ nghe tướng chỉ huy thôi."

"Kệ ông, nói gì cũng được mà."

"Sao mà kệ, ổng còn nói là sáu mươi người 'hội đồng' một mình ổng thì thắng là phải rồi."

"Ừ, là phải rồi."

"Tầm bậy! Ăn thua người cầm cờ chứ người ngoài đâu có tính."

"Tính cũng được, không tính cũng được."

"Không được, ông phải làm cho rõ chuyện này. Ổng chưa phục, phải làm cho ổng phục. Ổng nói ổng thách cá độ mà ông sợ không dám phải không?"

"Tôi mà đi chơi cờ bạc với ông ấy à? Cho là ông ấy thắng đi, tôi thua. Vậy là xong."

"Không, ông không thể ngưng chiến. Phải đánh cho tới khi nào đối phương tâm phục mới thôi. Đối phương chưa phục thì cuộc chiến chưa ngã ngũ."

Tôi ngồi bật dậy:

"Hay, nói hay. Tâm phục, tâm phục. Ha ha, vậy mà tôi không nghĩ ra kìa."

"Ông đồng ý rồi hả? Tôi nói với ổng nghe?"

"Khoan, để coi lại đã. Tôi không thích đánh độ."

"Không sao, ông thầy đánh cờ, còn tôi đánh độ."

"Không độ không được sao?"

"Ổng nói không độ ổng không đánh."

"Làm như là có độ mới kích thích được tinh thần chiến đấu vậy."

"Chứ sao! Tự cổ chí kim không cuộc chiến nào bày ra mà không nhắm vào chiến lợi phẩm cả."

"Trừ cuộc chiến của thầy tu."

"Niết bàn giải thoát không phải là chiến lợi phẩm của ông thầy sao?"

"Anh nói khéo lắm. Thôi được, tôi nhận lời."

Anh trưởng phòng hí hửng đi trao chiến thư và sắp đặt giờ quyết đấu. Giao ước được trọng tài đưa ra là im lặng đấu cờ; người ngoài không được mách nước hay hò reo cổ võ; cầm quân cờ nào thì đi quân cờ đó không đổi quân cờ khác; nước cờ đã đi rồi không đổi nước cờ khác; thời gian tối đa để suy nghĩ cho mỗi nước là mười lăm phút; ba ván cờ sẽ phân thắng bại; thắng hai ván liên tiếp coi như đã thắng không phải đánh ván thứ ba; thắng bại đã phân thì không viện lý do gì để thách đấu ván khác nữa.

Bao cặp mắt chú mục ngó vào bàn cờ. Không khí trong phòng giam im lặng một cách đáng sợ. Tôi không ngờ cái im lặng này lại kích thích nỗi háo thắng và quyết tâm chinh phục của mình hơn là những hò reo ầm ĩ. Tôi chọn quân cờ mầu xanh như mọi khi để tỏ ra tôi xem ông là kẻ cao hơn mình (vì quân cờ xanh được quyền đi trước, thường dành cho kẻ thấp cờ hơn như mọi người thường nghĩ). Ông Dự có vẻ

đẹp lòng trước thái độ lễ phép của tôi, nhưng không vì vậy mà cái vẻ đằng đằng sát khí của ông giảm đi. Ông tiến quân thần tốc, chặn đông đón tây, nước nào cũng bí hiểm, độc địa. Tôi lại bị rơi vào thế bị động, chỉ biết ứng biến theo thế công của ông. Nhưng thế cờ tôi như lò xo, ông càng ép mạnh thì nó càng bung xa, phản ứng tùy nghi, biến thủ thành công, biến nguy cơ thành lợi thế, đột kích chớp nhoáng. Tôi thắng ông ngay ván đầu. Trán ông lấm tấm mồ hôi hột. Ông kinh ngạc một lúc mới lấy lại bình tĩnh để sắp ván cờ khác. Ông nuốt nước bọt một cách khó khăn rồi đi nước cờ đầu. Ván này, ông càng thận trọng hơn, đi những nước thật chắc nhưng e dè và thụ động. Ông thủ kín cung thành của mình khiến cho thế cờ của hai bên có vẻ như đang đình chiến để nghị hòa. Ngay lúc ấy, tôi bỗng thấy rằng không bao giờ, không bao giờ ông có thể thắng tôi được. Tôi đưa quân mình len lỏi vào thế trận thủ thành của ông, thí cả pháo ngựa để mở đường. Đường trống, quân tôi ồ ạt tấn vào, khép chặt hai mặt công kích như hai cái càng bò cạp, mặt chính diện thì chọc thủng vào với cái đuôi mang đầy nọc độc. Ông Dự kinh hãi mặt biến sắc. Nhưng tôi bỗng bật cười lên vì thấy rõ chỗ sơ hở của mình. Nếu không có cái cười đó có lẽ ông Dự đã ngỡ rằng ông thua rồi. Nghe tôi cười, ông trấn tĩnh, nhìn kỹ lại cờ một lúc rồi mắt ông sáng lên, vỗ đùi một cái, phản công. Thắng. Ông thắng ván đó. Ông thở phào một cái rồi cười rạng rỡ. Tôi chụp vai ông, tán thưởng:

"Chưa có nước nào hay tuyệt như vậy."

Ông bàng hoàng, sửng sốt trước sự thích ý của tôi. Đôi ngươi ông có vẻ chết đứng trong vài khắc rồi lay động một chút trong nghi ngại.

Một huề. Phải có ván chung kết. Ván này sẽ là ván quyết định. Có vài tiếng xì xầm cho rằng tôi vờ thua để có một ván chung kết hồi hộp, gay cấn.

Ván chót này ông Dự lại thay đổi thế đánh. Ông đã lấy lại chút tự tin. Hơn nữa, thể diện của ông cũng như sự cá độ không cho phép ông đầu hàng. Ông tranh thế chủ động, tả xung hữu đột, tung cả một đội tinh binh hùng hậu tràn sang nước tôi. Nước cờ của ông mang đầy cơ tâm quyết thắng. Nhìn những quân cờ của ông tôi thấy được cả một

đội quân quyết tử, hò hét vang trời với sự hỗ trợ của chiến xa, phản lực cơ và những cỗ pháo khạc lửa. Tôi thấy quân tôi, dân tôi gục xuống, ngã xuống từng mạng một. Tôi thấy nước tôi bị oằn xuống theo sức ép của ác tâm, rồi bị cày xới lên bởi những tàn phá kinh hồn của bom, của đạn, của lửa hận thù. Nhìn lại thế cờ mình, tôi thấy chỉ là nước. Nước. Nước của một con sông êm đềm, lững lờ trôi đi, chảy uốn khúc qua các lũy tre xanh, chảy từ đầu làng đến cuối làng, chảy một cách nhu thuận, uyển chuyển và hiền hòa, chảy mãi mà bất biến, bất biến nhưng không dừng chết, không dừng chết mà lại đa hình, đa hình nhưng vẫn là một. Chỉ một thế đó thôi: chảy, chảy. Cờ tôi lẩn bên này, tránh bên kia, khi tiến tới, lúc thối lui, đều là để tự vệ và tự tồn. Không tấn công nhưng không chịu khuất phục; không hiếu chiến nhưng không tỏ ươn hèn; không tranh thế nhưng không bỏ thế đứng. Thế của nó là chảy, chảy bất tận.

Vậy mà tôi lại dồn cờ ông vào một thế bí không sao gỡ nổi. Chỉ hai nước cờ nữa thôi là ông phải đầu hàng. Và để thắng ván này, tôi chỉ có mỗi một cách đánh để thắng chứ không có cách nào khác hơn. Tôi chỉ cần đi sai nước thứ nhất thì hỏng nước thứ hai; hỏng, không những không thắng được mà còn thảm bại nữa vì cờ ông cũng đang trong thế tranh thắng tối hậu với tôi. Nước cờ quả là độc đáo và hiểm hóc đến nỗi chỉ có ông và tôi mới thấy được mà thôi. Tôi không vội đi cờ. Tôi cũng không cần nhìn vào bàn cờ nữa. Nước thắng đã quá rõ ràng. Tôi nhìn ngắm ông. Trong ánh mắt ông, tôi đọc được sự xuôi tay, thất vọng. Hai má ông xệ xuống, đôi môi mấp máy run rẩy để lộ hai hàm răng đánh lập cập vào nhau. Nước da ông tái đi một cách bệnh hoạn. Con hổ hung tợn nay chỉ còn là con thỏ già hấp hối. Danh dự của ông, một thời oanh liệt vẫy vùng của ông bây giờ tùy thuộc vào nước cờ quyết định của tôi. Tôi nói khẽ, vừa đủ cho ông nghe được:

"Thắng bại đã rõ rồi."

Lời tôi làm ông xụi người xuống như thể nãy giờ ông vẫn còn hy vọng là tôi sẽ không đánh đúng được nước cờ thắng. Tôi lấy thuốc đốt một điếu, từ từ nhả khói rồi thở dài, nói tiếp:

"Chà, khó xử quá há!"

Nghe vậy, mắt ông sáng lên. Ông vẫn còn hy vọng. Cái hy vọng này vừa lú lên thì đã phát triển theo cấp số nhân một cách hối hả để biến thành nỗi khát khao chiến thắng vừa bị đốn ngã trong ông. Sự hăm hở, ngoan cố của ông bỗng làm dậy trong tôi một chút nực cười và một chút ác ý. Tôi lại quên tôi là một tu sĩ. Trong tôi cũng có cái khát vọng chiến thắng như ông vậy. Trong một trận thư hùng quyết đấu, chỉ có sống hoặc chết, thắng hoặc bại. Cái bản ngã của tôi không muốn bại trận. Và vì nó biết trước nó sẽ thắng, nó bước đến chung cuộc bằng những bước lững thững kiêu bạc. Nó cố ý kéo dài thời gian kết thúc để lắng nghe nỗi bập bùng thống khoái của khát vọng chinh phục đồng thời là để tra tấn, hành hạ kẻ chiến bại hầu thỏa mãn cái ác tâm hiếu chiến của nó. Tôi lấy ngón tay gõ vào con xe xanh của mình - con xe quyết định ván cờ nói bỡn một câu:

"Mày đó nghe, đừng có đi bậy à. Ăn hay thua cũng là mày thôi đó."

Ông Dự xanh mặt và dần người ra, rồi lẩm bẩm nói theo tôi một cách vô vọng:

"Ừ, ăn thua cũng là mày thôi."

Cả phòng giam chết lặng, im phắc. Tôi nghe hơi thở đứt đoạn và dồn dập của ông. Tôi từ từ nhấc con xe lên, tỏ cho ông thấy là tôi không chọn con cờ nào khác nữa. Cái hy vọng cuối cùng còn sót lại trong ông là tôi đi sai con xe đó. Chỉ một nấc xê xích thôi là sai bét cả. Tôi bật cười lên ha hả, sảng khoái như khi một mình bước lên đỉnh núi cao, khám phá cái đẹp vô cùng của đất trời thơ mộng. Trong khi đó, ông Dự không kìm hãm được sự run bần của mình. Ông ngước mắt nhìn tôi. Đôi mắt lạ lắm: có một chút thù hận và một chút khẩn cầu. Tôi tức khắc nhận biết tôi không thể thắng được ông bằng sự sát phạt sòng phẳng trong trận thế giữa hai cái bản ngã hiếu chiến và đầy khát vọng. Tôi từ từ đặt con xe xuống một cách nghiêm trang, cẩn trọng như bước chân đầu tiên chạm nhẹ trên nền đá phong rêu của một ngôi đền cổ. Nhưng, đó là nước cờ sai. Ông Dự chớp nhanh đôi mắt một cái, sững người, ngước nhìn lại tôi như muốn hỏi: "Thật vậy sao?" Rồi ông rơm rớm nước mắt trong một vẻ kinh ngạc khó tả. Ông không tin nổi

rằng tôi có thể chủ định một nước cờ tất bại phi lý như vậy. Ông khiếp hãi và bối rối trong vài giây rồi bất chợt nỗi sung sướng tột độ của ông bùng ra, ông hét lên:

"Thắng rồi, tôi thắng rồi!"

Tôi lặng lẽ trở về góc phòng giam. Qua song sắt, tôi thấy hoàng hôn kéo xuống thật nhanh. Ngày Tết đã qua. Tuổi đời chồng thêm một lớp. Cuộc sống diễn ra trên một bàn cờ. Có kẻ thắng, có kẻ bại, có kẻ hơn, có kẻ thua; nhưng bất biến hay không mới là điều thiết yếu.

Không. Không phải là một ván cờ mà là cuộc sống. Cuộc sống là sự trôi chảy của một dòng sông.

Ông Dự rón rén bước đến chỗ tôi như một tín đồ tội lỗi muốn xưng tội. Ông nói:

"Thầy đã thắng tôi."

Tôi cười, nói:

"Có ai thắng đâu."

TRÚC CHI

vô đề

*

Giày rơm nhẹ gót lãng du
Vung dài gậy trúc vẫy hư không về
Áo cừu rẽ lối sương che
Nghiêng nghiêng nón lá phẩy lìa trần duyên

Mốt mai có lạc rừng thiền
Nương trang bối diệp xuôi miền Thiếu sơn
Hỏi xem duyên nghiệp hết còn
Còn duyên còn nghiệp thời còn trang thơ.

LÊ ĐẠI LÃNG

mẹ ngồi che nắng lóng xương cha

*

Bữa ni tới dãy mộ ôn hả con?

Cô Út nghe mẹ hỏi, ậm ừ. Bà cụ hỏi câu này không biết bao nhiêu lần, cô Út nghe riết rồi không buồn trả lời nữa. Không phải cô có ý dám khinh nhờn mẹ, chỉ vì cô biết mẹ hỏi là hỏi cho có, hoặc mẹ cô muốn phá tan cái bầu không khí lúc nào cũng lạnh lùng giữa hai mẹ con, nên gióng lên một câu, mà cái câu bà cụ hay nói đến dạo sau này, ôi chao buồn như tiếng chuông chùa chạng vạng.

Tiếng ậm ừ của cô Út nhỏ quá, mất hút trong tiếng lục đục nồi niêu. Cô Út đang rửa khoai lang, bỏ vào nồi rồi bắc lên ba ông táo. Cô không cần đổ nước, chỉ để vào đáy nồi một cái kim găm, đậy kín nắp. Cái phương pháp luộc khoai này tuy không ngon như hấp nhưng được cái khoai mau chín, hà tiện được mấy khúc củi. Cô vừa phùng miệng thổi lửa, vừa lóng tai nghe có tiếng xe lam buổi sáng chạy chưa, nên không nghe bà cụ hỏi.

- Con rửa khoai sạch sạch ăn luôn vỏ, đừng cắt chóp như mọi lần mà uổng.

Bà cụ ngồi phòng trên, cách bếp cái vách ván nên không biết cô Út chỉ còn chờ khoai chín. Mắt cụ lại mờ, dù chưa lòa hẳn, nên chỉ

đoán việc qua tiếng động. Bà cụ lại than, cái đầu gù gù gục xuống gần đụng đầu gối:

- Chết cũng mồ có mồ yên mả đẹp. Trời ơi, nghiệp chi mà nặng rứa!

Cô Út nghe lọt câu này. Cô đẩy khúc củi, nói vọng lên nhà trên:

- Mạ nói chi lạ. Đâu phải nghiệp của ôn, nghiệp cả nước chớ trời hành riêng chi mình.

- Tau cũng biết rứa, mà nghĩ đem ôn mi lên, đau lòng chịu không thấu.

Cụ nói như thều thào, ngước nhìn tấm ảnh ông cụ lộng kiếng nổi bật trên cái trang nhỏ sơn xanh. Càng trông cụ càng thấy cô Út giống ông cụ như tạc. Con gái giống cha giàu ba họ. Cụ thường nghe thế, mà cũng tin như thế thật. Nên cô Út năm nay dù đã ba mươi tuổi sống hẩm hiu với mẹ cực khổ, cụ cũng không lấy thế làm điều đáng buồn. Cụ vững tin là tuổi nhỏ mà lao đao vất vả thì về già sẽ "khá" ra. Có điều cụ không dám nghĩ, sợ sẽ "vận" vào cô Út, là hồi nhỏ cụ cũng vất vả lắm, chỉ sướng có mấy năm khi bầy con đã lớn; rồi dùng một cái mất nước, ông cụ chết, hai đứa con trai đi tù, chỉ còn độc một mình cô Út ở với mẹ. Thế ra cụ khổ cả đời. Mà thiệt, mười mấy năm trước cụ khóc chồng, tưởng là khóc một lần rồi thôi, vậy mà mười mấy năm sau, cụ phải khóc một lần nữa. Lần này khóc vì mả ông cụ bị nhà nước bắt dời. Như thế là ông cụ chết hai lần, mà theo lời các thầy trên Chùa dạy thì đây là đại tang thứ nhì: Cụ phải để tang chồng lại, cô Út (hai anh ở tù miễn) cũng phải để tang cha hai năm.

Bà cụ nghĩ tới đó thì cô Út bưng khoai lên. Cô đứng lên trên cái ghế đẩu, với tay để dĩa khoai trước chân dung ông cụ, xong đốt hương cho mẹ. Cụ lẩm nhẩm khấn:

- Nam mô A Di Đà Phật. Ông ơi ông sống khôn thác thiêng thì về đây chứng giám lòng thành cho mẹ con tui. Bữa ni là ngày tốt tui đã coi Thầy, nên đem ông về chùa bữa ni là đại cát, con cháu sẽ nhờ đức ông mà hưởng. Ông linh thiêng phò hộ cho hai thằng con trai về trước khi tui nhắm mắt theo ông. Còn con Út nó giống ông, lại là út...

Cô Út lắng nghe mẹ khấn đến chỗ nhắc tên mình, tự nhiên ruột cô thắt lại, nước mắt chực trào ra. Cô rán kìm giữ để nghe mẹ khấn tiếp mà hình như bà cụ cũng ngập ngừng chỗ đó, phải rán hết sức lắm, cụ mới khấn hết được:

- Ông ơi, ông hiểu cho hoàn cảnh mẹ con tui mà tha thứ.

Bà cụ nói dứt câu đó như hết sức chịu đựng, đưa cây hương cho cô Út, dập trán vừa lạy vừa khóc tấm tức. Cô Út rướn người, khi cây hương vừa vặn cắm vô bát thì mặt cô cũng kề gần ảnh ông cụ. Cô nhìn mặt cha, bỗng nhiên tự trong lòng một cái gì dâng lên đột ngột đến độ đẩy nước mắt cô chực trào ra, nhưng cô dằn ngay nỗi xúc động suýt bật ra ngoài ấy, như bàn tay giữ kịp cái ly sắp rơi xuống đất. Khi nỗi đau đến không đúng lúc thì chỉ nên để nó vỡ ra âm thầm. Cô xá xá, rồi quay lui nhắn mẹ:

- Mạ tề, ôn hiểu chứ!

Bà cụ mắt đỏ hoe:

- Tau cũng biết rứa, mà cứ thấy mình làm điều không phải.

Mặt cô Út bỗng lộ nét hằn học. Cô nghiến răng:

- Phải chi! Chỉ có người sống là khổ. Chết... hết.

Cô Út vừa nói vừa nhìn ra thì trời đã ưng ửng sáng. Con hẻm nhỏ bắt đầu rộn tiếng. Cô mở hé cánh cửa, hạ dĩa khoai trên trang xuống sắp vô lon ghi-gô.

- Mạ ăn một củ đi, lên trên nớ đói lại xỉu.

- Tau không ăn sáng. Uống miếng trà xúc ruột.

- Rứa thì đi.

- Sớm rứa à?

- Không đi sớm người ta đào qua dãy ôn mất. Cô Út vừa hối mẹ, vừa kiểm soát lại những thứ cần phải đem. Cái hộp giấy dài chừng nửa thước, ngang hơn tấc, là "tiểu hòm", chút xíu nữa đây sẽ dùng đựng hài cốt cha. Cái hộp giấy này tự tay cô làm lấy, dán giấy đỏ bên ngoài, có nắp đậy. Cô còn cẩn thận mang theo hai sợi dây vải trắng để riềng quanh tiểu hòm. Kế là cái hũ đất. Cái hũ đất sẽ là nơi yên nghỉ miên viễn và an toàn của ông cụ: Sau khi rửa rượu, lau chùi cẩn thận, những

lóng xương của ông cụ sẽ được cho vào tiểu hòm đem lên lò thiêu ở Bình Thạnh, rồi tro xương sẽ đựng trong hũ đất. Hai mẹ con đã chuẩn bị đâu vào đó, chỉ chờ giờ phút quật mả.

Quật mả! Âm thanh ấy bỗng vang trong đầu cô Út như tiếng xương gõ vào nhau lóc cóc ghê rợn.

Con đường, ừ con đường nhựa dẫn ra thành phố bụi vẫn bốc mờ. Hồi nhà nước ra thông báo giải tỏa nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi, bà cụ vui mừng vì chỗ của cụ ông rất xa thành phố, như vậy khó bị dời lắm. Vậy mà chạy trời không khỏi Đảng. Lúc này đến phiên cụ đi bốc mả chồng. Chết không yên! Cụ ngồi trong chiếc xe lam chật chội, thỉnh thoảng lại chép miệng. Hồi ông cụ mất, đúng ngày giặc vô, cụ chạy đôn chạy đáo tả xông hữu đột kiếm chỗ chôn chồng. May thời có Nghĩa trang Tương tế Bắc Việt ở Xóm-mới, Gò-vấp chịu nhường một miếng đất. Bà cụ mừng lắm, trong đầu bỗng nảy ra ý nghĩ hay hay là ông cụ sinh ở Huế, chết ở miền Nam và chôn trên... đất Bắc! Thì cái nghĩa trang chôn toàn người Bắc có khác gì đất Bắc? Vậy ra ba miền gom đủ trong người cụ ông. Khi cụ đem ý nghĩ đó khoe với cô Út, cô ngẫm nghĩ một chút rồi gắt lên:

- Thì chừ hai anh cũng sinh ở Huế, làm việc ở Sàigòn và đi tù... miền Bắc. Cũng đủ cả 3 miền, có chi lạ.

Bà cụ lặng thinh, tiu nghỉu như đứa bé bị rầy. Cụ thương cô Út không biết để mô cho hết. Cứ tưởng tượng từ ngày cha chết, cô bỏ học, thân gái lặn lội thăm nuôi hai anh, rồi tảo tần nuôi mẹ, là cụ đã cảm động rơi nước mắt. Ngày đưa đám, cô con gái nhởn nhơ tuổi mới lớn, thoắt một cái cằn cỗi, thời gian giăng đuôi mắt. Cũng cô con gái út, ngày đó khóc ngất bên quan tài, bây giờ lạnh lùng ôm hòm nhỏ đi lượm xương cha. Con đường ngày đó người xôn xao nhốn nháo, chiếc xe tang bò ra thành phố ngược chiều với từng toán bộ đội tiến vào. Chừ chỉ có bụi đường. Ôi dấu người xao xác hay bụi đường lặng lẽ thì con đường này đã giữ của cô Út biết mấy nỗi buồn, đã cất cho bà cụ nào nắng nào mưa nào mồ hôi rớt. Nghĩa trang đã thành nơi đến, nấm mồ cất kỷ niệm, mái nhà là chỗ về nương náu, đường là nhịp cầu nối nơi đến với chỗ về nên cũng trở thành kỷ niệm, và như thế là quê

hương. Vậy mà bà cụ sắp bỏ quê hương, cô Út sắp bỏ con đường. Nghĩa trang hết là nghĩa trang nên đâu còn nơi đến. Người sống bỗng bơ vơ, hụt hẫng. Còn người chết...

- Đi sớm ri không biết họ tới chưa.

- Sớm mới chắc, mạ nờ. Nhìn mộ ôn lần cuối.

Nhìn mộ ôn lần cuối. Trước khi nhát búa đầu tiên của "họ" đập chát xuống nền mộ. Xương người chết sẽ rung rinh. Cô Út chợt rùng mình. Những ý nghĩ nhảm nhí lóe trong đầu như mạng nhện. Những mộ đất tung tóe, nắp hòm tung tóe, xương trắng oằn cỏ xanh. Cô nhìn mẹ, như thấy những đốt xương của mẹ cũng đang lòi ra.

- Mạ, đói bụng không?

- Ờ...

- Khoai nì.

Bà cụ ăn chưa hết củ khoai xe đã đậu lại đầu con đường đất dẫn vô nghĩa trang. Hai mẹ con lại đi qua cái chợ chồm hổm buồn vắng bên con đường có những cục đá lồi trên mặt đất đo đỏ. Nghĩa trang nằm dưới một con dốc mà nếu đi xe đạp, cô Út có thể co chân lên để xe lăn vù vù rất "đã".

Bà cụ chập đi, chập nghỉ. Nắng lên, bia mộ đã hiện cuối tầm mắt. Gần hơn là những hố đất của những huyệt đã được bốc đi. Hai mẹ con đồng loạt đi nhanh hơn khi chợt vang rền tiếng búa tạ đập xuống nền xi măng.

- Mau đi mạ.

Bà cụ không nói không rằng, mặt bỗng thóp lại nét lo âu. Cụ hổn hển rán theo kịp cô Út, nhưng chỉ một quãng ngắn là cô Út bứt xa cụ, mắt dáo dác ngó chằm về phía trước. Chợt cô reo lên:

- Mạ đi từ từ, họ chưa đập tới chỗ ôn.

Bà cụ thở phào một cái, thốt nhiên cơn mệt nhào lên cùng tiếng thở. Cụ đứng lại, điều hòa hơi thở theo cách riêng của cụ.

- Mạ ngồi nghỉ mệt đi. Tới rồi.

Bà cụ ngồi ngay chỗ khúc quẹo vô dãy mả ông cụ. Phu phá huyệt đang đập dãy mộ kế trên một cách gay cấn. Những cái mả xây thời

trước thường rất cứng vì xi măng còn tốt, thành ra mấy tay "công phá" tốn nhiều sức hơn là đối với những cái mả xây sau này, như mả ông cụ, vì xi măng của nhà nước đã xấu lại trộn với quá nhiều cát. Thỉnh thoảng hai mẹ con lại nghe một phu phá huyệt cằn nhằn, sau khi giơ búa tạ thẳng cánh đập chát xuống.

- Mẹ, đúng là khó khăn của Mỹ-Ngụy để lại. Xây mộ cái đéo gì mà cứng thế này.

Cô Út mỉm cười. Người nói là một thanh niên đen đủi ốm nhanh nhách. Cái chữ "phu" dùng tả anh ta thật không đúng vì phu thường gợi ra hình ảnh những bắp tay bắp chân cuồn cuộn chắc nịch. Nhưng anh ta đang làm công việc của người phu phá huyệt! Ốm như thế thì chỉ có phu quét đường, hoặc... sĩ phu. Cô Út nghĩ, mỉm cười. Những mảnh xi măng bể văng tứ tán. Cuốc cắm vào đất phầm phập. Những miếng vải che kín mũi miệng khi nắp hòm cạy tung. Hương khói như từ lòng đất trồi lên, vì tiếng khóc âm thầm rơi xuống. Những nấm mồ vô chủ coi ít buồn hơn vì chẳng có nước mắt nào rỏ, chỉ có tiếng đập phá đào xới của người nhà nước vỗ xuống đào lên. Hai mẹ con lúi húi lạy, đi thắp hương tất cả những ngôi mộ hàng xóm của ông cụ. Những sợi khói rung rinh buổi sớm nhưng chẳng làm thơm nghĩa trang một tí nào.

Khi hai mẹ con trở lại thì hai người phu đã đứng hai bên mộ ông cụ. Họ nhìn bà cụ và cô Út một chút như tỏ ý xin phép rồi rất nhanh, nhát búa đầu tiên đập xuống. Hai bàn tay bà cụ xòe ra ôm lấy ngực, mỗi nhát búa đập xuống cụ có cảm tưởng như chính thân thể cụ đang nẩy lên, xương cốt lăn lộn như những miếng xi măng đang rời ra, bể vụn văng từng mảnh. Cụ đã sống một đời mà chưa thấy ai quật mồ quật mả bao giờ. Động mả. Mả động thì con cháu làm răng khá được. Cụ như thấy khuôn mặt phúc hậu của ông cụ hiển hiện, hai mắt bỗng choàng mở vì bị đánh thức bằng búa tạ, bằng cuốc xẻng, và bằng tiếng khóc thầm của bà cụ, của cô Út. Búa lại đập xuống. Cô Út quay mặt đi. Mỗi lần đi mộ cô vẫn ngồi lên phiến xi măng đó, nhìn phần đất trống còn lại của nghĩa trang chạy hút tận bìa rừng. Cô đã tưởng rồi đây tầm mắt cô sẽ bị ngăn lại vì bia mộ sẽ lần lượt mọc lên ở phần đất

trống đó. Cô đã tưởng cái cảnh vắng vẻ sáng sáng ở nghĩa trang có tiếng chim cu gáy xa xa sẽ đi vào tâm khảm cô, để ký ức sẽ mang hoài hình ảnh một nghĩa trang văng vắng, buồn buồn và yên tĩnh; rồi sau này dẫu có đi đâu xa, mỗi lần nhớ về nấm mồ cha, cô cũng sẽ nhớ ngay hình ảnh buồn buồn và tiếng chim cu gáy, và tâm hồn sẽ chùng xuống chùng xuống buồn êm thắm. Vậy mà phiến xi măng đang bị đập, cô Út tưởng chừng cả kỷ niệm cũng bị bứng rời, tốc lên rồi liệng xuống hố. Để cho cô không còn chỗ trở về thủ thỉ. Để cho cô hết còn nơi vắng vẻ gần gũi mà lui tới. Và nỗi buồn cô biết giú nơi mô?

Hai người phu cặp móc vào ván hòm, dùng đòn bẩy vừa xeo vừa kéo quan tài ông cụ lên khỏi huyệt. Bà cụ và cô Út đến lúc này không còn giữ được tiếng khóc thầm rưng rưng. Cụ òa lên nức nở. Cái hòm, chính tay cụ mười mấy năm trước, đã vuốt ve sờ nắn, đã bỏ từng nắm trà vô ướp xác chồng, đã trải chiếu nằm bên hai hôm liền trước ngày động quan; bây giờ nó đó, cụ thấy lại vách ván còn tốt chưa rã mục, chỉ đen và bầy nhầy đất ướt bám quanh hòm. Ông cụ đang nằm trong đó. Cụ nức nở níu cô Út, cả quá khứ ngày ông cụ mất, ngày đưa đám giữa đường phố tan hoang bỗng rầm rập như vó ngựa hiện về xốc tới. Cô Út đứng trân cho mẹ níu, nhưng khi thấy hai người phu nạy tung nắp hòm, cô vội vã nhắc mẹ buộc khăn che mũi và miệng. Hai người phu bỏ đi. Hai mẹ con vịn nhau bước tới cái quan-tài-mười-ba-năm bật nắp.

Bộ xương nằm xóc về một bên. Cô Út cố kìm một tiếng rú lần đầu thấy sọ người. Cô thực không thể ngờ cái hình ảnh người cha giờ đây chỉ là một bộ xương ngà ngà đen đen như bất kỳ một bộ xương nào. Bàn tay cô run run thò vào vuốt nhẹ phiến sọ phẳng của cha một cái. Bà cụ cũng run run lấc nhẹ lóng xương tay đã không còn nằm ngay ngắn như ngày nào cụ để vào hòm. Cụ để tay nguyên như thế, lẩm nhẩm đọc một hồi kinh cầu siêu. Nắng chếch rọi bóng cụ nằm hắt qua miệng hòm, làm nên cuộc hội ngộ bằng xương-thịt với người chết giữa ban ngày.

Cô Út để yên cho mẹ đọc kinh. Cô trải giấy báo xuống đất, lấy đá dằn lên cẩn thận rồi bắt đầu đem cốt ông cụ đặt lên. Khi đụng đến bộ

xương sọ, Cô Út lưỡng lự một chút. Cô nhìn mẹ, thấy được sự ngượng ngập của hai mẹ con. Cô nhắc nhẹ cái đầu lên, trống ngực đánh thình thình. Bà cụ cũng mặt mày nghiêm trọng, đăm đăm nhìn bàn tay cô Út. Cái đầu lâu đã nhấc lên nhưng chẳng có gì bên dưới. Cô Út lắc lắc, nghiêng bên này, lật bên kia, rồi lại đặt ngược cái đầu lâu nhưng vẫn không có gì rơi ra.

- Không có gì hết mạ?

- Tao đặt vô miệng ôn mà.

Bà cụ nói, nét mặt như thất thần. Cô Út thì thất vọng thấy rõ.

- Kỳ, không lẽ xui rứa.

- Mi đã kiếm chắc chưa? Coi nó rớt mô đó.

Cô Út cào nhẹ lớp đất bụi nằm dưới đáy quan. Những ngón tay di động từ phần nửa quan tài trở lên trên, rồi không ai bảo ai bà cụ tự tìm khúc dưới. Nắng đổ gắt. Phần xương nằm trên lớp giấy báo đặt dưới đất lắc lắc theo gió hiu hiu. Hai mẹ con vẫn cắm cúi gập nửa người trong quan tài tìm kiếm, như quên mất những lóng xương rời chơ vơ dưới nắng nồng oi bức. Cúi một chập bà cụ thấy choáng váng, thở hào hển, nhưng cụ cứ kiên nhẫn bốc từng nắm đất bụi đưa lên tận mắt săm soi rờ rẫm rồi mới hất ra ngoài. Thình lình, một giọt mồ hôi từ trán rơi trúng cái xương sọ đánh "bộp" một cái khiến cụ như tỉnh hẳn:

- Thôi lận con.

Mồ hôi và bụi bám lên mặt cô Út làm thành những đường cong vằn vện. Cô bực bội:

- Bỏ răng được. Làm chi cho ra chừng nớ, mạ!

Hai tay vịn mép hòm, bà cụ như nói với thinh không, đôi mắt hấp háy mờ đục hắt ra nỗi đau khổ vô chừng.

- Tro bụi cả rồi, con ơi. Chiếc nhẫn mẹ bỏ vô miệng ôn tưởng cho con cháu ăn nên làm ra cả chứ. Thiệt không ngờ tan gia bại sản. Thiệt không ngờ con cái ra nông nỗi này... Mà mạ con mình răng tệ rứa.

Cô Út như xúc động vì câu nói của mẹ. Cô đứng thừ người ra, nắm đất trên tay bỗng rớt tơi tả và bay bâng quơ trong không khí. Cái đầu

ưa lý luận và tính thực tế của cô chợt chùng bước trước câu than thở của mẹ. Cái nhẫn bỏ vô miệng người chết là một tập tục có vẻ gì rất ư phản khoa học, lấy nó lại đem bán trong khi ngặt nghèo là điều hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên cô vẫn thấy có cái gì trục trặc trong lối lý luận này. Nhà nước đào mả, mình nhân thể lấy lại chiếc nhẫn. Có gì đâu! Nhưng chiếc nhẫn ấy đã mười mấy năm trong miệng cha, đã cùng với cha nằm yên trong lòng đất, đã là của người cha. Vậy mà nó sẽ được đem bán, rồi sẽ chuyền từ tay người này qua bao nhiêu bàn tay khác. Hơi hướm của cha, cô Út quả thấy có điều không ổn. Chao ôi, nỗi khổ đã đẩy mẹ con cô đến chỗ ngượng lòng, nhìn nhau thấy mình đành đoạn biết mấy. Thôi hãy coi nó đã thành tro bụi. Tất cả đã thành tro bụi cả rồi. Có chi mô mà tiếc.

Cô Út ngồi xuống bên đống xương cha. Cô cầm miếng vải nhúng rượu rửa từng lóng xương rồi xếp vào hộp giấy nhỏ. Bên cạnh, bà cụ lim dim mắt lặng lẽ ngồi. Bóng hai mẹ con đổ dài trên nền đất rung rinh che một phần xương trắng.

LƯU HY LẠC

mai về

*

Dẫu mai về ở bụi bờ
Đôi bàn chân mỏi mê chờ tóc phai
Dẫu mai tận tuyệt an bài
Dòng thơ khơi mở sông dài hiển thân
Dẫu mai tên tuổi vong ân
Bàn tay giữ vẹn dấu hằn đời sau
Giữa nghìn trùng chữ lao xao
Lềnh trên đầu sóng ngọt ngào giấc tôi.

HOÀNG MAI ĐẠT

cái chết giết vợ tôi

*

Có hai cái chết chôn sống cuộc đời của vợ tôi. Cái chết thứ nhất là của mẹ nàng, xảy ra sáu tháng sau ngày vợ tôi vượt biển đến Thái lan. Buổi chiều rời Việt nam, vợ tôi lặng lẽ ôm một cái túi nhỏ và đi lần ra đầu xóm, nơi mà nàng dừng lại để nhìn ngôi nhà còn một người anh, cha và mẹ một lần chót. Nàng liều lĩnh bước đi không một lời từ giã, thỉnh thoảng nàng vẫn nhắc lại cho tôi nghe như vậy. Cái chết của người mẹ dập tắt tia hy vọng trở về mái nhà còn nguyên vẹn như xưa của vợ tôi. Nàng mất cơ hội để giải thích sự ra đi đột ngột, để thấy tất cả vẫn còn đó, vẫn còn nguyên vẹn như thuở nào. Vợ tôi cũng không còn nguyên vẹn sau cái chết của Ngân, người bạn gái thân thiết từ thuở nhỏ. Nàng nói Ngân chết vì cái tiệm bán quần áo thời trang của hai người.

Vợ tôi và Ngân lớn lên cùng trong một xóm, cùng học trường Ngô Quyền ở Biên hòa, và cùng sống chung trong những ngày học đại học Văn khoa. Họ gần nhau hơn chị em, tôi nghĩ, nhất là từ khi mẹ vợ tôi qua đời. Có lẽ ở Ngân vợ tôi được thấy lại bầu trời quê mẹ, được dắt xe đạp qua nhịp cầu quen cũ bắc ngang sông Đồng nai, và được cười đùa với đám bạn ở Cù lao phố. Chuyện chăn gối của vợ chồng tôi Ngân đều biết hết, và ngược lại vợ chồng tôi cũng biết rõ chuyện gia đình Ngân.

Ngân đến Mỹ từ năm 75, trước vợ tôi bốn năm. Vợ chồng Ngân sống tại quận Cam. Tôi gặp vợ tôi tại Lancaster, Pennsylvania, và biết Ngân từ những ngày đầu mới quen. Nàng luôn kể chuyện về Ngân, về những kỷ niệm thời niên thiếu, và tin rằng biến cố 30 tháng Tư chỉ tạm

thời ngăn cách họ. Ngày chúng tôi làm lễ thành hôn tại Philadelphia năm 1981, Ngân có đến dự và rủ chúng tôi về Nam Cali sống. Tôi hứa sau khi lấy được bằng kỹ sư điện, tôi sẽ xuống Cali tìm việc. Vài tháng sau đó, hai vợ chồng chúng tôi đưa nhau xuống Nam Cali, mướn một căn nhà tại Buena Park, cách nhà Ngân hai con đường, chừng mười phút lái xe.

Căn nhà của Ngân nằm trong góc của vòng cung. Mặt tiền của căn nhà hơi choắt lại, như bị hai căn nhà hai bên ép vào. Ngược lại, sân sau nhà lại mở rộng ra, hướng về ngọn đồi thoai thoải, tuôn tràn vào một công viên ngợp bóng mát từ những cây khuynh diệp, thông và sồi. Trong những buổi chiều đến thăm Ngân, tôi thường nằm sau nhà uống bia, đọc báo, và thỉnh thoảng theo dõi vợ tôi và Ngân nắm tay nhau lang thang trên ngọn đồi. Bóng hai người nhiều khi như nhập vào nhau, thành một cái bóng lẫn vào trong dãy khuynh diệp. Thường khi hai người trở lại nhà, trời đã tối hẳn, còn tôi say bia lim dim ngủ. Từ ngày có bé Ngọc và Lan trong cuộc đời của ba người chúng tôi, tình trạng cũng không thay đổi nhiều.

Vợ tôi và Ngân tính tình không giống nhau, nhưng lại bù đắp cho nhau. Vợ tôi không xấu, cũng không đẹp, có cái miệng luôn luôn tủm tỉm cười có duyên, đôi mắt sáng, và mái tóc đen ngắn ôm khuôn mặt tròn, rám nắng, sáng sủa. Nàng hơi đẫy người kể từ khi sanh bé Ngọc, đứa con duy nhất của chúng tôi. Còn Ngân có đôi môi hồng nhạt, ưa khép chặt, đôi mắt to, lúc nào cũng long lanh như sắp khóc, trên khuôn mặt trắng xanh. Tóc Ngân nâu, màu nhãn nhục, gợn sóng lăn tăn, lan tràn một cách bừa bãi xuống đôi vai hơi dẹp, xương xương. Mỗi lần gặp Ngân, nhìn khuôn mặt lơ đãng, ngây dại của nàng, tôi có cảm tưởng nàng đã thức trắng đêm để lang thang trên ngọn đồi gió lạnh. Nàng không đẹp trong những bộ áo có độn vai. Nó làm cho Ngân gầy và khô hơn. Trái lại Ngân rất đẹp, tươi sáng trong tà áo dài màu ngọc bích nàng hay mặc mỗi dịp Tết, hoặc trong những chiếc áo đầm màu tươi nhạt. Vợ tôi ưa mặc quần *jean* và những bộ vét màu căn bản đậm. Ngân hơi cao, đi mềm mại như ngọn cỏ. Mỗi lần hai người phụ nữ đi cạnh nhau, tôi thấy Ngân hơi nghiêng người dựa vào vợ tôi.

Ngân có chồng, anh ta tên Sanh, người to lớn như một võ sĩ quyền anh hạng nhẹ. Mặt Sanh dài, hơi nhọn ở cằm, có cặp lông mày ngắn, mờ nhạt, đôi mắt dài và dẹp, tròng đen di động không ngừng. Anh ta cười nói lớn tiếng, chứa đầy thái độ khiêu khích. Trong lần gặp gỡ đầu tiên, Sanh đã nói với tôi, "Anh là kỹ sư cũng đúng, chứ làm sao anh có đủ khôn ngoan để làm ăn như tôi". Sanh là giám đốc một trung tâm sản xuất băng nhạc tại Little Sàigòn. Tôi ít nghe nhạc và hoàn toàn không biết gì về thế giới âm nhạc. Theo lời vợ tôi, trung tâm của Sanh nổi tiếng từ khi khu Bolsa mới bắt đầu có người Việt, khoảng cuối thập niên bảy mươi.

Một trong vài lần nói chuyện với tôi, tại phòng khách hôm ấy, khi hai người phụ nữ rủ nhau đi dạo công viên sau nhà, Sanh có khoe là trung tâm băng nhạc của anh đang dẫn đầu trong thế giới nhạc trẻ. Ca sĩ nào anh cũng quen. Sanh cũng kể khi xưa anh đã từng là trung úy Không quân. Đến Mỹ, nhờ có tiền mở vũ trường, anh quen hầu hết những nghệ sĩ nổi tiếng. Từ đó anh "nhảy ra làm băng". Thành công chồng chất lên nhau. Lần gặp đó anh cũng vừa trở lại Mỹ từ Việt nam. Anh bắt đầu làm ăn mới, bằng cách về Việt nam để thâu những tiếng hát nổi tiếng còn kẹt dưới chế độ Cộng sản, và ra băng tại Mỹ. Sanh cũng thâu *video* tại Việt nam.

Sanh cũng kể là anh ta đã làm đủ bổn phận với Ngân. Nàng có ngôi nhà sang đẹp để ở và một đứa con dễ thương để nuông chiều. Anh quen Ngân từ ngày họ còn sống ở Sàigòn trước 75. Đến Mỹ họ thành hôn. Gia đình hai họ đều chấp thuận. Anh nói nhiệm vụ của anh là lăn vào xã hội để có tiền nuôi vợ, nuôi con. Còn nhiệm vụ của Ngân là ở nhà săn sóc con, giữ nhà sạch sẽ. Sanh nói công việc của anh không cho phép anh ta ở nhà thường xuyên. Sanh cũng muốn hai vợ chồng tôi luôn luôn tới nhà chơi, để Ngân có người bầu bạn.

Tôi có dịp nghe chuyện của anh thêm một lần nữa, tại trung tâm băng nhạc, sau khi cho anh ta đi nhờ xe của tôi vì xe anh ấy hư. Trong lúc đi lựa tặng tôi mấy băng nhạc, Sanh thấy cho tôi mấy bao giấy chứa hình.

"Hình mới chụp ở Việt nam đấy." Anh ta nói, "Anh xem thử cho biết. Cảnh đẹp lắm."

Tuy không thích coi hình riêng tư của người khác, nhưng không biết làm gì hơn lúc ấy, thành thử tôi cũng cầm xem mấy tấm hình. Hình như hình nào cũng chụp Sanh đứng chung với một phụ nữ nào đó, bên cạnh chiếc xe Cadillac màu đen đời cũ, đằng trước một khu vườn cây ăn trái, một dòng sông nhỏ, hay một cánh đồng lúa xanh nắng. Thỉnh thoảng có hình Sanh ôm eo một người đàn bà tươi cười.

"Bạn tôi ở Việt nam đấy." Sanh nhếch mép cười khi thấy tôi chăm chú nhìn một tấm hình. "Bây giờ về Việt nam dễ lắm. Tháng tới tôi sẽ về làm *video*. Nếu muốn, anh có thể về với tôi một chuyến cho biết."

"À, vậy hả anh." Tôi nói nhỏ. Tôi chợt nghĩ đến Ngân và ngọn đồi sau nhà. "Cảnh Việt nam còn đẹp quá hả anh?" Tôi hỏi bâng quơ. Sanh còn nói thêm về giá cả rẻ mạt ở Việt nam, nhưng tôi không để ý lắm.

Đó là lần thứ nhì tôi có dịp nói chuyện với Sanh, trước ngày Ngân bỏ Sanh. Tôi còn một dịp nữa.

Sau đó, những khi Sanh về Việt nam làm ăn, cuối tuần Ngân hay rủ vợ chồng tôi qua ngủ đêm. Tối đến vợ tôi và Ngân nằm trong phòng riêng tâm sự; còn tôi, ở trong phòng riêng của Lam, tên đứa con trai của Ngân và Sanh, kể chuyện cho Ngọc và Lam nghe cho đến khi chúng nó nhắm mắt ngủ. Lúc ấy Lam đã lên bảy, lớn hơn bé Ngọc của chúng tôi một tuổi. Đợi cho chúng nó ngủ xong, tôi hay lần mò xuống tủ lạnh lấy bia, rồi ra phòng khách xem TV hoặc *video* phim ngoại quốc. Tôi có thói quen uống bia và xem phim ngoại quốc từ ngày xuống Cali. Coi phim xong tôi ngủ trong phòng dành cho khách. Có lần, băng ngang qua phòng của hai người đàn bà, tôi nghe tiếng khóc của Ngân. Tôi đứng yên lặng nghe họ nói chuyện.

"Ngân ơi, mày phải quyết định đi." Tiếng vợ tôi van nài, năn nỉ. "Đừng để cho ảnh làm khổ nữa, mầy hiểu không?"

"Ảnh sẽ giết tao." Ngân nấc lên.

"Chứ sống như thế này thì cũng như đã chết rồi, còn gì nữa. Mày

thấy không?" Vợ tôi thở dài sau khi nói, rồi lớn tiếng hỏi, "Đã không còn yêu nhau thì sống với nhau làm chi nữa? Mày sợ người ta cười mày bỏ chồng hả?"

"Thằng Lam. Tao không muốn con tao lớn lên không có cha." Ngân nức nở, rồi khịt mũi.

"Chứ bây giờ con mầy có cha hả?" Vợ tôi hỏi lớn. "Từ ngày mầy đẻ nó ra, cha nó có ngó ngàng gì đến nó không? Hay chỉ tối ngày chạy theo mấy con ca sĩ? Mầy có muốn con mầy thấy sự tồi bại của cha nó không, hả Ngân?"

"Ảnh lăng nhăng là vì tao." Ngân nói, nhấn mạnh từng chữ một.

"Tại sao lại là mầy? Muốn nói cái chuyện đau tử cung đó phải không?" Vợ tôi vẫn lớn tiếng.

Ngân im lặng không trả lời.

"Nếu vợ chồng hết yêu nhau, thì ít nhất cũng phải có cái tình cái nghĩa. Đằng này..."

Vợ tôi bỏ lửng. "Thôi đừng khóc nữa Ngân."

Tôi nghe tiếng vợ tôi bắt đầu khóc. Tôi lặng lẽ bước về phòng. Trước khi nhắm mắt ngủ, tôi nghe vợ tôi nói, "Mầy phải sống, Ngân. Giữa chồng và con, mầy phải lựa chọn."

Một buổi tối thứ hai, sau đó chừng hai tuần, Ngân dắt bé Lam tới nhà chúng tôi. Mặt nàng trắng bệt một bên, đỏ hồng bên kia, khóe miệng có tí máu khô, người nàng nồng mùi mồ hôi, xông vào đêm mùa thu lành lạnh. Bé Lam một tay nắm chặt váy áo đầm xộc xệch của mẹ. Nó nhìn tôi sợ hãi. Hai mẹ con có khuôn mặt giống nhau, tôi chợt thấy. Tôi đoán Ngân đã nói cho Sanh biết nàng muốn ly dị.

Thấy Ngân, vợ tôi kêu, "Trời ơi!" rồi kéo tay Ngân vô phòng ngủ của chúng tôi.

Không biết làm gì hơn lúc ấy, tôi dắt Lam và Ngọc đi McDonald's. Tôi mua cho mỗi đứa món Happy Meal. Đang ăn nửa chừng, bé Lam chợt nhìn tôi chằm chằm.

"Gì vậy con?" Tôi hỏi nó.

"Con không thích bố đánh mẹ." Nó mếu máo sắp khóc.

Tôi đưa tay ra nắm bàn tay nhỏ bé của nó. Con Ngọc ngừng ăn, liếc nhìn Lam, như đợi xem thằng bé khóc.

"Con không thích bố đánh mẹ." Bé Lam khóc. Nước mắt nó lăn nhanh xuống má và rơi lên bánh. Tôi nghe nó dậm chân dưới bàn. Con bé Ngọc liếc nhìn tôi rồi cúi đầu ăn nốt khúc bánh mì thịt. "Con không thích bố đánh mẹ." Thằng bé kêu lên một lần nữa.

"Bố con lỡ tay." Tôi nói nhỏ, "Bố vẫn thương mẹ con, cũng thương con nữa." Tôi cầm tờ giấy lau gần đó và thấm hai dòng nước mắt trên má nó. Thấy trong hộp Happy Meal của nó có món đồ chơi, tôi cầm ra. Một con chó tai dài ôm cái đàn. Tôi cầm con chó và cho nó lả lướt như trượt băng trên mặt bàn, lướt tới tay bé Ngọc, lượn lại trước mặt bé Lam, nhảy qua mấy que khoai tây chiên, và bất ngờ té ngửa ở tay bé Lam. Tôi liếc nhìn phản ứng của bé Lam. Thằng bé khẽ khịt khịt mũi.

"Sao nó té vậy bố?"

Bé Ngọc la lên.

"Tại cái quần nó tuột, con." Tôi nói.

"A ha ha!" Con bé cười rộn rã, "Thật hả bố?"

Lúc này tôi mới thấy bé Lam nhe hai hàm răng ra cười. Tôi đưa nó con chó tai dài. Nó cầm lấy, rồi chơi với con Ngọc. Đôi má phúng phính của nó vẫn còn những vệt nước mắt.

Tối hôm ấy mẹ con Ngân ngủ ở nhà tôi. Nửa đêm Sanh gọi điện thoại đến tìm Ngân. Chúng tôi để cho hai người nói chuyện. Ban đầu tôi nghe Ngân nói rụt rè, cầm chừng; một hồi giọng nàng mới đều đặn, rõ rệt hơn. Sáng hôm sau Sanh mang xe đến đón hai mẹ con về. Tôi thấy thằng bé Lam cứ lấm lét nhìn cha nó, trong khi hai tay ôm chặt cánh tay của Ngân. Sanh không nói, chỉ gật đầu chào chúng tôi.

Mấy hôm sau, cũng khoảng nửa đêm, Ngân gọi điện thoại đến. Nàng khóc với vợ tôi là đêm ấy Sanh không về nhà. Vợ tôi lật đật xỏ cái quần *jean* và cái áo len, rồi lái xe đến nhà Ngân. Chiều hôm sau đi làm về, tôi dắt bé Ngọc qua bên ấy. Khi đến nơi, tôi thấy hai người đàn bà và bé Lam ngồi ngoài hiên sau. Thấy Ngọc, Lam chạy lại và quấn

quít bên nó. Nắm lấy tay tôi, vợ tôi đưa cho tôi xem một tờ báo biếu. Tôi vừa liếc nhìn Ngân vừa ngồi xuống ghế. Nàng đang cầm ly rượu trắng, một chân đong đưa, mắt nhìn ra ngọn đồi.

"Hai người biết uống rượu nho từ hồi nào vậy?" Tôi hỏi cho có chuyện.

Vợ tôi tủm tỉm cười, "Anh uống với tụi này cho vui." Vợ tôi mời. "Ủa, nhưng mà hết rồi còn đâu." Vợ tôi nhìn chai rượu cạn, "Lam ơi! Vô lấy cho chú chai bia." Rồi vợ tôi lật báo và đưa cho tôi xem, "Anh đọc bài này đi."

Cầm tờ báo, tôi chú ý hình Sanh đứng bên cạnh một thiếu nữ nào đó. Sanh cười, trong khi người thiếu nữ hơi dựa đầu vào vai anh. Tôi đọc lướt qua bài báo. Người thiếu nữ là một ca sĩ hát nhạc trẻ đang lên. Sanh giúp cô ta ra băng nhạc đầu tay. Chỉ là một bài báo quảng cáo băng nhạc, tôi nghĩ. Tôi gấp tờ báo lại và thẩy nó ra sau ghế.

"Chừng nào Sanh về?" Tôi hỏi trống không, hy vọng một trong hai người đàn bà sẽ trả lời.

Ngân nhìn tôi không nói. Mắt nàng đỏ, sắp khóc, làm tôi nhớ mặt bé Lam trong quán McDonald's hôm nọ.

"Không biết chừng nào. Không nghe anh ấy gọi." Vợ tôi nói.

Tôi nhìn Ngân lần nữa. Nước mắt nàng sắp ứa ra. Tôi vội đứng dậy.

"Anh sẽ nói chuyện với Sanh." Tôi nói với vợ và Ngân. Rồi không đợi họ trả lời, tôi bước đi.

"Chú ơi!" Bé Lam chạy theo tôi. "Chú cho con chó chạy chạy nữa đi chú." Nó đưa cho tôi con chó tai dài.

"Chú mắc bận, con." Tôi nói. Tôi thấy con bé Ngọc cũng chạy tới.

"Chú đi tìm bố, phải không chú?" Lam hỏi. Tôi chưa kịp trả lời, nó nói liền, "Con không thích bố, không thích!"

"Con đừng nói vậy." Tôi hôn trán nó. Con bé Ngọc sà tới, cười tủm tỉm. Tôi hôn nhanh bé Ngọc và vội quay người đi.

Đến trung tâm băng nhạc của Sanh, tôi vào bằng cửa sau. Nghe tiếng quát lớn của Sanh, tôi đứng khựng lại nghe ngóng. Sanh đang nói

chuyện điện thoại. Tôi không rõ nội dung, nhưng hình như Sanh đang giận ai đó đòi trả lại một số băng nhạc không bán được. Đợi Sanh nói xong, tôi bước vào. Vài người phụ tá gần đấy có vẻ muốn chặn hỏi tôi, nhưng khi thấy Sanh mỉm cười, họ tiếp tục làm việc riêng. Tôi thấy bên cạnh chỗ Sanh ngồi, một thùng bích chương hình người ca sĩ trẻ mà tôi đã thấy trên báo. Cô ta mặc váy ngắn, đứng dạng háng, với cây thánh giá đen nằm giữa hai đùi trắng nõn.

"Anh khỏe không? Có chuyện gì vậy?" Sanh hỏi tôi.

"Chừng nào anh sẽ về với Ngân?" Tôi hỏi lại.

"Chuyện đó mắc mớ gì tới anh?" Sanh sầm mặt lại.

"Anh không về chị ấy sẽ bỏ anh." Tôi tiến gần lại Sanh.

"Nó mà bỏ đi tôi sẽ giết nó." Sanh đứng phắt dậy, hai tay chống lên bàn.

Tôi lặng yên không nói.

Mặt Sanh bỗng dịu xuống, "Ngân không làm được trò trống gì đâu. Không có tôi nó cũng chẳng ra gì." Sanh ngồi lại xuống ghế.

"Vậy anh có về không?" Tôi hỏi lại.

"Anh đi đi!" Sanh nói.

"Vậy thì thôi." Tôi nói và quay đi.

"Cám ơn anh đã quan tâm." Sanh nói theo.

Về đến nhà Ngân, tôi thấy mọi người đang sắp sửa ăn cơm.

"Anh có gặp anh ấy không?" Ngân hỏi.

"Sanh bận tiếp khách, thành thử tôi bỏ về." Tôi trả lời.

Trong bữa ăn, chỉ có hai đứa trẻ tươi tắn. Tôi yên lặng ăn cơm. Ngân kể cho vợ tôi nghe chuyện nàng vẫn còn đau sau khi mổ tử cung.

"Cứ ở nhà tao đi, rồi kiếm nhà mướn sau." Tôi nghe vợ tôi nói khi tôi đứng dậy để ra phòng khách. Đi về phòng ngủ đêm đó, tôi thấy hai người ngồi xem cuốn *album* hình màu tím trên giường ngủ. "Mấy hồi đó mập như cái lu." Tôi nghe Ngân nói. Hai người khúc khích cười, rồi tiếp tục lật những trang hình.

Mấy hôm sau, Sanh có về nhà, nhưng rồi lại đi. Anh ta đi về Việt nam để làm ăn, chừng ba tuần lễ, Ngân kể cho vợ tôi nghe.

Một buổi sáng thứ bảy, trước ngày Sanh trở lại Mỹ, Ngân nhận chuông lúc vợ chồng tôi còn ngủ. Tôi lật đật chạy ra mở cửa.

"Em đi." Ngân nhìn tôi ở ngưỡng cửa. "Em bỏ anh Sanh."

Nhìn chiếc xe chất đầy thùng quần áo của hai mẹ con nằm ở ngay lối vào ga ra, tôi yên lặng không biết phải nói gì. Tôi mở rộng cửa và dìu Ngân vào trong nhà. Mặt Ngân trắng bệch và bơ phờ. Những lọn tóc ngoằn ngoèo chảy xuống vai nàng như những con rắn đen. Quãng đường từ nhà Ngân tới nhà tôi chưa tới một dặm. Thế nhưng nhìn Ngân tôi có cảm tưởng nàng đã lái xe vượt hàng ngàn dặm trong bóng tối, suốt đêm.

Vợ tôi chạy ra, ôm chầm lấy Ngân. "Đừng sợ Ngân ơi. Có vợ chồng tao đây." Ngân ngồi rũ trên ghế *sofa,* trong vòng tay ôm chặt của vợ tôi.

Tôi thấy vợ tôi khóc. Rồi cả hai người đàn bà cùng khóc. Tôi lặng lẽ ra ngoài xe, lấy quần áo của hai mẹ con Ngân vào nhà. Thằng bé Lam cũng lẽo đẽo chạy theo để phụ tôi.

Mẹ con Ngân ở nhà chúng tôi vài ngày, rồi dọn tới một *apartment* một phòng ngủ ở Orange. Ngân có chút tiền trong nhà băng, đủ sống ba bốn tháng. Buổi chiều đầu tiên ở nhà riêng của Ngân, trong bữa ăn mua từ nhà hàng, tôi được biết vợ tôi và Ngân đang tính mở một tiệm bán quần áo thời trang phụ nữ. Với số lương kỹ sư của tôi và nhân viên xã hội của vợ tôi, chúng tôi có thể giúp Ngân cầm cự trong vòng một năm đầu. Cả hai người đàn bà tươi nhộn hẳn lên, kể từ khi tôi tán thành ý kiến giúp Ngân có một tương lai mới. Lúc đó cũng là lần đầu tiên tôi thấy Ngân cười, thật sự cười một cách tự nhiên, như trẻ thơ. Thấy hai người đàn bà phác họa tương lai đầy tươi sáng, tôi cảm động. Tôi chưa bao giờ thấy có liên hệ nào thắm thiết hơn tình bạn của họ. Tự nhiên tôi muốn bảo vệ hạnh phúc của họ, như thể nó là của chính tôi. Đêm đó tôi và bé Ngọc về nhà ngủ, còn vợ tôi ở lại với mẹ con Ngân.

Những ngày sau đó hai người đàn bà bận rộn tối ngày. Ban ngày, vợ tôi đi làm, Ngân đi dạo kiếm những khu chợ có gian hàng cho thuê. Chiều đến họ dắt nhau đi dí mũi vào cửa kiếng, để xem thử bên trong gian hàng rộng cỡ nào, hoặc lái xe lòng vòng khu chợ để quan sát vùng đó có an ninh, đông người qua lại không.

Một trong những ngày đó, Sanh có gọi đến.

"Tôi biết Ngân ở với vợ chồng anh." Sanh vừa nói vừa cười, "Khi nào Ngân muốn về lại, anh nhớ cho tôi biết." Sanh khạc khi dứt câu.

"Nếu Ngân không chịu về?" Tôi hỏi.

"Nó sẽ về." Sanh nói, "Lần nào cũng vậy, tôi biết mà." Sanh nói chắc chắn.

"Nếu Ngân nhất định không về?" Tôi hỏi.

"Nó sẽ làm gì để sống?" Sanh hỏi.

Tôi im lặng. Sanh cúp điện thoại.

Tôi cho Ngân biết Sanh có gọi. Đêm đó Ngân ở lại nhà chúng tôi, và hai người đàn bà tâm sự, khóc khoảng nửa đêm, khi tôi còn thức ngoài phòng khách.

Gần một tháng tìm kiếm, hai người đàn bà ưng ý một cửa hàng gần nhà Ngân. Chúng tôi chuyển tiền vào trương mục của Ngân, và Ngân nghiễm nhiên đứng tên làm chủ tiệm. Lúc giấy tờ ký xong, ra đến ngoài cửa hai người đàn bà ôm nhau, cười nói huyên thuyên, như trẻ được quà. Những ngày sau đó, tôi mặc quần áo cũ để sơn tường, đóng kệ, đóng phòng thử đồ, treo gương, khiêng giàn móc áo tròn, dài đủ cỡ, gắn đèn nghệ thuật, và vác hai con *mannequin* trần truồng, trọc lóc về kê sau tủ kiếng. Còn vợ tôi và Ngân chúi đầu vào chồng *catalogue* cao tới mắt hai người, để lựa hàng. Chưa vừa ý, họ lái xe đi Los Angeles, San Francisco, và đi máy bay đến New York để xem những kiểu áo quần phụ nữ mới nhất.

Ngày đầu tiên có hàng về, tôi phải mượn một chiếc xe *van* của người bạn và mướn một anh Mễ đi vác phụ, để đến trạm xe Greyhound chờ lấy chín thùng quần áo nặng trĩu từ New York. Tôi và anh Mễ hì hục khiêng mấy thùng ấy lên xe, rồi lại hì hục khiêng vào

tiệm. Thấy hàng về, vợ tôi và Ngân nhộn nhịp hẳn lên. Hai người lôi những bộ quần áo ra ướm thử, ngắm nghía trong gương, rồi nhìn nhau cười. Hai người như hai con bướm thay đổi màu sắc theo nhịp cánh vỗ.

"Họ có vẻ sung sướng." Anh Mễ nhìn tôi cười.

"Họ đang sung sướng." Tôi cũng cười.

Tôi để cho họ vui và rủ anh Mễ đi uống với tôi vài chai bia ở quán ăn đầu đường.

Sanh có gọi cho tôi vài ngày sau đó. Chúng tôi nói chuyện rất vắn tắt.

"Ngân bây giờ ở đâu vậy anh?" Sanh nói, giọng ôn hòa.

"Tôi nghĩ anh nên nói chuyện thẳng với Ngân." Tôi trả lời, "Tôi sẽ cho Ngân biết anh muốn nói chuyện."

"Tôi cần gặp Ngân, nhờ anh nói lại như vậy." Sanh cúp máy.

Ngân bắt đầu liên lạc lại với Sanh ngay sau đó. Tuy nhiên, nàng không cho chồng số điện thoại. Thành thử Sanh vẫn phải gọi đến nhà chúng tôi. Sanh viện lý do muốn gặp con, Ngân đành chịu giáp mặt Sanh. Sau lần gặp gỡ đó, Ngân không khóc khi ngủ lại đêm ở nhà chúng tôi.

"Anh ấy bắt em phải về." Ngân kể cho chúng tôi nghe, "Anh ấy nói có bỏ nhau thì đó là lỗi tại em, vì em không mang lại hạnh phúc cho anh ấy. Em có nói là luật sư sẽ gởi giấy tờ ly dị đến cho ảnh."

Sau ngày khai trương tiệm, Ngân ít đến nhà chúng tôi. Vợ tôi hay ra tiệm với Ngân. Còn Sanh gọi đến tôi thường xuyên hơn.

"Ngân bây giờ ở đâu vậy anh?" Sanh hỏi.

"Anh hãy hỏi Ngân." Tôi đáp.

"Ngân có sống với ai không?" Sanh hỏi.

"Tôi chỉ biết Ngân sống với bé Lam." Tôi nói, "Lam mới vào học lớp hai."

"Vậy hả?" Sanh nói, "Ngân có tiệm phải không?" "Ngân mở tiệm để sống." Tôi trả lời.

"Nhờ anh nói lại với Ngân là tôi sẽ không ký giấy ly dị." Sanh nói.

"Luật sư sẽ nói chuyện với anh ấy." Ngân trả lời sau khi tôi nhắn lại câu nói của Sanh.

Một buổi trưa mát lạnh, Sanh đến tìm tôi. Anh ta muốn tôi dẫn đến tiệm của Ngân. Tôi gọi Ngân. Vợ tôi trả lời điện thoại. Ngân đồng ý cho tôi đưa Sanh đến tiệm.

Trên xe Sanh và tôi đều im lặng. Lúc gần đến tiệm, Sanh hỏi tôi, "Ngân có ai mới không anh?" Tôi lắc đầu.

Bước vào tiệm, Sanh thọc tay trong túi quần, nói, "Chà, tiệm đẹp quá."

"Cám ơn anh có lời khen." Ngân nói.

Vợ tôi lúc ấy từ trong phòng nhỏ bước ra và đứng sau lưng Ngân.

"Đủ sống không đấy?" Sanh hỏi.

Vợ tôi khẽ đưa tay bóp bàn tay Ngân, rồi thả ra.

"Đủ cho hai mẹ con." Ngân nói, "Tôi đọc báo thấy giới thiệu băng nhạc trẻ anh mới ra. Bán có chạy không?"

Sanh đưa tay sờ thử mấy bộ áo, "Tôi thấy ở gần đây có cái nhà hàng Tàu. Sao chúng ta không ra đó ăn, và nói chuyện luôn thể?" Sanh liếc nhìn tôi.

"Nhiều ca sĩ có được tiếng tăm cũng là nhờ anh nâng đỡ. Anh giỏi thật." Ngân nhìn Sanh không chớp mắt.

"Tôi cảm thấy đói." Sanh nói, tay vẫn còn mân mê một bộ áo.

Ngân nhìn tôi, rồi quay sang vợ tôi, "Cảm ơn anh, chúng tôi vừa ăn xong." Ngân nói.

"Vậy thôi mình đi ăn. Đi anh Minh." Sanh quay người và nói với tôi.

Ra khỏi tiệm, Sanh bước nhanh vào xe và đóng cửa thật mạnh. "Anh đưa tôi về nhà." Sanh nói khi tôi rồ máy xe.

"Không đi ăn à?" Tôi khẽ hỏi.

"Đừng bao giờ anh đưa tôi đến đây nữa." Sanh nghiến răng nói.

Tôi không hỏi thêm, quyết định đưa anh ta về nhà. Trên xe, tôi chăm chú lái xe, còn Sanh im lặng nhìn qua cửa kiếng, mắt không

hoàn toàn nhìn cảnh vật bên ngoài. Đến nhà, Sanh như bình tĩnh trở lại. Anh chào tôi rồi chậm rãi đi vào nhà. Đó là lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh ta.

Sau đó, thỉnh thoảng tôi vẫn nghe anh nói qua điện thoại, cũng những câu hỏi về cuộc sống hiện tại của Ngân. Có lần anh yên lặng khi nghe tôi nói Ngân có thể sẽ lấy chồng mới. Tôi nói thế là vì Ngân có hỏi tôi sẽ nghĩ sao nếu nàng làm lại cuộc đời với một người khác. Rồi một lần anh gọi khoảng ba giờ sáng, giọng lè nhè say rượu. Lần đó anh chửi một cô ca sĩ nào đó đã bỏ anh để hợp tác làm băng với một trung tâm khác. Rồi anh chửi Ngân đã bạc tình, không ở bên cạnh khi anh cần. Những lần gọi điện thoại sau đó, anh chỉ chửi rủa. Anh cho rằng mọi người đã phản bội anh. Một buổi sáng chủ nhật, anh gọi để nói là anh biết Ngân đã có người tình khác. Bạn bè anh đã trông thấy Ngân với người đó. Sanh chửi là chính Ngân đã không cho anh biết về mối tình lén lút của Ngân.

Lần cuối cùng nói chuyện điện thoại với anh, vào một buổi chiều thứ bảy, tôi linh cảm Sanh đã khủng hoảng đến tột độ.

"Tôi sẽ giết con đĩ Ngân, giết cả cái thằng tình nhân của nó!" Sanh hét trong điện thoại, "Anh hiểu không? Tôi sẽ giết con súc vật đó. Tôi muốn anh nói với nó như vậy."

"Anh hãy bình tĩnh." Tôi nói, "Anh nói cho tôi nghe chuyện gì đã xảy ra." Tôi tìm cách giữ cho Sanh nói, hy vọng anh sẽ bớt giận.

"Tao sẽ giết mầy, Ngân ạ." Sanh cúp điện thoại.

Tôi vội vã gọi cho Ngân ngoài tiệm, khuyên Ngân và vợ tôi hãy đóng cửa và đi đâu đó, tới tối hãy về nhà tôi. Tôi giải thích thật nhanh ý định của Sanh. Sau đó tôi dắt Ngọc và Lam theo tôi, lái xe tới nhà tìm Sanh. Đến nhà, tôi bắt hai đứa trẻ ngồi ngoài xe, trong khi tôi đi tìm Sanh. Nhà không khóa cửa. Tôi bước vào và gọi tên anh ta. Không có ai trả lời. Trong phòng khách, cái TV vỡ kiếng nằm chình ình như một con mắt bị dao đâm. Chung quanh, giấy tờ, chai lọ hình ảnh, và bàn ghế nằm bừa bãi, ngổn ngang như có một bầy chó sói vừa túa ra cắn phá. Trong phòng tắm, tấm kiếng bị bắn vỡ, vết đạn ăn sâu vào tường,

chăn gối nằm chất đống dưới chân giường. Tôi chợt cảm thấy sợ hãi. Tôi liền chạy ra ngoài, lái xe đến tiệm tìm hai người đàn bà. Hai đứa bé mải đùa giỡn ở ghế sau, để mặc cho tôi yên lặng lái xe. Đến nơi, họ đã đóng cửa như tôi dặn. Tôi lật đật vòng xe qua nhà Ngân. Họ cũng không có ở đấy. Tôi vội vã về nhà. Một tiếng đồng hồ sau, vợ tôi gọi. Tôi thuật lại mọi chuyện. Khoảng mười một giờ đêm hai người đàn bà về nhà tôi.

Đêm đó không ngủ được, tôi mò vào phòng hai đứa bé và xem tụi nó ngủ. Thằng Lam ngủ với con chó tai dài trong tay nó. Con Ngọc nằm co quắp như con tôm. Tụi nó thở đều đều. Ở phòng bên cạnh hai người đàn bà cũng đã ngủ say. Tôi ra phòng khách ngồi đọc báo. Tôi chờ nhưng Sanh không gọi.

Mấy ngày sau đó tôi xin nghỉ làm một tuần lễ để ra tiệm với Ngân. Sanh cũng không đến tiệm như tôi chờ đợi. Tôi có hỏi Ngân về chuyện lập gia đình với một người khác. Ngân cười, nói Sanh chỉ tưởng tượng rồi ghen bậy. Một tuần lễ trôi qua, và không có chuyện gì xảy ra. Tôi có ghé nhà tìm Sanh nhưng không gặp. Nhà anh cửa khóa, chứ không bỏ ngỏ như hôm trước. Tôi cũng không gặp Sanh ngoài trung tâm của anh. Mấy nhân viên không biết anh ở đâu. Họ nói trong mấy tháng qua, một số thất bại trong vấn đề làm ăn đã làm cho Sanh hay giận dữ, gắt gỏng. Họ cũng kể là Sanh đã hành hung một nhà văn tên tuổi ngay trong một nhà hàng, chỉ vì Sanh nghe đồn là nhà văn kia đã cặp với cô ca sĩ mà anh đã từng nâng đỡ.

Sau một tuần lễ ngủ đêm ở nhà chúng tôi. Ngân quyết định về nhà riêng. Vợ tôi không cản. Nàng còn qua ngủ chung với Ngân vài đêm đầu và cuối tuần. Thêm hai tuần lễ nữa trôi qua.

Sáng sớm một thứ tư, khoảng bốn giờ, tiếng điện thoại reo giật chúng tôi dậy. Cảnh sát gọi chúng tôi. Vợ tôi nghe điện thoại và rồi rú lên. Tôi linh cảm biến cố đã xảy ra.

"Ngân chết rồi!" Vợ tôi la lên rồi ôm đầu giật tóc. Nàng co người dẫy dụa trên giường.

Tôi vội vàng khoác hai cái áo lạnh bên ngoài quần áo ngủ của

chúng tôi, và kéo vợ tôi ra xe. Vợ tôi tiếp tục la hét trên xe. Tôi nghe ruột gan như muốn ói hết ra ngoài, nhưng bị nghẹn lại ngay trong cuống họng.

Đến gần nhà Ngân tôi thấy đèn cảnh sát xanh đỏ quay chớp từ ba, bốn nơi. Lối vào nhà Ngân bị chận lại ở hai đầu đường. Một xe cứu thương và xe chữa lửa đậu trước nhà. Tôi đậu xe lại và dắt vợ tôi băng qua những đám người đứng bàn tán, chỉ trỏ bên lề đường. Có phóng viên truyền hình đứng phỏng vấn một cảnh sát viên. Vợ tôi ôm cánh tay của tôi và bấu chặt, khiến tôi phải nghiến răng rên trong cuống họng. Đến trước cửa nhà chúng tôi bị chận lại. Nghe tôi xưng là người thân được gọi tới, một thanh tra mặc đồ vét, tay cầm máy hỏi tôi, rồi ông ta khuyên tôi đừng nên vào nhà, nhất là vợ tôi. Ông nói Ngân và đứa bé đã bị người chồng bắn chết chừng một tiếng đồng hồ trước đó. Người chồng tẩu thoát và sau đó tự tử tại văn phòng làm việc của ông ta. Vợ tôi dúi đầu vào ngực tôi và rên khóc. Tôi nghe từng tiếng nấc trong ngực.

Mấy phút sau họ khiêng hai băng ca phủ khăn trắng từ trong nhà ra xe cứu thương. Tôi chú ý đến cái băng ca có xác lớn dưới lớp vải trắng tinh đang được mấy người khiêng nâng lên cao. Trước khi cái xác đó bị đẩy vào đằng sau xe cứu thương, một cánh tay rớt thòng ra ngoài tấm vải. Cánh tay của Ngân. Làn da bàn tay có vòng đen bầm, loang giữa ngón cái và ngón trỏ. Một người vội vã nhét cánh tay vào trong lớp vải trắng. Tôi có cảm tưởng Ngân vừa đưa tay chào vĩnh biệt chúng tôi. Vợ tôi vẫn úp mặt vào ngực tôi. Tôi nghe nước mắt của nàng nóng đẫm trên da.

Ban đầu vợ tôi nói tự ái và sự ích kỷ của người chồng đã đưa đến cái chết của Ngân, rồi cho rằng vì nàng đã xúi Ngân bỏ chồng và mở tiệm quần áo. Có lúc tôi nghĩ vợ tôi đã gây ra cái chết của Ngân, chính nàng đã giật Ngân ra khỏi vòng tay của Sạnh. Rồi cũng có khi tôi tin rằng chính tôi đã để cho mọi chuyện diễn ra và kết thúc như không có tôi.

Một buổi tối khoảng hai tháng sau ngày Ngân chết, uống hết ly bia và xem xong chương trình truyền hình, tôi bước vào phòng ngủ gặp vợ

tôi đang cúi đầu, chăm chú nhìn mấy bức ảnh trong cuốn ***album*** bìa màu tím. Tôi đến nằm cạnh vợ và liếc xem mấy tấm ảnh chụp hình nàng và Ngân ở Biên hòa.

"Con sông này đẹp quá." Tôi chỉ dòng sông trong hình, muốn gợi chuyện.

"Đã có lần em nói với Ngân, 'Mai mốt tao với mầy sẽ về lại Biên hòa, sẽ đạp xe băng qua cầu sông Đồngg nai, sẽ ăn xôi phồng ở quán Tuyết Hồng, sẽ chụp hình chung trên núi Bửu long.'" Mắt vợ tôi không rời tấm ảnh trắng đen chụp hai nữ sinh đứng trong sân trường.

"Mai mốt hai đứa mình sẽ về Việt nam, biết đâu đó." Tôi nói. "Ngân mất rồi. Cả con sông này cũng vậy." Vợ tôi chỉ con sông trong hình, "Đâu còn gì nữa mà về."

Từ đó chúng tôi không còn nhắc đến Ngân.

Tuy nhiên, cho tới bây giờ, đối với tôi cái chết của Ngân như mới xảy ra ngày hôm qua. Những buổi chiều ngồi uống bia, tôi vẫn thấy hai người phụ nữ đi bên nhau trên ngọn đồi sau nhà, vẫn thấy cánh tay trắng rơi ra ngoài tấm vải che xác, và vẫn nghe tiếng khóc của vợ tôi.

Như tôi đã nói, vợ tôi không còn nguyên vẹn sau cái chết của Ngân. Chúng tôi đã sang tiệm quần áo và dọn nhà hai lần ở Nam Cali, trước khi về miền Đông Hoa kỳ. Cái chết của người mẹ tàn phá cuộc đời vợ tôi. Còn cái chết của Ngân giết nàng chết. Vợ tôi còn đó, nhưng thực sự nàng đã chết, cùng với Ngân. Bàn tay chào vĩnh biệt của Ngân đã mang theo linh hồn của vợ tôi, từ đó.

Tìm đọc:

TRANG TÔN KINH HUYỄN HOẶC (tập II)

Tiểu thuyết của **Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng**

Ức Trai xuất bản

HOÀNG XUÂN SƠN

đầu ngày

*

buổi sáng bước ra đường ngáp vặt
bắt gặp tinh ranh một nụ cười
một kẻ phất phơ ngoài xó chợ
áo bụi lên ngời mốc đẫm vai
lao xao tiếng gọi bàn khách trú
nóng sôi ly cà phê đầu ngày
lóc cóc đèn sương trầm thổ mộ
khói thuốc trôi mù tóc rối phai
cô em gánh hàng đi chợ nọ
vô công ngồi nhón lại đất này
thu chân lên ghế trời đất hẹp
ngồi lẩn vào trong chốn miệt mài
mặc người đổ riệt đi muôn xứ
mặc bánh xe lăn kẻ đánh vòng
gậy trúc dựng vào nơi một xó
đả cẩu không bằng hớp rượu trong
ừ thì mả sạch tâm không sạch
mấy khúc nhàn du được nhủ lòng:
"sớm mai bao tử mơ mòng,
cà phê bên nọ cháo lòng bên kia. *

(*) Thơ Bùi Giáng

TRẦN THỊ LAI HỒNG

hoa

*

đêm qua gió hái hoa đào
tung đầy cỏ mượt một mầu hồng tươi
hoa rơi vẫn đậm nét cười
lìa cành còn gửi tặng đời tin yêu

thủy chung dù một sớm chiều.

bạn

*

quanh ta là mấy cội tùng
trăng treo cành biếc suối đàn dưới khe
tựa vai đá ngủ giấc mê
la đà một khóm trúc che nụ cười

bạn vàng hỏi được mấy ai!

NGUYỄN TẤT NHIÊN

tình ơi hỡi tình

*

lâu rồi... không nhớ bao lâu
tìm nhau trong cõi bạc đầu nhân gian
em về dưới gót trăng tan
có nghe thiên cổ tiếng ngàn thông đau?

lâu rồi... lâu lắm xa nhau
còn nghe hư ảnh trong màu thời gian?
em đi tóc lộng mây ngàn
ngàn mây lộng khổ đau bàng bạc theo...

lâu rồi... không biết bao nhiêu
nắng mưa trên những tàn xiêu đổ đời
hôm em êm ả điệu ngồi
sau lưng là những tình ơi hỡi tình...

HÀ QUỐC HUY

HÀN SONG TƯỜNG

gió núi

*

Gió núi vượt đêm vào phố lạ
Khắp phương lồng lộng gió tung bay
Lạy trời người hãy về cho kịp
Kẻo thế gian cửa đóng then cài

Trời muôn gió xôn xao tiếng gọi
Đêm đã khuya không tỏ mặt người
Ôi bóng dáng trùng trùng hoang dã
Đẫm hồn ta từng giọt cường toan

Mau lên nhé như châu về hợp phố
Hạnh phúc nào ta thở cùng người
Nhịp tim đập rộn vang đầy vực
Ấn tình một cõi yên vui

Gió núi vẫn phiêu du mê mải
Người về đây bất kể đất trời
Gió vương vấn theo từng hơi thở
Ngập máu ta bao điệu đầy vơi

CAO ĐỒNG KHÁNH

rừng lá rộng

*

Rằm trăng tôi lập đông
nước ròng tôi thảm thiết
trả tôi về nhánh sông
có em ngồi vo gạo

Rằm trăng tôi bỗng dưng
đưa em về biệt thự
cây ổi già trổ bông
ngang đọt trà trắng nõn

Rằm trăng tôi cảm xúc
ca khúc ngoài phổ thông
hét trong đầu mất ngủ
em chạy về Di linh

Rằm trăng tôi trong óc
tiếng chim nào mỏng manh
bay ngang chiều cổ thụ
chở mây trời xanh dương

Rằm trăng tôi ở đâu
ngựa thồ qua ngó lại
nàng chết còn trẻ mãi
hay trở thành danh mộc

Rằm trăng tôi thức giấc
xanh nụ cười long lanh
Tưởng em còn nguyên vẹn
ngát thơm mùi cận duyên

Rằm trăng tôi dị đoan
ngọn đèo heo hút gió
ôi em đi chân chim
đậu chờ anh cuối phố

Rằm trăng tôi trung thu
trẻ thơ cười hung dữ
sơn thuỷ trời đất ơi
sá gì câu miệt thị

TRẦN MẠNH HẢO

không đề

*

Mai rồi em có còn tin
Phút giây ở lại, muôn nghìn thì qua
Tìm mình trong ngực người ta
Tìm người ta dập, rung da thịt mình

nắng mưa

*

Nắng trộn vào mưa, mưa trộn nắng
Trời đất mà như tóc muối tiêu
Ngày trộn vào đêm, năm trộn tháng
Anh trộn vào em hết mọi điều

buộc

*

Dòng đời con nước vèo qua
Trái tim mắc cạn trong tà áo bay
Cỏn con một sợi lông mày
Mà đem buộc trái đất này vào anh

VĂN CŨNG THƯỜNG

có một dòng sông. hư không

*

Gió thổi về hướng nam, kế qua hướng bắc, nó xoay đi vần lại không ngừng, rồi trở về vòng cũ. Mọi sông đều đổ vào biển, song không hề làm đầy biển.

Truyền đạo 1:6,7 a.

Sau vụ kiểm kê "tư sản mại bản" gia đình tôi phải chịu chia ra ở bốn nơi. Mẹ tôi vì có bệnh suyễn, cố nài nỉ với chủ tịch phường khóm mới được lưu lại một phần của căn nhà cũ. Anh hai tôi về Qui nhơn nằm chờ thời. Anh ba tôi móc nối với những người bạn đứng bán chợ đen cố tẩu tán và bán dần những tài sản trong nhà. Riêng tôi và ba tôi, một mặt ra vẻ sốt sắng với chính sách nhà nước, về Thủ thừa với những người Hoa khác để phát triển kinh tế mới. Sau đó thấy không ổn, ba tôi biểu tôi về sống qua ngày với những người thân bên họ ngoại lẫn họ nội.

Từ dân tỉnh về sống với dân làng, không phải kỳ thị, nhưng đã thấy ngay một điều gì đó thiếu thốn và không mấy thích hợp. Nhưng được một cái, sự đổi thay trong cuộc sống làm tôi thích. Ngầm trông chờ một sự phiêu lưu nào đó - nếu có - huống chi nơi dừng chân lại là một cửa biển thuộc tỉnh Minh hải. Từ nhỏ tới lớn, sống quen trong thành phố, đi Vũng tàu được vài lần, khỏi cần phải nói, chuyến ra đi này, hấp dẫn tôi liền.

*

Đó là một ngôi làng mới, thành lập khoảng giữa thập niên sáu mươi. Đủ mọi hạng người, những bô lão chán chê cảnh phồn hoa, những người lính đào ngũ Bắc Việt hay dân trốn lính Cộng hòa, những tay trốn tránh luật pháp, những tay đâm thuê chém mướn cũng về đây. Dân cư khoảng chừng hai, ba trăm người gì đó, làm nghề đánh cá,

hay buôn bán. Phương tiện chuyên chở thì phải sử dụng ghe hay tàu, vì từ thị trấn đến làng không có đường bộ. Làng, là trạm cuối của một khúc sông không tên, tẽ ra từ nhánh Cửu long để cuối cùng chảy ra biển cả. Xung quanh làng là một cánh rừng tràm thấp. Nhưng đừng tưởng làng bị thế giới loài người bỏ quên mà lầm, cũng công an, cũng ủy ban nhân dân, cũng từng trạm kiểm soát cho đến cửa biển.

Khi tôi về đó, đã là tháng ba, đã vào mùa nắng từ lâu, những mái nhà bằng lá dừa, con đường duy nhất của làng là một khối màu nâu mạnh mẽ đối chọi với màu xanh của biển và vòm trời.

- Ở đây có việc gì làm không hia Hêng? (hia: anh)

Ngày đầu tiên, tôi vô đề liền để khỏi mang mặc cảm... ăn bám!

- Có tổ hợp sản xuất đông lạnh của nhà nước, lương lậu thì mày biết rồi đó. Với lại mày phải chịu trực đêm bốn lần trong tháng. Nghề khác là đi lượm củi. Mày phải theo ghe đi từ hừng sáng cho tới lúc chạng vạng mới được về. Coi cái bộ vó của mày, người ta thấy học trò quá không dám mướn đâu. Thôi cứ ở đây đi, đừng ngại tao nuôi cơm. Trông chừng nhà cho tao là được, thêm vài bữa nữa tao phải chạy theo một chuyến áp phe. Nhớ lúc xưa, hồi ba tao chết, nhờ có ba mẹ mày mới yên mồ đẹp mả...

Đâu coi, lúc đó, hia Hêng đang ở trong chiến trường, xin về phép, nhưng không được, việc mai táng phải nhờ ba mẹ tôi lo lắng và người bác cả 64 tuổi đó qua đời trong sự nuối tiếc không được nhìn thấy đứa con độc nhất của mình lần cuối. Thế rồi, ngày tháng trôi đi, gia đình hia dọn về quê ở, và tôi gặp lại anh trong hoàn cảnh này do cuộc đời đưa đẩy.

Nơi đây, anh làm một quán cà phê giải khát, tôi nghĩ, mình giúp ảnh trong việc hầu bàn chắc cũng được. Một phần căn nhà anh (nơi phía sau) nằm sát với bến đò, thiên hạ ngồi chờ đò vừa nhâm nhi ba sợi, đôi khi cũng là nơi tụ họp cho các bô lão đánh cờ tướng. Giữa là căn phòng của vợ chồng và đứa con gái. Phía trước là những quầy kệ bày bán đồ tạp nhạp, từ đồ ngũ kim, hàng xén cho đến lò đất, giấy báo

vụn... Tất cả ăn thông nhau bằng cái hành lang, thiên hạ ra vào luông tuồng như nhà mình.

Những buổi chiều quán đóng cửa, tôi thích ngồi mặt sau để nhìn về phía bên kia sông, không sầm uất bằng bến bên này, nơi bắt đầu những ánh đèn dầu sáng le lói. Hay, tôi thích ra cửa biển, nơi con sông chợt tỏa rộng, biển như xé toác mảnh đất nâu ra làm hai, chia cách. Tôi thổn thức nhiều trước lằn mức chân trời và bể cả, tôi thấy thiên nhiên rộng lớn và người ta bé nhỏ, bé nhỏ đến đỗi không dám mơ ước rằng một ngày kia tôi có thể thực hiện một chuyến vượt biên cho chính mình (nếu có cơ hội). Nơi đây những buổi chiều, có những thuyền, ghe yên vui trở về, mang đầy sản phẩm của biển, hay chất chồng những khúc củi vớt được.

Ở Gành hào được hai hôm thì vợ hia Hêng phải về Vĩnh châu, có một chuyện gấp gì đó, tôi đành phải thế vai trò của chỉ, thức từ bốn giờ sáng để canh nước lèo. Hia Hêng thì lau chùi nhà cửa và bày biện bàn ghế. Năm giờ sáng, dù trời hãy còn khuya, nhưng bến đò đã nhóm chợ. Sau nửa tiếng đồng hồ, một chuyến đò đến từ Hộ phòng, con đò này lại phải trở về lúc sáu giờ.

Thấy tôi lăng xăng nơi bếp, một người khách tò mò hỏi hia Hêng:

- Vợ mày đâu mà thay thằng công tử bột? Nó làm gì ở đây? Bộ trốn nghĩa vụ hả?

- Hổng phải đâu, nhà nó bị đánh tư sản, gia đình chịu phân ly để kiếm sống. Lớn xác vậy chớ nó còn khờ lắm, bản lĩnh có là bao nhiêu? Còn vợ tôi phải về Vĩnh châu vì ông già tôi đau, nằm liệt giường liệt chiếu đâu cũng được một tuần gì rồi à.

Chưa xong, khoảng mười giờ sáng gì đó, bà hàng xóm xách tô hủ tíu đến mắng vốn:

- Nước lèo sao mày nấu lờ lợ vậy? Bột ngọt phải bỏ cho nhuyễn.

- Dạ, cháu mới tập sự, xin gì thông cảm.

- Ừ, rán tập sự đi, tao mới cho ở rể.

Số là nhà bà ta có một bầy con gái. Cô lớn nhất, 22 tuổi, đã gả chồng ở xa. Người thứ nhì thì có người ngấm nghé đám hỏi. Tôi thì chỉ

để ý cô thứ ba. Nhan sắc cô thường thường, nước da bánh ít, nhưng đã làm tôi xao xuyến bởi chợt một buổi tối đầu tiên, nghe được giọng hát cô vọng lại từ vách nhà cạnh bên. Hòa theo điệu hát là gió thổi qua kẽ hở của căn nhà lợp lá dừa, là dòng sông xiết chảy nơi phần dưới sàn nhà. Vì chưa biết tên của cô ca sĩ tài tử này, đầu óc tôi liền đặt nhiều tên cho cô. Xuân, Thu, Liễu, Lan, Cúc... nhưng ngoại trừ tên Thơm, là tên gọi ở nhà của cô mà mãi sau này tôi mới biết.

*

Sang đến ngày thứ tư thì tôi bắt đầu thấy chán, thất lật đật như gà mắc đẻ, cứ hướng mắt về bến đò để trông ngóng cho một điều chính tôi cũng không rõ. Buổi trưa vắng khách. Hia Hêng thấy tội nghiệp biểu tôi ra bãi tắm đi. Miền Nam vào tháng ba đã nắng rực lửa. Nắng làm Gành hào thêm mạnh mẽ, vốn từ màu nâu đơn sắc của con đường đất, ghe, lưới cá, cộng với người dân chỉ thích mặc bà ba đen chứ không hoa hòe như dân thành phố, màu nâu dưới ánh mặt trời rực lửa làm đôi mắt tôi đau thốn.

Lúc bước ra khỏi cửa thì nghe tiếng phèng la gióng lên inh ỏi. Tôi ngạc nhiên hỏi hia Hêng:

- Bộ có màn trình diễn Sơn đông mãi võ hả?

Nhưng tôi càng ngạc nhiên hơn khi thấy mặt mày hia đanh lại lạnh lùng:

- Không, thông cáo của phường ủy đó. Có chuyện gì rồi đây?

Trong đầu tôi liền hiện ra hình ảnh lính phục quốc bị sa bẫy, đôi tay bị trói quặp phía sau, vải băng đen bịt mắt, bên cạnh có tên công an cầm súng canh chừng.

Tôi được giải thích ngay sau đó. Tiếng chạy thình thịch của những đôi chân nện trên mặt đường đất, vừa cao giọng như hét:

- Bà con cô bác ơi, ra coi thuyền vượt biên bị bắt nè.

Lập tức, từ đầu trên xóm dưới, người ta lục đục kéo ra mặt đường lộ rồi hướng về bãi, như đang hành hương để đến thánh điện.

Tôi không nhớ rõ lắm, nhóm họ chừng trên dưới ba chục người gì đó, hình như tổ chức theo gia đình, ông bà già có, người trung niên có,

con nít thì khóc ỏm tỏi vì không chịu nổi ánh nắng gay gắt. Những người trai tráng thì bị sứt đầu u trán, máu bám bê bết trộn lẫn với sình bẩn trên thân thể, quần áo. Họ ra vẻ chán chường và tuyệt vọng.

Có tiếng thều thào đâu đó:

- Bà con cô bác ơi cho xin miếng nước...

Có người dân nào mau mắn thấy cho trái chanh, khúc mía, thì bị một tên công an sừng sộ:

- Chúng là bọn phản bội tổ quốc, nghe theo tiếng gọi của tư bản, Mỹ Ngụy. Chúng đành lòng bỏ nước ra đi, nghĩa là phản bội với cách mạng, chúng đang bị giam vào trại cải tạo để học tinh thông chính sách nhà nước.

Một người thanh niên phẫn nộ gào lên:

- Không, chúng tôi đi tìm tự do, nay chúng tôi sa vào lưới rồi, này quỉ đỏ, muốn giết thì cứ giết đi, đừng ra giọng giả nhơn giả nghĩa.

Không cần nói, tôi biết ngay anh ta là một cây ghiền truyện Tàu. Tam quốc chí, Nhạc phi, chắc thuộc làu từng chi tiết. Tôi có lòng cảm mến anh ta ngay.

Tiếp đó, chàng thanh niên bị ăn báng súng, máu trào ra ngoài miệng liền.

Không, không có gì để coi hết, một chuyện vượt biên thất bại và đầy thương tâm. Tôi lồng mình vào trong hoàn cảnh của họ. Rùng mình. Không dám nghĩ tiếp. Rồi tôi quay lưng bỏ đi.

Tối hôm ấy, dưới ánh đèn măng sông treo sáng trên trần, tôi đọc đi đọc lại một đoạn trong sách của Dostoievski mà không hiểu. Đầu óc cứ vơ vẩn nhớ tới cảnh vượt biên hồi trưa, rồi băn khoăn cho số người không may đó, tối nay họ ngủ ở đâu, không màn họ bị muỗi cắn ngứa chết.

Hia tôi thì lẹp xẹp ở bếp, ở trong phòng, đi tiểu, rồi mở cửa chính, nhìn ra hai bên phố trên con đường chánh duy nhất của làng.

Ở tỉnh, nếu ban ngày là một sự huyên náo ỏm tỏi bao nhiêu, thì ban tối là nỗi yên tĩnh lạnh lùng bấy nhiêu. Tôi nghe rõ lắm tiếng chó sủa nơi cuối xóm, tiếng chèo vừa khuấy động mặt nước sông yên tĩnh.

Tiếng ho khan của một người láng giềng đâu đó. Có ngọn gió hẩy nhẹ vào nhà, ánh đèn dường như u tối một chút rồi bừng sáng trở lại. Tôi gấp sách lại, tôi nghi ngờ cái yên lặng bao phủ này, nó ngầm chứa một sự đe dọa, tôi bước đến bên cạnh người anh chú bác rồi nhẹ giọng hỏi:

- Mình đóng cửa đi...

Tôi nuốt chửng câu nói, bây giờ tôi mới rõ, hai bên phố, ai nấy đều kín cửa tự bao giờ, chỉ có một vệt sáng từ trong nhà của chúng tôi hắt ra mặt đường.

Không có tiếng hát cô Thơm vang vang như mọi ngày, không có một bóng người bước đi ngang qua nhà chào cười với hia Hêng: "Hêng à, tối nay trời nóng dữ há!"

Câu nói hữu hiệu thật, thức tỉnh hia Hêng liền, trên khuôn mặt tưởng như còn mơ màng ở tận đâu đâu. Sau đó, khuôn mặt mang nỗi âu lo.

- Thường à, mày phải giúp tao một việc, mày phải về Vĩnh châu ngày mai, rồi cùng về đây với só mày (só: chị dâu).

Tôi định nói việc gì mà gấp rút vậy. Ông sin kê hia còn bệnh mà

- Thực ra bả đi xin vàng để nộp đi vượt biên bán chính thức.

- ... (Thì ra là vậy).

- Việc hồi chiều làm ông chủ tịch nổi giận, ổng nói dân ở đây lộng quá rồi, ổng bị tai tiếng trên tỉnh ủy. Nguyên cái tỉnh Minh hải, tàu nào cũng qua cửa Gành hào này ráo trọi. Lúc sắp tới phiên tàu mình thì, "Giờ phút chót, trục trặc kỹ thuật" (hia tặc lưỡi) chắc số mình không khá nổi. Thường ơi, tao đã định với ba mày rồi, sau khi gia đình tao đi rồi, thì gia đình mày lập tức xin hồi hương về đây, nhà cửa tao để lại cho nhà mày, thay vì bị chính phủ niêm phong. Thiệt là người tính không bằng trời tính.

*

Mãi đến mười giờ sáng, ghe mới cặp bến đò Hộ phòng. Tôi lựa một con hẻm xa hơn để ra con đường quốc lộ vì không muốn chạm mặt với ông bác thứ ba (nếu chạm mặt) sẽ bị hỏi lôi thôi.

Hai dãy nhà của con đường hẻm kín cửa im vắng. Có lẽ vì bị nhà

nước niêm phong quản lý bởi sự vượt biên. Phân nửa thị xã đều say cơn sóng này.

Cả ngày hôm ấy, tôi chỉ rượt bắt từng chuyến xe, chuyển từng trạm từ Hộ phòng đến Bạc liêu, từ Bạc liêu về Vĩnh châu. Bằng mọi giá phải đến Vĩnh châu, gia đình của chị dâu trước khi trời tối, tôi mới yên lòng.

Trong một khoảnh khắc trống nào đó, đứng giữa cánh đồng miền Nam đang cày những luống đất mới, tôi nghĩ tới gia đình, bạn bè còn ở Sàigòn, không biết giờ họ làm gì, có nghĩ đến tôi xất bất xang bang cho một chuyện không đâu chăng? Tôi chợt thương xót cho tuổi trẻ chúng tôi, ở giai đoạn mới trong một xã hội mới lúc này. Ngay trên xứ sở của mình cũng thấy xa lạ, cũng thấy lúng ta lúng túng. Tôi lại nghĩ đến nhóm gia đình vượt biên bị thất bại ngày hôm qua ở Gành hào. Giờ chắc họ bị đưa vào trại cải tạo rồi.

Lúc về đến Vĩnh châu thì trời vừa tối, tôi cảm tạ ơn trên đã cho tôi một ngày bình an, không gặp công an xét hỏi chi hết. (Thời đó, trên mình tôi chỉ có tấm thẻ tùy thân duy nhất: thẻ kiểm tra nhân dân, ghi rõ gốc gác tôi ở tận bên... Tàu, và vì có sự xích mích nơi biên giới Trung Việt nên nhà nước Việt nam không dám làm khó dễ với con cháu của Mao xếnh xáng).

Nhờ có sự chỉ dẫn của hia Hêng. Tôi tìm được nhà gia đình bên vợ anh dễ dàng.

Sau khi nghe tôi trình bày mọi sự, só Hêng có vẻ khó xử, ông già còn đang vùng vằng mười cây vàng. Thôi Thường ở lại thêm ngày mai, để só rán uốn ba tấc lưỡi thuyết phục cho bằng được ông già. Rồi ngày mốt mình mới về, sáng mai ra ngoài vườn chơi đi, cho biết vườn cây ăn trái.

*

Tôi đang đứng một mình nơi bìa vườn, phía sau nhà gia đình người chị dâu. Những cây ổi, xoài, măng cụt, vú sữa, cam chừng như giơ mấy nhánh cây ra chào gọi. Tôi đoán người xưa khi gieo giống, có lẽ đã chiều lòng cho những đứa con, mà mỗi người có một ý thích. Tánh ăn

vặt nổi lên khi thấy những trái mận treo lủng lẳng phía xa. Tôi lần tiến tới những trái mận trắng, nhỏ nhưng ngọt ngào. Đến khi nhìn xung quanh để khám phá coi còn loại quả nào khác ăn được, thì thấy tôi đang đứng giữa một cánh rừng cây ăn trái. Phải, khu vườn rộng lớn lắm, như vườn nhãn Bạc liêu, rừng tre ở Phú mỹ, vườn mứt Lái thiêu. Vẻ yên tĩnh bao phủ xung quanh. Đôi khi có những tiếng chim hót trên cành lá. Cây, cành, lá và quả đan vào nhau như muốn che kín bầu trời. Mỗi khi có làn gió thổi ngang, những tấm lá rung rinh như sóng rợn. Tôi ngồi kiểu chồm hổm lưng dựa vào một gốc me già để lắng nghe cái cảm giác hân hoan tôi vừa thoáng gặp thấy trong hồn. Tôi vừa nghĩ rằng, nếu mai này, tương lai sự nghiệp tôi có tối mù mịt như đêm ba mươi, thì cùng lắm xin về làm ruộng, làm vườn cho nhà họ Trần này. Cây trái đem ra bến xe bán chắc cũng độ được qua ngày. Cảnh trí nơi này thanh bình quá. Hàng kiến nối đuôi nhau về ổ của chúng đâu có băn khoăn, hồi hộp đem số lương thực nộp trên phường để hòng được chút khoai chút lúa của Đảng cấp cho đâu! Tôi sẽ dò hỏi chị dâu tôi, lát nữa đây, xem đất Vĩnh châu có dễ làm ăn không. Tội chùng lòng khi nghĩ đến quả là một sự đổi đời, lúc xưa ba mẹ tôi từ tỉnh về Sàigòn lập nghiệp, bây giờ có thằng con bất tài như tôi, từ thành phải chịu xuống tỉnh kiếm một chỗ đứng. Quãng thời gian tạo lập đó của một thời cực thịnh đó có, không, không, có.

Giữa không gian xám lá cây của một khu vườn rộng lớn như cánh rừng này, thấp thoáng di động một khối màu cam, định thần nhìn kỹ lại thì thấy đó là chiếc áo cà sa của nhà sư người Miên. Tôi đứng dậy và cất bước đuổi theo như đã nhiều lần làm trong thời tuổi nhỏ, đời sống của mấy ông sư này đã gợi óc tò mò của tôi từ lâu. Đôi phen, tôi tưởng tượng mình đang đuổi bắt một cánh bướm lớn và đẹp. Cánh bướm thoạt ẩn thoạt hiện trong một không gian mù màu xanh lá, để cuối cùng để mất tích hẳn. Bây giờ tôi không còn đứng trong vườn cây ăn trái nữa mà đang bị vây hãm bởi cánh rừng me hàng hàng lớp lớp, trùng trùng điệp điệp.

Giữa lúc ngó quanh quất để tìm lối ra, kiếm một điểm dấu là những cây mận để hòng thoát khỏi khu rừng kỳ dị này, tôi linh cảm có

một kẻ thứ hai đứng sau lưng mình, quan sát và đo lường. Tôi quay phắt người lại. Thật vậy, nhà sư đứng sau lưng tôi tự bao giờ, mỉm cười với tôi sau cái nhìn như muốn đâm thủng cho tận tường cái sâu kín trong hồn tôi. Cái nhìn làm tôi lúng túng và ngượng nghịu. Định nói một điều gì vô nghĩa thì sư giơ tay ra chận, ngắt lời:

- Từ hơn hai mươi năm nay, những khi nằm mơ, ta thường hay thấy cảnh như bị ai rượt đuổi, những lúc muốn giáp mặt, phân rõ trắng đen với người truy đuổi. Cảnh trí trong mơ dẫn tôi đến một thế giới khác. Giờ tôi hài lòng vì được giáp mặt với cậu. Cậu sẽ là người chấm dứt cơn mơ kỳ dị của tôi. Cậu theo tôi vì lý do giản dị là hiếu kỳ và tò mò, phải thế không?

Tôi gật đầu, sư hẩy tay mời, nói như ra lệnh:

- Lại đây, chúng ta hôm nay có cơ duyên hội ngộ, cậu đáng được hưởng một tách trà.

Tôi bước theo sư, ông dẫn tôi vào một căn nhà lợp bằng lá dừa, rồi ông mời tôi ngồi trên bồ đoàn. Tôi ngỡ ông sẽ chất vấn tôi nhiều điều. Cậu từ đâu đến, cậu theo dõi tôi phải không? Cậu con cái nhà ai làm gì? Nhưng không. Sư ngồi yên lặng. Tay lần chuỗi bồ đề. Những hạt chuỗi lăn tròn mãi trong bàn tay. Bắt đầu và kết thúc, ra đi rồi trở về, vòng này đã hết, thì còn vòng kế. Một vòng. Hai vòng. Cho đến vòng thứ mười sáu, tôi không còn tĩnh tâm cho được, thế ngồi trong bồ đoàn làm tôi không được thoải mái vì không quen. Tôi muốn duỗi chân ra cho thẳng nhưng lại sợ thất lễ. Một hạt mồ hôi bắt đầu chảy xuống theo đường sóng mũi. Tôi đưa tay ra chùi. Chính lúc ấy, sư thôi đếm hạt, hướng về tôi nói:

- Cậu đưa bàn tay ra, tôi sẽ đọc cuộc đời cậu cho mà nghe.

Tôi đưa tay ra, rồi kéo trở về. Đức tin tôi không cho phép, dù tôi rất tò mò.

- Tôi theo đạo Chúa, sư à, cuộc đời tôi xấu đẹp, có may hay rủi cũng mặc lòng. Vì tôi biết chắc có một đấng trên cao chăm sóc đời tôi.

Nhà sư gật đầu:

- Chúng tôi cũng tin có thượng đế. Cậu khí khái lắm. Trời có phụ

lòng những người can đảm bao giờ. Tôi không ép đâu. Chứ không phải, bây giờ ai nấy đều rủ nhau đi xem bói đoán coi mình có được xuất ngoại hay không?

Sư này hay thật, trong một xó xỉnh nơi này mà biết hết những sự bên ngoài. Bất giác tôi đưa bàn tay tội ra, tôi chiều lòng nhà sư, có lẽ, trong ông ta, cũng không dằn được sự tò mò.

- Ông hãy đọc đi, nhưng đừng nói ra như thế chỉ có mình ông biết. Riêng tôi, thì tôi không muốn biết.

Sư chăm chăm nhìn lòng bàn tay tôi, gật gật đầu, mỉm cười không nói. Rồi đứng lên:

- Tôi đi làm trà đây.

Lợi dụng khoảnh khắc nấu trà của nhà sư, tôi đứng lên, đi qua lại trong căn nhà lá để được thoải mái, đọc những tên sách kinh trên quầy kệ, nhưng chỉ toàn là tiếng Cao miên. Thấy chán trong không gian tù túng chật hẹp này, tôi bước ra, đứng trên hiên nhà nhìn cảnh trí xung quanh.

Vẫn không gian xanh, vẫn những tấm lá me run run nô giỡn với nắng vàng. Cành lá che kín bầu trời, lọc những đợt sóng nắng đổ lửa thành những sợi nắng óng ánh tơ vàng. Rừng me im tiếng, và vọng lại từ xa những tiếng động mơ hồ. Trong không gian ấy, tôi không cần nghĩ đến thời khắc, mình là ai, làm gì. Ừ, tôi đang say men hòa vận vào một thế giới thanh khiết như lúc này. Cố hiểu cho thấu những tâm hồn của cánh rừng me không đoán được tuổi già của chúng. Lại có những linh hồn me, từ thành phố về, trần trụi, vì bị dân thành lột vỏ làm củi đốt, than khóc với đại gia đình.

- Này cậu, vào đi, trà đã xong rồi. Đã rất lâu, tôi không người đối ẩm. Tôi trở về chiếc bồ đoàn cũ của mình. Nhận một tách trà. Không phải tách trà rót tràn trề đổ ra ngoài từ một câu chuyện thiền trong "góp nhặt cát đá". Không phải tách trà tống quánh sệt hương Thiết Quan âm của ông bác thứ tư rót cho tôi hồi nhỏ. Tách trà nhà sư đưa tôi uống là hương nhạt của một loài thảo mộc. Có lẽ do cơn khát, tôi vội hớp để rồi nhăn mặt, vì đắng. Đắng và chua cỡ thuốc ngoại cảm

tán hiệu con tàu giương buồm giữa biển Thái bình. (Lúc này ớn tới muốn ói ra vậy mà còn nhớ từng chi tiết của cái hiệu nhãn, kể cũng lạ thật).

- Cậu đừng uống kiểu phàm phu như vậy, hãy để thuốc thấm dần trong lưỡi, rồi cậu sẽ thấy vị ngọt của nó.

Ngụm nước dù đã vội trôi đi như được phụ họa theo lời nói của nhà sư, để lại vị ngọt trong sớ thịt của đầu lưỡi.

- Trà gì mà... lạ vậy, vừa chua vừa đắng... lúc mới uống.

- Trà lá me đấy.

Sư bắt đầu gõ mõ. Không nói thêm lời gì. Tiếng mõ làm tôi khó chịu, làm tôi đặt không xuông câu từ giã.

- Chắc trời đã muộn rồi phải không sư. Cháu cần phải đi về.

Chỉ có tiếng mõ. Sư như không nghe thấy lời tôi nói. Tiếng mõ mỗi lúc một chậm lại. Cho đến một lúc, tôi tưởng sư đã quên lửng cái khoảnh khắc ở giữa cho cân bằng.

- Cậu nghe thấy gì không?

- Tiếng mõ.

- Còn nữa, lắng nghe xem.

- Tiếng chim.

- Cũng đúng.

- Tiếng động cơ của một chiếc xe đò vừa chạy qua.

Là tiếng mõ cuối cùng. Sư xếp lại những dụng cụ ngay ngắn trên bàn hương án. Xong, nhìn tôi như chờ đợi.

- Không, không còn gì nữa hết, tất cả đã trôi qua, cháu chỉ thấy thinh lặng và trống không.

Ở một phút giây ngắn của thinh lặng giữa chúng tôi là vô cùng, là tất cả, là vừa mới nhòa đi khối hình ảnh anh chị em, chiếc xe đò bỏ thằng con trai là tôi, đứng chơ vơ trong buổi chiều tà nơi lề đường quốc lộ, những sự ấy chìm dần vào quá vãng theo tiếng mõ.

- Phải, chỉ có trống không mới dung chứa tất cả. Nhưng cũng đừng

để mọi sự làm xáo trộn cái không. Thôi đến giờ rồi, ta phải dẫn cậu trở về.

Sư không trở về con đường cũ. Sư dẫn tôi ra phía sau nhà, đi một khoảng nữa để đến một con sông.

- Đi dọc theo con sông này, đến khi thấy không còn cây me nữa, là cậu sẽ trở về khu vườn ăn trái lúc nãy.

Giờ phút chia tay làm tôi bịn rịn.

- Ngày mai, cháu phải đưa chị dâu về lại Gành hào, chắc cháu không còn cơ hội để trở về đây nữa.

Sư gật đầu hiểu được tâm tình tôi.

- Chúng ta biết có bao giờ gặp lại?

- Sau này, có ở đâu, làm gì, có những điều ưu phiền bực dọc nào, cậu hãy nghĩ đến tôi, nhớ đến tách trà lá me là được.

Giữa dòng, có những nhánh lục bình với cánh hoa màu tím nhạt trôi đi.

- Dòng sông này đưa mình về đâu?

- Ra biển, cậu cứ nghĩ như vậy đi là được. Tất cả những con sông đều hội tụ nơi biển cả, dẫu biển Đông bây giờ cũng không được yên ổn, vì dung chứa quá nhiều oan hồn.

Sư thở dài, hẩy tay như lúc nãy, ra hiệu tôi đi đi. Mắt tôi nhòa đi, nước mắt tự nhiên trào ra, cho một hình ảnh quá đẹp. Chiếc áo màu cam nổi bật trên nền xanh lá cây của khu rừng me, rồi di động, thoạt ẩn thoạt hiện, rồi mất tích hẳn trong màu xanh dầy đặc ấy.

Tìm đọc:

SÀI GÒN NỞ PHỐ LƯU VONG

Thơ Lê Giang Trần

Tân Thư xuất bản

HOÀI MỸ

quẩn đọng

Thế là Ngọc quyết định nhận lời cầu hôn của Olav Normann. Khi Ngọc nói điều này với Thủy, người bạn gái đồng hương duy nhất của nàng thì Thủy nhăn mặt:

- Mày đã suy nghĩ kỹ chưa đấy, hôn nhân dị chủng không dễ ăn đâu. Khác biệt về văn hóa là thứ trở ngại bất khả san bằng, cưng ạ.

Ngọc chỉ cười:

- Tao không cần biết, có tình yêu là đủ. Mày không nhớ câu "Thương nhau trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng" à?

Thủy bĩu môi:

- Thôi đi bà, lãng mạn vừa vừa chứ!

Đám cưới của Ngọc và Olav thật đơn giản. Hai người ký giấy hôn thú ở tòa thị sảnh. Phía Olav có hai người bạn còn Ngọc vẫn chỉ có Thủy ở bên. Ba má Ngọc ở Việt nam đã đành, riêng Olav thì cũng chỉ gửi thư thông báo cho cha mẹ việc cưới vợ của mình chứ không mời ông bà đến dự dù họ cư ngụ trong cùng một thành phố. Ngọc để Olav hoàn toàn quyết định. Thái độ thụ động của Ngọc khiến Thủy phát cáu:

- Đời người con gái có ngày lên xe hoa là trọng, mày không muốn tổ chức rềnh rang như những đám cưới khác thì thôi, nhưng dù sao cũng phải ra gì một chút chứ. Mày làm cứ như thể lén lút không bằng.

Ngọc có cảm giác đó thật. Từ ngày quen thân Olav và nhất là trong những lần với chàng dạo phố, Ngọc thấy như ai cũng nhìn nàng, thắc mắc. Gặp người đồng hương, Ngọc không còn được tự nhiên nữa.

Hẳn người ta bàn tán về nàng dữ lắm. Ngọc nghĩ vậy. Nàng cố gắng xóa bỏ những mặc cảm nhen nhúm trong lòng bằng cách nghĩ đến tình yêu của Olav cho nàng. Chỉ có Thủy hiểu nàng dù cũng hoài nghi cuộc hôn nhân dị chủng giữa nàng và anh chàng Na-uy này. Riêng Ngọc, nàng nghĩ cho dù khác biệt gì đi nữa thì giữa nàng và Olav vẫn có những điểm chung, đó là cả hai đều là con người và cả hai đều có trái tim chân tình. Đối xử với nhau trên căn bản này ắt hẳn sẽ có sự cảm thông. Hơn nữa Ngọc tin tưởng Olav có thiện chí. Từ ngày quen Ngọc, chàng chịu khó tìm tòi sách báo viết về lịch sử, văn hóa và phong tục Việt nam. Chàng luôn luôn tỏ ra hào phóng và chiều chuộng Ngọc. Với niềm tin đó, Ngọc đã mạnh dạn nhận lời làm vợ Olav. Và cũng vì vậy Ngọc đã không phản đối khi Olav quyết định, "Đám cưới chỉ cần làm thủ tục hôn phối theo luật quốc gia, sau đó mời hai ba người bạn về nhà ăn bữa tiệc nhỏ là đủ."

Sở làm của Olav và của Ngọc nằm trên cùng dãy phố nên hằng ngày vợ chồng lái xe đi, về rất tiện. Thỉnh thoảng Thủy gọi điện thoại đến chỗ làm của Ngọc, hỏi:

- Sao, vẫn tốt đẹp chứ?

Nếu không phải là chỗ bạn thân có lẽ Ngọc đã giận lắm, hơn nữa vẫn biết bản tính bộc trực của Thủy nên nàng chỉ cười, trả lời:

- Đương nhiên! Olav là người chồng lý tưởng.

- Mừng cho mày.

- Mày cũng nên bắt một chàng Na-uy đi, tao bảo đảm.

- Thèm vào, "Ta về ta tắm ao ta."

- Cải lương!

Những tháng ngày đầu của cuộc sống lứa đôi quả thật tốt đẹp. Olav đối xử với vợ một cách đại lượng. Ngược lại, Ngọc cũng hết sức chiều chồng. Hạnh phúc vợ chồng tràn đầy khiến Ngọc đi đến ước muốn có những đứa con khỏa khỉnh. Nàng đọc trong một tài liệu nói rằng những đứa trẻ mang hai dòng máu thường rất thông minh. Đôi lúc nghĩ đến những đứa con tương lai không biết chúng có nhiều nét

Việt nam giống mẹ hay nhiều nét Na-uy giống cha, Ngọc lại mỉm cười một mình. Một đêm nằm ôm, chồng, Ngọc thủ thỉ:

- Em muốn anh cho em đứa con...

Olav đẩy vội nàng ra, cau mày:

- Hva? Barn? Er du gal?

Ngọc vẫn giữ vẻ dịu dàng:

- Tại sao anh lại ngạc nhiên quá vậy, lại còn bảo em là điên nữa. Mục đích của hôn nhân là những đứa con mà anh.

- Tull! Bare tull!

- Sao lại nhảm khi vợ chồng mình yêu nhau thật sự?

Olav không để vợ nói hết câu, ngồi hẳn dậy, giảng giải nào là chàng không muốn bận rộn với con cái khi còn trẻ tuổi, nào là có con sẽ phải chi tiêu nhiều thứ lắm, nào là con cái làm giảm lạc thú đời sống gối chăn...

Trong khi Ngọc ứa nước mắt thì Olav ôm chăn gối ra nằm ngủ ngon lành trên *sofa* ngoài phòng khách.

Từ đêm đó, bạo giờ trước khi lên giường, Olav cũng bắt Ngọc uống thuốc ngừa thai cho chàng trông thấy. Olav còn dọa:

- Nếu em lừa anh để có con, anh sẽ bắt phá thai.

Hôm sau Ngọc tâm sự chuyện này với Thủy, Thủy nói liền:

- Kể ra Olav cũng có lý đấy.

Ngọc ngạc nhiên, hét lên:

- Mày còn bênh hả?

- Con khỉ, mày! Chồng mày chứ đâu phải chồng tao mà tao bênh. Tao nói dây cốt để mày mở mắt ra khỉ ạ. Mày sống ở Na-uy cũng gần mười năm rồi, mày có thấy người Na-uy nào chúc nhau "con đàn cháu đống" không? Mày có thấy gia đình Na-uy nào "sinh năm đẻ bẩy" không? Mày có thấy cặp tân hôn nào chỉ lo "sản xuất" hay là họ chủ trương hưởng trước, đẻ sau, du lịch nước này nước nọ cho đã đời rồi mới tính chuyện "nối dõi tông đường"? Thằng Olav còn trẻ, mày cũng còn hôi mùi sữa, không lý mày bắt nó đi làm về rồi ngồi ôm con cho mày lo "nữ công gia chánh"?

Thủy nói một hồi, giọng chanh chua khiến Ngọc đang áo não cũng phải bật cười:

- Thôi bà ơi, tôi nói một, bà phạng mười!

- Chứ không à, mày lấy chồng ngoại quốc thì phải theo văn hóa của họ chứ.

Ngọc cãi lại:

- Cho dù văn hóa nào đi nữa thì không ai có thể phủ nhận được rằng con cái là nguồn vui, là sự ấm cúng, là sợi dây liên kết cha mẹ, là kết quả của tình yêu. Mày không thấy thiếu gì những cặp vợ chồng Na-uy rầu rĩ vì không có con à? Nhiều cặp phải cạy cục chỗ nọ chỗ kia rồi lại phải bỏ ra biết bao tiền bạc để cấy thai hoặc xin con nuôi. Con cái bao giờ cũng là niềm hạnh phúc của vợ chồng.

Thủy bĩu môi:

- Sao mày không đem mớ "Đạo đức giáo khoa thư" đó về mà giảng cho thằng chồng mày nghe, mắc mớ chi nói với tao.

Ngọc xịu mặt, vùng vằng:

- Tưởng mày là bạn tao mới tâm sự. Mày đã nói vậy thì từ nay khỏi nói nữa.

Thủy vung tròn đôi tay, quay đi:

- Đừng hòng tao dỗ, về mà nhõng nhẽo với thằng Olav của mày.

- Ai thèm nhõng nhẽo với mày. Thứ đồ... gỗ đá!

Thấy Ngọc phụng phịu như một đứa trẻ, Thủy vỗ mạnh vào mông nàng:

- Thôi khỉ, vào lấy áo tao ra thay đi. Ở lại ăn cơm với tao. Hồi trưa đi phố tao vớ được mớ rau muống khá non ở tiệm Asia Mat.

Ngọc đã tươi lại nét mặt, nhưng ngập ngừng trả lời:

- Để khi khác... Sợ Olav ở nhà chờ.

- Cho nó chờ luôn! Nó là Na-uy dư sức hiểu là chồng có việc của chồng, vợ có chuyện của vợ. *Likestilling*, bình đẳng bình quyền! Nếu cần *ring* cho nó là xong. Mày ngại, để tao.

Rồi không cần biết phản ứng của Ngọc, Thủy ra quay số điện

thoại. Giọng Olav vui vẻ ở đầu dây nói bên kia khi nhận ra người gọi là bạn vợ mình. Phút sau Thủy quay lại:

- Xong, tao nói chiều mai mày mới về. Nó còn chúc tụi mình *bare kos dere godt.*

Ngọc đã mặc vào bộ đồ ngắn. Dáng nàng mảnh mai, tươi mát. Nàng lăng xăng lấy gạo vo rồi đổ vào nồi, miệng hát nho nhỏ một điệu dân ca trữ tình.

Chợt Thủy dừng tay nhặt rau, hỏi Ngọc:

- Còn chuyện tiền bạc mày tính ổn chưa?

Ngọc thoáng ngạc nhiên, chau mày:

- Tiền bạc gì?

- Khỉ nữa, giả bộ ngây thơ cụ.

- Thật mà, tao không hiểu mày muốn nói gì.

- Giời ơi, lấy chồng Na-uy mà quên vụ tiền chồng, chồng tiêu, tiền vợ, vợ xài thì tao cũng vái mày thôi, Ngọc ạ.

Ngọc phá lên cười, nói:

- Tưởng gì, xong rồi.

- Xong là sao?

- Lúc đầu Olav nói bản tính người Na-uy thích sòng phẳng nên cũng muốn minh bạch trong vấn đề tiền bạc. Ngoài ra việc phân định tài chánh giữa vợ chồng còn nhằm chứng tỏ sự bình đẳng nam nữ, không ai lệ thuộc ai. Nhưng sau tao đem cái triết lý Việt nam "của chồng công vợ" ra... thuyết minh cho Olav nghe. Giờ thì Olav đã đồng ý rằng phong tục của Việt nam hay hơn của Na-uy. Tiền vợ kiếm được hay của chồng làm ra thì cũng đều là của cải chung của gia đình.

- Ừa, như vậy là phải. Người Việt mình sức mấy ai chịu nổi cảnh vợ chồng tháng tháng giao kèo mỗi người phải bỏ ra bao nhiêu, hoặc vợ mua thứ này thì chồng cũng phải sắm thứ khác đồng giá, hoặc nay vợ bao chồng xi-nê hay ăn tiệm thì mốt chồng phải khao lại tương tự. Na-uy nó hay gì, không cần biết, nhưng văn minh kiểu đó thì thèm vào!

Ngọc nhăn mặt:

- Mày làm như cãi lộn với tao không bằng. Thì tao đã nói Olav chịu theo quan niệm của người Việt về của cải trong gia đình rồi.

- Nhớ đừng thay đổi lập trường kẻo nó khinh.

- An tâm. Tao còn nói với Olav rằng tỉ dụ sau này vì lý do nào đó mà vợ chồng phải ly dị thì mặc dầu luật pháp Na-uy nhằm bênh vực người đàn bà vẫn thường truyền cho người chồng xách gói ra đi còn dành nhà cửa, đồ đạc cho người vợ, nhưng riêng tao thì tao sẽ không thèm lấy bất cứ gì.

Thủy giẫy nẩy, la lối:

- Con này, mới lấy nhau chưa đầy năm mà đã nói bỏ nhau. Không sợ gở à?

Ngọc cười nhẹ:

- Thứ mày mà cũng bày đặt dị đoan.

- Có kiêng có lành.

- Kể cho mày nghe chơi vậy thôi chứ tao với Olav yêu nhau thắm thiết lắm, chẳng có gì có thể làm chúng tao xa nhau được đâu.

- Vậy là nhất.

Bữa cơm thành hình mau chóng. Đĩa cá *laks* rán cháy cạnh thơm phức. Đĩa rau muống xanh nuột nằm cạnh chén nước mắm nổi đỏ những khoanh ớt tươi. Tô nước rau pha cà chua, nêm chanh tỏi giã nhuyễn. Mùi cơm mới theo khói tỏa lan khiến cả Ngọc lẫn Thủy đều cảm thấy đói cồn cào.

Đã lâu lắm Ngọc mới lại được ăn bữa cơm thuần túy Việt nam. Ở nhà Ngọc thường nấu đồ ăn Na-uy cho chồng. Tuy thỉnh thoảng Ngọc cũng làm một vài món Việt nam nhưng không dám nêm gia vị. Olav vẫn không chịu nổi mùi hành tỏi hay nước mắm. Nhiều lúc nhớ tương, mắm Ngọc thèm đến chảy nước miếng.

- Ăn đi chớ, mơ mộng gì vậy?

Ngọc nói lảng:

- Rau muống ngon quá. Mày khéo chọn.

- Sáng mai tao với mày làm bữa gỏi cuốn chấm mắm nêm ăn chơi.

- Hết xẩy!

Câu chuyện lại ròn tan giữa hai người bạn gái. Cơm nước xong, cho chén bát vào hồ, Thủy bảo: "Ăn no rồi đâm làm biếng, để mai rửa," rồi hai người rủ nhau ra sa-lông ngồi uống trà, chuyện vãn mãi tới khuya.

*

Ngọc không còn dám nói đến niềm ước mơ có những đứa con nữa. Tuy nhiên những buổi chiều sau bữa cơm, những ngày nghỉ liên tiếp, Ngọc cảm thấy trống vắng. Căn nhà của vợ chồng nàng bỗng rộng mênh mông, chìm trong thinh lặng. Olav đọc báo, nghe nhạc hoặc xem truyền hình. Ngọc đọc sách, đan thêu hay làm bánh trái. Vợ chồng chỉ âu yếm hoặc trò chuyện với nhau ở trên giường, nơi bàn ăn. Rồi thôi. Ai làm việc nấy hoặc vui thú với sở thích riêng tư của mình. Như hai bản thể cá biệt. Ngọc thấy thiếu thốn. Một tiếng cười, tiếng khóc của trẻ thơ. Một mối liên hệ mật thiết với chồng. Nhưng Ngọc biết nàng không thể có được trong lúc này - và chưa biết đến bao giờ mới có được. Nàng cố gắng chôn sâu niềm ước nguyện của mình. Tuy nhiên những lúc chăn gối với chồng, bản năng làm mẹ lại trở về, thôi thúc khiến nàng cảm thấy hương vị ái ân không còn trọn hảo. Trong khi Olav mỏi mệt ngủ say, Ngọc nằm trăn trở nén tiếng thở dài.

Lâu lâu một lần mẹ của Olav lại gọi điện thoại mời vợ chồng Ngọc về ăn một bữa cơm, hoặc thỉnh thoảng chính Olav gọi về xin phép đến thăm ba má. Ngọc thấy tức cười. Với người Na-uy, đứa con một khi đã trưởng thành, liền trở nên độc lập hẳn với cha mẹ. Mối liên hệ máu mủ linh thiêng nhạt nhòa dần. Cha mẹ với con cái khi đó đối xử với nhau như những người khách trên căn bản xã giao. Ngày mới yêu nhau Olav đã kể cho Ngọc nghe:

- Anh dọn ra ở riêng ngay sau ngày tròn 18 tuổi.

Ngọc ngạc nhiên hỏi:

- Theo em biết nhà ba má anh rộng quá chừng, bốn năm phòng ngủ lại chỉ có hai ông bà, sao anh không ở mà đi thuê nhà khác làm chi cho tốn tiền? - Anh muốn tự do. Vả lại nếu anh ở với ba má, anh vẫn

phải trả tiền ăn, tiền nhà dưới hình thức đóng góp tài chánh mặc dầu ba má anh thuộc loại giàu có.

- Sao kỳ vậy?

- Lý do là anh đã tới tuổi trưởng thành mà theo luật pháp Na-uy anh không còn lệ thuộc cha mẹ, trái lại được tự lập và toàn quyền quyết định đời sống của mình.

Suy nghĩ giây lát Ngọc mới tiếp lời:

- Em thấy như vậy cũng có cái hay mà cũng có điều dở. Hay ở điểm là một khi ở riêng đứa con tập được tính tháo vát, mạnh dạn để bước vào đời. Nhưng dở ở chỗ đời sống chia cách sẽ làm tình gia đình chóng nhạt phai. Mặt khác một thanh niên hay thiếu nữ 18 tuổi, tức là mới học xong năm thứ hai cấp ba mà phải tự túc một lúc quá nhiều thứ nào tiền bạc, nhà cửa, nào bếp núc, học hành... em thấy tội ghê. Đó là chưa nói đến tình cảnh cô độc hoặc phải đương đầu với bao nhiêu cám dỗ như chuyện trai gái, hút sách, rượu chè trong khi các cô cậu này có quá nhiều tự do trong tầm tay.

- Anh cũng đồng ý, tuy nhiên vấn đề nào cũng có mặt ưu và khuyết điểm. Cha mẹ Na-uy muốn tập cho con cái sớm biết tự lập thì đành phải chấp nhận một số hy sinh vậy.

- Còn em hả, dù bị mang tiếng cổ hủ, sau này có con em sẽ không để đứa nào ra ở riêng một khi còn cắp sách đến trường.

- Nhưng nếu nó phải đi học ở tỉnh khác thì sao?

- Hoàn cảnh đó đành chịu, nhưng dù sao em cũng chẳng thể an tâm mỗi lúc nghĩ đến giờ này con nó đã có gì ăn chưa hoặc đêm khuya nó đã về nhà chưa.

Olav cười:

- Đàn bà Việt nam đúng là trái tim lớn hơn bộ óc.

Ngọc trề môi:

- Chứ không à. Mai này cấm anh không được nhân danh luật pháp Na-uy mà đẩy con em ra khỏi nhà sớm đấy.

- Ô-kê, ô-kê, nhưng em đừng quên là những đứa con tương lai của

chúng mình sẽ học trường Na-uy, hấp thụ văn hóa Na-uy, sợ rằng chính chúng sẽ theo phong tục Na-uy mà đòi quyền sống.

- Em sẽ dạy chúng nó theo văn hóa Việt nam. Lấy gia đình làm trọng. Của cải cha mẹ làm ra, tiền bạc cha mẹ kiếm được là để con cái hưởng sau này. Thật là vô lý khi cha mẹ dư dả tiền bạc gửi trong nhà băng, con cái lại phải đi vay nợ để ăn học. Chẳng nói đâu xa, em cứ lấy những gì anh đã trải qua làm kinh nghiệm mà lo cho các con sau này. Ba năm học *gymnas* cộng với sáu năm đại học, anh đã phải vay quỹ học vấn *Statens laanekasse for utdanning* những bốn, năm trăm ngàn *kroner*. Số tiền nợ cộng thêm tiền lời này anh phải trả ít nhất hai, ba chục năm chưa chắc đã hết.

- Đâu phải chỉ mình anh, biết bao học sinh trung học và sinh viên khác cũng vậy. Hơn nữa anh hãnh diện mình thành tài là do chính tiền bạc của mình.

- Một sự hãnh diện quá đắt và... không cần thiết!

Olav nhún vai, lấy ngón tay trỏ di di lên môi Ngọc:

- Em lúc nào cũng lý tưởng.

- Chưa hết, còn một chuyện nữa em không đồng ý.

- Sao bỗng bữa nay em bất mãn nhiều quá vậy, cưng?

- Đã khui ra thì nói cho hết. Em nhớ có lần anh kể em nghe là hằng ngày ở trường về anh thường ăn bánh mì với đồ hộp nguội. Nhiều hôm anh thèm một đĩa thức ăn nóng hổi nấu nướng tử tế, nhưng không dám ghé về nhà ba má chỉ vì một nguyên nhân đơn giản là đã ra... ở riêng.

- Đúng vậy, rồi sao?

- Em thấy kỳ chứ sao, gì mà giữa cha mẹ và con cái lại xa lạ và khách sáo quá vậy. Em không phê bình cách sống ấy của người Na-uy nếu như đa số người Na-uy đều làm như thế và quan niệm đó là thứ văn hóa dân tộc, em chỉ nêu ra đây về phía người Việt nam thôi. Không bao giờ có vụ con cái - ấy là nói con cái đã có gia đình riêng - phải xin phép trước rồi mới được về thăm cha mẹ hoặc nếu cha mẹ không mời thì chẳng dám tự ý về ăn một bữa cơm. Anh biết không,

nhiều bà dù đã chồng con đùm đề, thế mà mỗi lần đi ngang nhà cha mẹ ruột đều ghé vào có khi chỉ để nói dăm ba câu hoặc lục chén cơm nguội hay nhặt thứ nọ thứ kia đem về. Chẳng cha mẹ Việt nam nào lại không cảm thấy hạnh phúc khi con cái quây quần bên mình.

Olav gật gù, cười nói:

- Anh tin rằng cha mẹ Na-uy cũng có ước muốn như vậy, nhưng hoàn cảnh và lối sống hiện đại không cho phép họ thực hiện điều mong ước đó thôi.

Ngọc hạ giọng:

- Thế còn anh?

Olav giơ thẳng hai tay lên trời, bậm môi, trợn mắt:

- Anh thề sẽ làm một cuộc cách mạng vĩ đại!

Ngọc cũng bật cười theo, ôm chầm lấy người yêu:

- Nhớ đấy. Chúng mình thiếu gì cách thức để luyện tập con cái có tinh thần tự lập, anh nhỉ. Sau này chúng mình rán làm sao cho con cái luôn luôn cảm thấy gia đình là mái ấm thật sự để rồi dù sống nơi đâu chúng vẫn muốn tìm về, và chúng mình là cha mẹ lúc nào cũng mở rộng vòng tay tiếp lấy đàn con.

Nói xong Ngọc kiễng chân lên đón nhận nụ hôn nồng nàn của Olav.

Nay nhớ lại những lời đối thoại với Olav ngày xưa đó, Ngọc không khỏi cảm thấy mình đã tự mâu thuẫn. Chỉ sau ít tháng làm vợ Olav, Ngọc sợ hãi vô cùng mỗi lần phải về thăm gia đình chồng. Ông bà Fredriksen thì bao giờ cũng niềm nở và lịch sự với Ngọc. Ông bà mỗi lần gặp nàng, nhất là bà, đều tỏ vẻ vui mừng, ôm lấy nàng mà hôn vồn vã. Vào các ngày lễ ông bà thường mời cả những người họ hàng cư ngụ gần đó đến dùng bữa chung với ông bà và vợ chồng Ngọc. Một hai lần đầu ai cũng xoắn lại bên Ngọc, hỏi hết điều này đến chuyện nọ về Việt nam, nào văn hóa, phong tục, nào chiến tranh dĩ vãng tới đời sống hiện tại và cả những viễn ảnh tương lai, nào tình trạng ba má, anh chị em Ngọc ở quê nhà. Ngọc được dịp kể ra những hiểu biết của mình. Nàng vui thật tình. Bà mẹ chồng muốn học làm thức ăn Việt

nam, Ngọc chọn những món đơn giản để chỉ dẫn. Họ thích nhất món chả giò. Ngọc thấy thân thiện. Nhưng rồi các đề tài trên cũng trở nên cũ mèm. Ngọc và Việt nam của Ngọc không còn xa lạ và hấp dẫn nữa trong các câu chuyện. Ngọc có cảm tưởng dần dần mình bị đưa ra ngoài lề. Sau bữa ăn chiều tới phần uống cà-phê với bánh ngọt, họ ngồi nói chuyện với nhau ròn rã. Đến tối, câu chuyện lại được tiếp nối hào hứng hơn bằng những ly rượu nhẹ. Về đủ đề tài. Những kiểu thời trang. Chính trị. Văn nghệ. Việc làm. Tình dục. Cả những chuyện nắng mưa, gió tuyết. Ấy thế mà những lời đối thoại, những tiếng cười tưởng chừng như không bao giờ dứt. Những lúc đó Ngọc thấy Olav thật thoải mái, nói cười nồng nhiệt. Như cá gặp nước. Như chim lạc bầy tìm thấy lại đàn. Còn Ngọc, nàng cố gắng lắm nhưng cũng chỉ góp được đôi ba câu là cảm thấy nhạt nhẽo. Nàng không hòa mình thật sự được vào bầu không khí, vào câu chuyện của những người khác chủng tộc. Nàng ngồi đó, lắng nghe, thỉnh thoảng cười theo, nhưng thật tình nàng thấy mình vẫn hiện hữu ở vòng ngoài. Nàng lấy làm tiếc trong nhà có máy rửa chén, nếu không nàng đã có lý do dọn dẹp dưới bếp để không phải hiện diện trong phần "trà dư tửu hậu" này. Chưa bao giờ Ngọc ngồi cho tới phút cuối, chỉ nửa chừng, nàng đứng lên xin phép đi ngủ sớm, viện cớ không quen thức khuya để rồi vào giường lấy sách ra đọc. Lúc đó như trút được gánh nặng, nàng nằm yên trong chăn ấm. Những lần sau, thấy không cần thiết chào *god natt* theo thói quen khi mọi người đang say sưa cười nói, Ngọc lặng lẽ rút êm vào phòng. Không ai, có lẽ cả Olav, nhận ra sự vắng mặt của nàng.

Bởi vậy mỗi lần Olav rủ Ngọc về thăm ông bà Fredriksen, nàng lại đóng kịch mệt mỏi, nhức đầu để từ chối, hoặc những khi cha mẹ chồng điện thoại lên mời về, nàng lại nại cớ nọ, nguyên nhân kia để thoái thác hay khất lần. Bất đắc dĩ lắm phải theo Olav về thăm cha mẹ chồng, Ngọc cảm thấy mỗi lần đó là một lần chịu cực hình.

Ngược lại, Ngọc mường tượng Olav trong trường hợp của mình. Mai này ba má và anh chị em nàng sẽ qua Na-uy để đoàn tụ gia đình. Khi đó Olav cũng sẽ phải về thăm cha mẹ vợ. Olav hẳn nhiên sẽ không sung sướng gì, có khi còn khổ hơn Ngọc hiện tại nhiều. Ngọc còn biết

ngôn ngữ để nói chuyện, có thể ăn được khoai tây, xúc xích, thịt trừu hun khói hoặc *lutefisk* muối. Nhưng làm sao Olav hiểu được tiếng Việt, thưởng thức được món bún bò giò heo hoặc phở, hủ tíu hay rau muống, mắm nêm, bánh cuốn, cá kho tộ... Trong khi Ngọc líu lo như chim hót với cha mẹ, anh chị em thì chồng nàng ngồi như pho tượng hoặc dùng tay ra dấu một cách ngây ngô khiến cả nhà phì cười.

Ngọc lại nghĩ thêm rồi những đứa con của nàng và Olav, hẳn chúng sẽ lai phần tóc vàng, mắt xanh và thông thạo tiếng Na-uy hơn tiếng Việt. Liệu ông bà ngoại có vui sướng và hãnh diện trọn vẹn không khi bồng bế các cháu? Chưa gì Ngọc đã lo lắng giữa ông bà và các cháu có sự xa xách mà nguyên nhân chính yếu là sự khác biệt ngôn ngữ.

Nay đã bước vào thực tế, Ngọc ngẫm nghĩ lại quan niệm của mình về sự thân thương giữa cha mẹ và con cái, mối dây liên hệ mật thiết giữa gia đình và đàn con - dù các con đã trưởng thành - Ngọc cảm thấy xao xuyến mông lung, đã có một cái gì đó nghiêm trọng không thuận thảo trong dòng suy tính.

Chợt điện thoại reo, đưa Ngọc ra khỏi những ý nghĩ rối bời.

- A-lô, tôi Ngọc nghe đây.

- Con khỉ, lại có chuyện gì phải không mà nghe yếu xìu vậy?

Tiếng Thủy oang oang trong ống nghe, bao giờ cũng sôi nổi. Ngọc đổi giọng liền khi nhận ra tiếng bạn, vui vẻ:

- Chỉ đoán mò, tại tao mới... ngủ dậy.

- Đừng lấy vải thưa che mắt thánh. Thằng Olav đâu?

- Về thăm bà má bệnh.

- Sao mày không đi theo?

- Tao nhức đầu với lại... đang có tháng.

- Thật không đấy?

- Con này, mày làm như mật vụ điều tra không bằng.

- Tại mày có hiếu với cha mẹ chồng quá mà.

- Thôi mày ơi, sáng giờ đã ăn mắm nêm, mắm ruốc gì chưa mà mồm miệng độc địa quá vậy, bà?

Thủy cười hí hí trong điện thoại:

- Ai bảo mày bày đặt giấu giếm.

- Thèm giấu mày làm chi. Mày đa nghi còn hơn Tào Tháo.

- Thôi chuyện đâu còn có đó. Để tội mày đấy. Giờ nói chuyện của tao, mê ly hơn. Nhưng mày có khỏe để nghe không đấy?

Ngọc cũng cười:

- Gì chứ chuyện của mày thì dù sắp chết tao cũng phải tỉnh dậy để nghe.

- Khỉ, nghèo mà ham!

- Kể đi, cưng.

Giọng Thủy đột nhiên dịu lại:

- "Lão" Đương rủ tao đi Kristiansand chơi.

- Cái anh chàng "đầu-đội-tuyết" ấy phải không?

- Thì còn ai vào đấy nữa.

- Được đó, tao ủng hộ.

- Chỉ tội... hơi già.

- Vậy mà còn chê. Bề ngoài coi vậy mà không phải vậy đâu. Tuổi anh chàng chắc không hơn mày nhiều. Tao thấy anh chàng có tâm hồn trẻ trung.

- Tao đâu cần tâm hồn, mày. Tâm hồn trẻ mà hết xí quách thì cũng... vứt đi. Giả tỉ thằng Olav của mày mà...

- Này, đừng có mà ăn nói nham nhở.

- Ừ, thôi. Nói chuyện đứng đắn vậy. Theo mày tao có nên tiến tới với lão Đương không?

- Vấn đề tùy mày có tình cảm sâu đậm với anh chàng không đã. Có thì cứ việc. Bằng không thì liệu mà tìm cách de.

- Tao cũng không rõ nữa. Đôi lúc cũng thấy lão ấy hay hay, tán tỉnh cũng ra trò. Tuy lão ấy chưa nói ra, nhưng tao đi guốc trong bụng lão ấy rồi. Lão chịu tao nặng.

- Dĩ nhiên, không chịu mà tặng mày áo lại còn làm thơ tình cho mày đọc, hai ba hôm lại điện thoại nói chuyện cả tiếng đồng hồ.

- Tao đâu có chối, có điều tao... ngại.

- Ngại gì? Bé bỏng chi nữa mà mắc cở. Bằng ấy tuổi đầu, tính chuyện chồng con là vừa quá rồi. Coi chừng già kén kẹn hom đó mày.

Giọng Thủy ngập ngừng, thoáng vẻ băn khoăn:

- Nói như mày có nghĩa là tao... cặp với lão Đương được?

- Bên ngoài thì đẹp đôi rồi đó, nhưng dù sao mày cũng cần xét kỹ xem giữa mày và anh chàng có tâm đầu ý hiệp không. Tuy nhiên mày cũng đừng lý tưởng quá kẻo đến khi chạm phải thực tế lại thất vọng. Tóm lại theo ý tao, mày lấy anh chàng Đương kể là có phúc đấy. Đừng để vuột dịp may.

- Sao mày đẩy tao dữ vậy, Ngọc? Trước đây mày vẫn khuyên tao không nên rớ tới đàn ông, con trai "cây nhà lá vườn" vốn toàn những đầu óc thủ cựu, hẹp hòi, cố chấp lại hay độc đoán với vợ con. Mày còn cố vấn tao theo gương mày, lấy chồng ngoại quốc chắc ăn hơn, dù gì họ cũng văn minh nên phóng khoáng và lịch sự hơn.

Do dự giây lát, Ngọc mới nói tiếp, giọng chùng hẳn xuống:

- Ừ, vấn đề đôi lúc cũng không đơn giản như mình nghĩ... Giá mà vợ chồng có được những thứ căn bản có lẽ... hay hơn, dễ cảm thông nhau hơn...

Ở đầu dây nói bên kia, Thủy như đã hình dung được khuôn mặt của người bạn gái mình trĩu nặng u uẩn, khóe mắt long lanh giọt lệ. Tuy nhiên Thủy muốn giấu những suy đoán của mình bằng cách vẫn giữ giọng nói sôi nổi cố hữu:

- Ê, mày, lái xe qua tao đi. Nói chuyện lâu trong điện thoại không đã. Tao hứa sẽ bật mí hết về lão Đương, cho mày nếm kẻ thịt kho lão Đương mới đem hối lộ tao chiều qua. Lão khoe nhờ kinh nghiệm sống độc thân lâu năm mà nay kho cá, kho thịt trở thành "nghề của chàng".

Nhưng giọng Ngọc vẫn nghe xa vắng:

- Thôi, để chiều thứ sáu này tan sở tao về thẳng mày, "tị nạn" cho tới chủ nhật luôn.

- Thằng Olav đi công tác xa?

- Không, Olav bảo tao đi đâu thì đi để cuối tuần này mượn nhà tiếp những bạn học cũ.

- Nó không cần mày phụ tiếp khách?

- Olav đã giải thích cho tao rồi. Theo người Na-uy, chồng có bạn của chồng, vợ có bạn của vợ. Khi chồng hay vợ tiếp bạn riêng của mình thì người kia nên tránh mặt đi nơi khác, chỉ trừ khi nào khách của gia đình thì khi đó vợ chồng mới tiếp chung.

- Đã thế tao qua đón mày ngay bây giờ, vì tao là bạn riêng của mày.

Thủy đặt mạnh điện thoại xuống sau câu nói.

Bên này, Ngọc gục đầu trên cánh tay, nước mắt ứa ra lăn dài trên khuôn mặt trắng xanh.

★

Ngày tháng êm ả trôi. Cuộc sống của vợ chồng Ngọc tiếp tục phẳng lặng. Nó cũng phẳng lặng như thiên nhiên của xứ này. Trùng trùng điệp điệp những rừng núi. Lạnh lẽo triền miên. Vạn vật thu mình trong mưa gió. Nắng hiếm hoi và tắt sớm. Bên ngoài độc điệu và u ám như vậy nên Ngọc muốn sinh động trong cuộc sống gia đình, nồng nàn trong tình nghĩa lứa đôi. Nhưng những ước nguyện của nàng vẫn chưa mãi được thể hiện vuông tròn. Ngọc không trách Olav điều gì. Chàng vẫn yêu thương vợ, vẫn mặn nồng ân ái. Tuy nhiên Ngọc trông đợi không phải chỉ có thế mặc dầu nàng vẫn biết Olav không thể đáp ứng được. Vốn mang tính thực tế của người Tây phương, Olav thường rất vô tình trước những nhu cầu tình cảm và tinh thần của nàng. Ngọc có cảm tưởng Olav không thể nào khám phá được những rung động huyền diệu của con tim nàng và Olav cũng không thể cảm nhận được những tinh tế tuyệt vời trong tâm hồn Đông phương của nàng. Đó có phải vì cội rễ bản chất chủng tộc, căn bản truyền thống văn hóa là những bức tường kiên cố ngăn cách muôn đời?

Ngoài ra Ngọc cũng còn nhận thấy điều Olav vẫn nói là "chàng yêu thích bản tính hiền thục của người phụ nữ Việt nam", chẳng qua chỉ là sự thỏa mãn của cái bản năng quyền lực tự nhiên của phái mạnh

nơi Olav vốn bị phong tỏa bởi thái độ và chủ trương đòi quyền bình đẳng của phụ nữ Tây phương. Dẫu gì thì mỗi ngày từ sở làm về Ngọc bao giờ cũng là người vội vã lăn mình vào bếp nấu nướng bữa ăn trong khi Olav ngồi lật những trang nhật báo bên cạnh ly bia lạnh. Sau bữa cơm, Olav mở máy truyền hình theo dõi tin tức, thời sự còn Ngọc lau dọn, rửa chén. Dĩ nhiên Ngọc chẳng suy bì, ngược lại nàng sung sướng nhìn chồng an nhàn thảnh thơi. Nàng chỉ buồn khi Olav lại coi đó là một biểu tượng quyền-được-hưởng của mình. Chẳng thế mà đã đôi lần Olav giễu cợt gia đình người bạn Na-uy khi đọc tấm "thời khoá biểu phân công nấu ăn, đi chợ, lau nhà" giữa vợ chồng người bạn đó đồng thời khôi hài rằng, "Lấy vợ Á-đông được miễn các dịch vụ tại gia".

Những lần vợ chồng cãi cọ nhau, Ngọc chỉ nói được ít câu là nước mắt đã chảy ra trong khi Olav có thể to tiếng giận dữ. Nhiều lúc Ngọc thầm nhủ phải chi nàng làm được như bao người vợ Na-uy khác, cao giọng nói toạc ra, "Tôi muốn thế này, tôi không thích thứ kia"; hoặc uất ức thì đùng đùng đối chất với chồng, "Tôi đòi hỏi như vậy đó, anh có bổn phận làm theo ý tôi cũng như tôi đã nhượng bộ anh"; hoặc nghiêm trọng hơn, "Chúng ta có quá nhiều bất đồng, nếu anh thấy không thể tiếp tục sống chung, ô-kê, chúng ta ly dị..."

Nhưng Ngọc không làm được như thế, không nói được như vậy nên chỉ biết âm thầm chịu đựng. Sự chịu đựng này Olav ngộ nhận là "tính hiền thục" của phụ nữ Á-đông. Nhưng làm sao Ngọc có thể giãi bày hết được cho Olav hiểu trong khi Olav không khác gì những đợt sóng ào ạt bắn vào triền đá còn Ngọc là những âm ba tinh tế. Ngọc lại giả dụ nếu như nàng đạt được phương cách diễn tả nội tâm mình thì chưa chắc gì Olav, vốn thuộc chủng tộc khác, có thể thấu nhận được tâm hồn Việt nam của nàng. Cuối cùng Ngọc thấy mình như con chuột đánh vòng chẳng biết đâu là khởi đầu, đâu là cuối cùng, đâu là lối ra. Lắm lúc Ngọc lại muốn bắt chước sinh thức Tây phương của Olav, nghĩa là đơn giản hóa mọi việc: thấy sự kiện - nhận định - giải quyết, sau đó dứt khoát. Nhưng rồi cũng chính nàng lại cảm thấy cuộc đời như vậy thì nghèo nàn quá, khô khan và máy móc quá. Quả thật

nàng thì ở cực Đông trong khi Olav ở cực Tây, chẳng bao giờ gặp nhau.

Nghĩ mình, Ngọc càng thấy thương chồng. Chắc Olav cũng chẳng hơn gì nàng. Chàng không nói, nhưng có lẽ cũng ngại không biết dùng ngôn từ nào để cho vợ hiểu được nội tâm của mình. Những câu tình tứ trong lúc yêu đương, những câu bông đùa hoặc đối thoại thường ngày hẳn không đủ bộc bạch những ước muốn thâm sâu trong tâm hồn Olav. Là chồng, đương nhiên Olav cũng trông đợi, cũng mong muốn nơi vợ mình những gì đó, nhưng rồi lại thôi không bộc bạch hết được vì không tìm được phương cách diễn tả trọn hảo khi mà những dị biệt về văn hóa, tâm lý, cách suy tư, tiếng nói vẫn hiện hữu ngăn đôi hai người. Cuối cùng, Olav đành chấp nhận cũng trong chịu đựng hoặc buông xuôi. Ngọc biết rõ điều đó lắm chứ những khi nàng thấy chàng giao tế, thảo luận với những người đồng hương trong sở, với bạn bè Na-uy hoặc với cha mẹ và thân nhân họ hàng. Chàng hăm hở, hòa mình và hào sảng, khác hẳn thái độ loay hoay, gượng dẹ hoặc đơn giản đến độ phiến diện trong cuộc sống thường ngày với vợ.

Hẳn do tâm trạng khắc khoải mà Olav đã nhớ tới tới quan niệm "sống thử trước hôn nhân" thịnh hành khoảng hơn chục năm nay trong giới trẻ Na-uy, nên một lần chàng đột ngột nói với Ngọc:

- Giá chúng mình có thời gian *sambo* trước khi quyết định lấy nhau có lẽ... hay hơn.

Ngọc nhìn chồng, nghiêm mặt: - Bây giờ anh hối hận phải không?

Olav vội vàng lắc đầu, xua tay:

- Không, không. Ý anh chỉ muốn nói qua những năm tháng *sambo,* các cặp trai gái có điều kiện tìm hiểu tính tình và các quan điểm của nhau, nhờ đó khi thành vợ chồng họ dễ cảm thông nhau.

- Riêng em, em chỉ thấy lối sống thử đó của trai gái Na-uy làm giảm giá trị hôn nhân và làm mất nhân phẩm.

- Tại sao?

- Hôn nhân đâu phải là một cuộc mua bán, con người đâu phải vật dụng để rồi có thể đem ra thử như người ta thử một cái xe hay một

giàn máy. Vừa ý thì khách hàng lấy, bằng không thì chọn thứ khác hoặc xài ít bữa thấy không tốt thì liệng đi, mua cái mới.

- Đồng ý, nhưng khi kết hôn ai mà chẳng ước muốn sống với nhau trọn đời, do đó cần phải thận trọng chọn lựa, cần biết rõ nhau trước kẻo đến khi thành vợ chồng rồi mới khám phá ra những dị biệt của nhau, lúc đó có phải trớ trêu không. Kéo dài cuộc sống đầy mâu thuẫn đó chỉ làm hai người đau khổ. Cuối cùng lối thoát đáng tiếc chỉ còn là ly dị.

- Có nhiều cách để tìm hiểu nhau chứ đâu cần kiểu sống "già nhân nghĩa, non vợ chồng" như vậy. Các cuộc tiếp xúc, những lần trò chuyện tâm tình là các cơ hội để trai gái hiểu biết nhau. Dĩ nhiên điều kiện tiên quyết và căn bản là hai người phải cởi mở và thành thật.

- Liệu có đủ không, nhất là lúc mới quen nhau người ta còn bỡ ngỡ và khi đã thương nhau rồi người ta lại chỉ thấy những cái hay đồng thời dễ dãi trước những cái xấu của nhau. Anh nhớ có lần em dịch cho anh nghe câu tục ngữ Việt nam "yêu nhau củ ấu cũng tròn, ghét nhau quả bồ hòn cũng méo". Chi bằng có sống chung, đụng chạm thực tế, người ta mới trắc nghiệm được xem mình có chịu đựng nổi lẫn nhau không. Được thì tiến tới hôn nhân chính thức, không thì đường ai nấy đi.

- Như em nói lúc nãy, việc trai gái sống thử với nhau chẳng qua chỉ là hành động vật chất hóa hôn nhân và phi nhân phẩm. Đặt giả dụ có lợi như giới trẻ Na-uy tin tưởng thì tại sao tỉ lệ ly dị tại xứ này mỗi năm mỗi gia tăng?

- Người ta bỏ nhau do nhiều nguyên nhân khác nữa chứ.

- Ơ, anh nói vậy là tự mâu thuẫn mình. Anh thử nghĩ coi, đã thử sống với nhau đã đời tức là có dư thời gian và điều kiện để trắc nghiệm đủ mọi khía cạnh, mọi cảnh huống thì đến khi... sống thật, dù phải đối đầu với bất trắc và khó khăn nào, ắt các cặp vợ chồng đó hẳn có dư sức để vượt thắng hoặc chịu đựng lẫn nhau chứ.

- Nói bao giờ cũng dễ, em ạ.

- Đó là chưa đề cập đến những cặp *sambo* tan rã. Dĩ nhiên ai cũng

đau lòng, nhưng thành thật công nhận thì phần thiệt thòi nặng nề hơn vẫn là phía người con gái. Hơn thế nữa, nếu như họ có con với nhau trong thời gian sống thử này rồi "anh đi đường anh, tôi đường tôi - tình nghĩa đôi ta có thế thôi", thử hỏi tội nghiệp cho những đứa trẻ đó biết chừng nào. Không lẽ gọi chúng là những kết quả của cuộc thử nghiệm hôn nhân vô trách nhiệm?

Có lẽ nhận ra giọng nói của Ngọc mỗi lúc một gay gắt, Olav tìm cách hòa dịu:

- Biết vậy nên hồi xưa anh đâu dám rủ em *sambo* trước khi thành hôn.

Ngọc bĩu môi, nguýt dài:

- May đấy, anh mà đặt điều kiện đó ra thì đừng hòng em chịu lấy anh.

Olav cười, nhích người lại gần vợ:

- Yêu em, đương nhiên anh phải biết phong tục và luân lý Việt nam chứ.

Rồi không để Ngọc nói nữa, Olav xoay mặt vợ lại phía mình, hôn lên môi nàng.

Việc Olav khơi lại tục lệ "sống thử trước hôn nhân" đó càng khiến Ngọc tin rằng ở Olav cũng như trong thâm tâm nàng đã nhen nhúm những tiếc nuối và những hoài nghi khả dĩ ngăn trở sự hòa điệu tâm hồn giữa vợ chồng nàng.

Ngọc băn khoăn lo âu cho một thứ hạnh phúc mỏng manh, một tương lai khập khễnh. Bởi thế nàng càng khát khao một đứa con mà nàng chắc chắn rằng sự hiện hữu của nó sẽ là huyền lực biến cải khoảng cách giữa vợ chồng nàng. Nhưng thật buồn, Olav lại không chịu chia sẻ với nàng nhận thức và ước nguyện đó. Chàng vẫn cố thủ trong quan niệm không muốn giới hạn sớm sở thích và hoạt động bởi những ràng buộc về trách nhiệm con cái. Ngọc nhiều lần đã nhân danh tình yêu và thiên chức cha mẹ để thuyết phục chồng, nhưng vẫn không lay chuyển nổi trí não và con tim chàng. Ngọc tức nghẹn. Nàng không hiểu nổi sự vị kỷ thụ hưởng, sự vinh thăng cá nhân trong con

người vật chất Tây phương của Olav lại có thể mạnh hơn cả tình yêu và tinh thần. Tất cả chung quanh Ngọc do đó mất dần sinh lực để rồi quẩn đọng, đè nén trong âm thầm tù hãm.

*

Ngọc bỗng nghe tiếng mở cửa từ ngoài hành lang. Nàng đoán Olav mới ở phố về. Vội vàng Ngọc cầm tờ báo lên đọc để không cho chồng nhận ra những nét trăn trở suy tư của mình. Olav rón rén tiến đến sau vợ. Ngọc giả vờ chăm chú đọc báo làm như không để ý có người lại gần để rồi khi Olav hôn lên gáy nàng, nàng lại giả vờ giật mình khiến Olav phá lên cười thích chí. Ngọc co người lại:

- Môi anh lạnh quá. Bắt đền đấy!

- Sẵn sàng. Em muốn anh đền kiểu nào, nói đi.

Không chờ Ngọc phản ứng, Olav sà vào lòng vợ, tay lùa nhanh trên ngực nàng. Ngọc nghe nổi gai ốc khắp da thịt.

- Đừng anh, em nhột.

- Anh thèm em. Bây giờ.

Ngọc đỏ mặt, đẩy tay chồng ra, kéo lại quần áo:

- Nhảm nào.

- Anh muốn thật mà. Việc gì phải mắc cở.

- Nhưng... ai lại giữa... ban ngày thế này.

- Thì đã sao? Nhà không có trẻ con, thú vị như vậy đó, cưng.

Câu nói của chồng vô tình chợt khơi dậy nỗi buồn chưa kịp lắng xuống trong Ngọc khiến nàng thoáng thẫn thờ. Olav tinh ý nhận ra:

- Em sao vậy?

Ngọc lắc đầu, đổi hướng câu chuyện:

- Không. À, anh đi đâu sớm vậy?

Olav ngồi ngay ngắn lại trên ghế *sofa* đối diện, lấy từ túi quần ra một xấp giấy có nhiều hình ảnh in mầu sặc sỡ:

- Anh vừa ghé văn phòng du lịch hỏi các chương trình mùa hè.

- Gì mà anh đã lo xa thế? Bây giờ mới đầu xuân.

- Không đặt cọc trước, mình sẽ mất các dịp may chọn lựa những chuyến đi thuận lợi theo ý muốn.

- Thế anh định nghỉ hè ở đâu, bao giờ?

- Kypros, trung tuần tháng bẩy. Lúc đó là cao điểm của nắng và nóng. Tha hồ đùa giỡn với sóng biển, ngắm trời xanh, uống rượu nho với các món tôm, cua, cá, sò.

Nhưng trái với ước đoán của Olav, Ngọc vẫn bình thản, chỉ hơi cười nụ sau câu nói say sưa của chồng. Olav hỏi:

- Em thấy tuyệt vời không? Một năm làm việc bù đầu, một năm dành dụm tiền bạc, phải hưởng cho xứng đáng, em đồng ý không?

Ngọc nhịp tay trên đùi, lắc đầu:

- Năm nay em không đi đâu hết.

- Ủa, tại sao?

- Anh quên là hè này Thủy và Đương sẽ làm đám cưới?

- Nhớ chứ, nhưng đó là việc của họ, chúng ta có chương trình của chúng ta. Không lý mình bỏ cả kỳ nghỉ hè này để ở nhà dự một ngày cưới của họ?

Giọng Ngọc vẫn dịu dàng, nhưng cương quyết:

- Thủy là bạn thân duy nhất của em. Nó cần em giúp cũng như em đã cần nó giúp trong những ngày lo cưới hỏi của hai đứa mình trước đây. Hơn nữa hoàn cảnh của Thủy cũng giống của em, không gia đình và họ hàng gì ở Na-uy này. Em không thể bỏ nó.

Olav nhún vai:

- Ô-kê, đó là quyền của em. Riêng anh, anh không muốn những gì anh dự trù bị hỏng mất.

Dứt lời, Olav bỏ vào phòng, hình như lại loay hoay với chiếc máy Data. Ngọc không muốn tâm trí tiếp tục rơi vào những suy tư nặng nề, đứng dậy xuống bếp lấy bột, đường làm bánh.

Nhưng rồi trong khi tay Ngọc bận rộn với những dụng cụ, đầu óc nàng lại quẩn quanh nghĩ ngợi. Lần này nàng nhớ đến Thủy. Con nhỏ thế mà tình duyên may mắn. Ngọc so sánh mình với Thủy rồi tự nhiên tủi thân. Nước mắt lại lưng tròng. Hứng thú làm bánh lụi dần. Ngọc để

mặc bột, đường ngổn ngang trên bàn, rửa tay, lên nhà thay quần áo. Nàng bỗng thèm được tâm sự với Thủy. Những ý nghĩ tức tủi, ray rứt trong tâm trí nàng muốn được khơi tỏa.

Khi đi ngang phòng làm việc của Olav, nghĩ sao Ngọc chép miệng, mở cửa nói vọng vào:

- Em đến Thủy.

Olav vẫn ngó chăm chăm vào màn ảnh, trả lời:

- Được, em cứ đi.

- Khuya em mới về, cũng có thể em ngủ lại nhà Thủy. Anh tự lo bữa *middag* được chứ?

Lúc đó Olav mới ngẩng đầu, nhìn vợ:

- Không sao, vả lại anh cũng định đến nhà Mariane. Cô ta nhiều lần mời anh đến nhà chơi.

- ... Tùy anh.

Ánh sáng bên ngoài làm Ngọc nheo mắt lại. Gió lạnh phả lên mặt và thổi tung làn tóc nàng. Ngọc thấy dễ chịu, nhẹ người. Trí óc tỉnh táo. Ngọc chợt nhớ ra điều gì. Ủa, Mariane là ai nhỉ? Chưa hề nghe Olav nhắc đến tên cô gái này. Nhưng rồi Ngọc nhún vai, vô tình không để ý rằng mình vừa làm một cử chỉ mang ý nghĩa bất cần của người Na-uy.

Ngọc bước nhanh xuống triền dốc thoai thoải. Bóng nàng xiêu vẹo khuất sau những rặng cây chưa kịp nở bung hết lộc non trong ánh nắng yếu ớt.

Đón đọc:

CHỐ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG

Tập truyện Khánh Trường

Tân Thư xuất bản

ĐỖ QUÝ TOÀN

thuyền nhân: trận động đất thứ ba trong nửa thế kỷ

Đọc **Thuyền Nhân** (Mai Kim Ngọc)
và **Nước Mắt Trong Tim** (Lê Đại Lãng)

*

Trên thế giới đã xảy ra bao nhiêu trận động đất. Nhưng một trận động đất đến bây giờ vẫn còn rung chuyển. Nó xảy ra lúc 9 giờ 40 phút ngày 1/11/1755 ở Lisbone, Bồ-đào-nha, kéo dài sáu phút. Có mười lăm ngàn người chết, ba mươi nhà thờ và hơn một ngàn căn nhà sụp đổ. Trận động đất đó bây giờ còn được nhắc nhở tới vì nó đã làm rung chuyển giới trí thức và văn nghệ thế kỷ 18. Có người hỏi: Buổi sáng sau khi động đất thi sĩ có nên làm thơ về một bông hoa hồng hay chăng? Có người đặt câu hỏi về số phận con người, về sự an bài của tạo hóa. Voltaire cho nhân vật Candide chu du khắp chốn, rồi cũng phải đi qua Lisbone trong ngày động đất.

Trong thế kỷ này, Việt-nam trải qua ba trận động đất: chiến tranh, vượt biển, và sau cùng là cảnh thuyền nhân sống vô vọng, đầy đọa: Hai biến cố trên đã có nhiều người viết. Trận động đất thứ ba, mới có ít người, phần lớn là những người không ở trong cuộc. Trong số đó có hai cuốn đáng đọc: *Nước mắt trong tim*, bút ký của Lê Đại Lãng (Melbourne, Úc, 1990) và *Thuyền nhân* của Mai Kim Ngọc (Văn Nghệ, California, 1990). Hai cuốn sách, hai văn phong, hai mục đích khác nhau, nhưng cùng một tấm lòng.

Lê Đại Lãng viết bút ký, sau chuyến đi kéo dài hơn nửa năm, sống

và làm việc tại Hồng Kông, các trại giam và trại tị nạn, các đảo và phao nổi. Bút ký là thể văn thích hợp cho một cảnh trạng vừa mới xảy ra, mà người viết có tham dự. Người viết được tự do nói rõ các ý nghĩ, lời bình luận của mình, bên cạnh các ghi chép cảnh thật, người thật. Lê Đại Lãng cho biết các chương sách *được viết vội vàng trên những chiếc phà dơ bẩn của Hồng Kông* (trang v). Cuốn sách có cả bản đồ, có số thống kê và hình ảnh.

Mai Kim Ngọc thăm đồng bào thuyền nhân trong một thời gian ngắn hơn, và anh chọn thể tiểu thuyết. Vai chính, Bách, là một nhà văn, đã nói quan niệm về viết tiểu thuyết: "... *một nhân vật hư cấu, giả tưởng, tổng hợp... để kể lại một diện của câu chuyện... để nói lên một ý niệm...* " (trang 448-449). Mai Kim Ngọc có tham vọng lớn của một nhà văn. Nhân vật Bách xuất hiện ở ngôi thứ ba, chứ không phải ở ngôi thứ nhất, vì tác giả muốn dựng tiểu thuyết, không phải ký sự hay phóng sự (trang 9).

Đến đoạn chót của *Thuyền Nhân,* người đọc hơi ngạc nhiên vì mình chỉ đi theo nhân vật Bách có hai ngày. Hai ngày trời, với 14 chương sách (tác giả gọi là 14 tập), 490 trang, ba nhân vật chính (Bách, chị Băng, cô Ngọc) và bao nhiêu nhân vật phụ với cảnh ngộ riêng của họ, với các câu chuyện họ đã sống qua, đã thấy, hoặc đã nghe. Có lẽ trải qua cuộc sống ở một thế giới quá phong phú và quá cô đọng, chúng ta có thể mất ý niệm về thời gian. Trong hai ngày chúng ta đi theo Bách, nghe các cuộc đối thoại của Bách, theo dõi các cuộc gặp gỡ, đi lại, hội họp của Bách, và nhất là nghe các câu chuyện mà người khác kể cho Bách nghe. Bao nhiêu cảnh buồn vui, bao nhiêu nỗi lòng và tánh khí khác nhau; và nhất là có bao nhiêu vấn đề sâu thẳm của con người, của cõi nhân sinh, của con người và xã hội Việt-nam được tác giả đề cập và trình bày trong đó. Tham vọng của Mai Kim Ngọc thật là quá lớn.

Bút ký Lê Đại Lãng không ghi theo thứ tự thời gian rõ rệt. Không có nhân vật nào là chính, chỉ có người ghi chép. Các nhân vật xuất hiện trong mươi dòng, trong mươi trang sách. Trong 16 chương bút ký, có chương như một truyện ngắn, thí dụ chương 3, tác giả vắng mặt,

nhân vật chính là một thông dịch viên trên chuyến máy bay chở đồng bào trở về Hà-nội.

Cả hai cuốn sách đều giúp ta thấy nhiều cảnh tượng mủi lòng. Nhưng không phải chỉ là những cảnh cốt để khích động tình cảm, các cảnh trạng này còn có khả năng làm rung chuyển tâm can. Những xúc động đó vượt lên trên các tình cảm, đẩy chúng ta tới một cõi cao hơn, với các xao xuyến có chiều sâu, bề rộng.

Cả hai cuốn sách đều mở đầu bằng các thảm cảnh của trẻ em. Tập một của *Thuyền Nhân* mang tựa là *Cứu Lấy Trẻ Con*. Bách thốt lên ý tưởng đó sau khi nhìn bức tranh *Chết Đuối* do một em bé vẽ, với hình ảnh bàn tay đơn độc từ dưới nước giơ lên (trang 51 và 54-55). Lê Đại Lãng cũng tả những trẻ em lớn lên chỉ biết đời sống trong trại giam cấm cố, giữa những "người tù" hung dữ chém giết nhau, *thằng bé tám tuổi cầm cây sắt nhọn... rượt theo ông già, chửi: Mẹ kiếp, ông đâm chết mẹ mày...*"

Những thảm cảnh của người lớn thì không kể xiết. Lê Đại Lãng nghe người mẹ khóc: "*Anh cứu giùm con tôi với.*" và *bỗng thấy mình là người có tội, mình may mắn một cách dã man* (trang 133). Lãng "vừa giận lại vừa thương" vì một bà mẹ "hối lộ" anh bao thuốc lá sau khi anh đi tìm đứa con cho chị ta gặp mặt. Nó khiến anh nhớ lại cảnh mẹ anh đi thăm nuôi anh ở trại giam Sông Bé, mẹ anh, cũng mang thuốc lá, hối lộ người quản giáo (trang 152). Những cảnh tượng Lê Đại Lãng kể giống như những hình phóng sự, còn các thảm cảnh của *Thuyền Nhân* được Mai Kim Ngọc dựng lại như những đoạn phim ngắn. Mỗi tập trong *Thuyền Nhân* cống hiến một hay nhiều đoạn phim ngắn. Cụ Tuất, bố của Ngọc, mơ về dĩ vãng. Thời, vị hôn phu cũ của cô, suốt đời chỉ *hạnh phúc mấy tháng còn ở trong bào thai* (trang 137). Câu chuyện Nghiệp bỏ nước ra đi chỉ vì muốn tới nơi nào người ta có thể sống với nhân phẩm, rồi anh lại tính chuyện tình nguyện trở về. Câu chuyện báo thù hải tặc Thái-lan do Quân kể. Câu chuyện vợ anh Mẫn bị bắt làm gái điếm, có con, đem cho con, bị bịnh căng sữa, phải xin đứa con oan nghiệt về cho bú mới khỏi. Còn nhiều câu chuyện khác, mỗi chuyện là một khúc phim. Cả cuốn *Thuyền Nhân* giống như một tấm

thảm dệt, kết lại bằng nhiều câu chuyện ngắn. Sợi dây nối kết của cuốn truyện là nhân vật Bách, một nhà văn tự nguyện rơi vào âm mưu của mấy thuyền nhân đẩy đưa anh viết một cuốn sách về cảnh sống của họ. Anh quyết định ở lại Hồng Kông.

Chắc không ai dụ dỗ Mai Kim Ngọc viết. Ta thấy rõ nhà văn này là người tình nguyện vì ông đã sử dụng các nhân vật để bày tỏ rất nhiều cảm xúc và ý kiến của mình. Có lúc ông chua chát nghĩ tại sao người ta lo chăm sóc, bảo vệ loài bướm mà để loài người bị đày đọa, bỏ quên (trang 91). Có lúc ông mừng vì trẻ em ở trại không hư hỏng dù chung quanh bao ảnh hưởng xấu (trang 72). Có lúc ông nhận thấy cả không khí khi ra ngoài trại cấm cũng có vị ngọt (trang 68). Có lúc ông ngỡ ngàng vì người ta điểm danh học trò bằng số thay vì gọi tên (trang 59-67). Các xúc động trên cho thấy một tâm hồn mẫn cảm và nhân đạo. Ở trang 59 và 91 là ý của nhân vật Bách, ở trang 72 là Lương, trang 68 là Ngọc. Cả ba nhân vật, nam hay nữ, đều phản ánh một con người, tác giả Mai Kim Ngọc, với xúc động tinh tế và tư tưởng nhân đạo. Trong văn học hải ngoại, Mai Kim Ngọc có một chỗ đứng riêng biệt ở tư tưởng nhân đạo và cảm xúc đôn hậu, rất hiếm hoi trong thời gian gần đây.

Bút ký *Nước Mắt Trong Tim* của Lê Đại Lãng nêu vấn đề thuyền nhân một cách mạch lạc, có chủ đích. Anh mô tả hoàn cảnh khác nhau của người tị nạn, của thuyền nhân trong các trại cấm, trại mở. Anh liệt kê tên các trại, các cơ quan quốc tế, các cơ quan thiện nguyện. Anh cũng phê bình chính sách thanh lọc của người cầm quyền ở Hồng Kông. Có một vấn đề nhân đạo và chính trị được nêu lên: Người Việt hải ngoại, từ miền Nam ra đi, có quyền bỏ rơi các đồng bào miền Bắc đang khắc khoải trong các trại cấm ở Hồng Kông hay không? Anh dứt khoát trả lời không. Lê Đại Lãng khéo léo kể chuyện cảnh Nam-Bắc xung đột trong trại, nhân vụ kỷ niệm 30-4, rồi một năm sau chính đồng bào gốc miền Bắc cũng coi ngày 30-4 là ngày quốc nạn, cũng kỷ niệm quốc nạn.

Mai Kim Ngọc đi xa hơn những vấn đề của thuyền nhân. Trong lời tựa anh đã ngỏ ý muốn dựa vào biến cố vĩ đại và thương tâm đó để tìm

hiểu tâm hồn con người, con người Việt-nam. Chủ đích của Mai Kim Ngọc là cho ta thấy *"cái còn vĩnh viễn là người Việt-nam"* (trích thơ Hoàng Cầm). Có thể nói anh đã đạt được mục đích đó. Đọc các câu chuyện trong *Thuyền Nhân* chúng ta có thể nhớ lại thời nhỏ đọc *Tâm Hồn Cao Thượng* của một nhà văn Ý do Hà Mai Anh dịch. Có chuyện vui, chuyện buồn, chuyện bi đát, chuyện hùng tráng, nhưng chuyện nào cũng làm cho chúng ta yêu con người, quý con người, và chính chúng ta muốn xứng đáng làm người. Nếu Thế Giang, Nguyễn Huy Thiệp (nhắc đến hai lần trong *Thuyền Nhân*) lột trần cảnh bi đát, sa đọa, bắt chúng ta đối diện, để ta phải nổi giận, hoảng hốt, và xao xuyến; thì Mai Kim Ngọc dẫn chúng ta đi qua các cảnh bi thảm, đày đọa để chúng ta xúc động, thương xót và tin yêu. Nhân vật Bách nói: *"... Nghệ sĩ không tả lại cái đẹp của nhân sinh thì đâu còn là nghệ sĩ"* (trang 450). Mai Kim Ngọc đi theo lối của thần Apollon; Thế Giang và Nguyễn Huy Thiệp quay về thần Dionysos. Mai Kim Ngọc kể các thảm kịch của loài người để ca ngợi cuộc đời, ngợi ca loài người. Chúng ta nhận được thông điệp đó, không phải vì tác giả có thiện chí mà vì tác giả có tài nữa.

Trong khi Lê Đại Lãng tự giới hạn trong câu chuyện và vấn đề tị nạn, Mai Kim Ngọc có dịp đề cập đến rất nhiều vấn đề của cõi nhân sinh. Trong chuyện về "Sư ông" anh có dịp bàn đến vai trò của tôn giáo trong đời sống nhân loại, và liên hệ biểu tượng thánh Moise dẫn dân Do-thái qua Hồng-hải với vai trò của sư ông giúp mấy thuyền nhân sống tỉnh thức hơn trong cảnh lầm than. Trong các tập 11, 12 Mai Kim Ngọc có dịp bày tỏ ý kiến của anh về vai trò của văn nghệ, thái độ và công việc của nhà văn. Nhân vật Bách bày tỏ nhiều suy nghĩ về các vấn đề hôn nhân (từ vợ chồng chị Băng, chuyện vợ cũ của Bách, đến ông Tây già và bà vợ Việt ở ngoại ô Paris trong tập 10), vấn đề lưu dân, về cái tốt và cái xấu trong mỗi người... Nhân vật Bách là một nhân vật dùng để nghĩ, dùng để chuyên chở các ý nghĩ của tác giả. Cũng như nhiều nhân vật khác gặp nhau, thảo luận để chuyên chở các băn khoăn, thao thức, xúc động của tác giả. Đây là điểm làm *Thuyền Nhân* thành một tác phẩm có tư tưởng phong phú, xúc tích, với tính

nhân đạo và mẫn cảm tạo nên không khí nhất quán. Nhưng đấy cũng là một nhược điểm của tiểu thuyết gia. Nhân vật chính của Mai Kim Ngọc được sinh ra để trao đổi các xúc cảm, thảo luận các vấn đề hơi nhiều. Có nhiều đoạn đối thoại bỏ bớt đi được.

Nhưng cả bút ký của Lê Đạt Lãng và tiểu thuyết của Mai Kim Ngọc đều là những tác phẩm đáng đọc. Đọc xong chúng ta đều xúc động và suy nghĩ, riêng cuốn truyện *Thuyền Nhân* chúng ta còn muốn đọc đi, đọc lại. Người đọc xong có thể bước sang hành động.

Nếu ví thảm cảnh của thuyền nhân như trận động đất thì nó còn đang diễn ra. Như trận động đất ở Lisbone năm 1755, nó làm người Việt-nam suy nghĩ về các vấn đề sâu thẳm của con người và đất nước. Sau trận động đất ở Lisbone bốn năm Voltaire mới cho *Candide* ra đời, mà *Candide* không phải chỉ viết về vụ động đất mà thôi. Năm 1756, Voltaire viết một bài thơ bất hủ, riêng cho trận động đất ở Lisbone. Lúc đầu ông định kết thúc bài thơ bằng hai câu:

Que faut-il, O mortels? Mortels il faut souffrir,

Se soumettre en silence, adorer, et mourir.

Nhưng nếu cứ nói số kiếp con người là phải khổ đau, nhẫn nhục tuân phục trong im lặng, thờ kính Chúa, và chết thì bi quan quá. Dưới áp lực của người chung quanh, Voltaire đã sửa lại câu sau, và viết thêm 29 câu thơ nữa. Ông sửa câu thứ hai, thêm động từ "hy vọng":

Se soumettre, adorer, espérer, *et souffrir.*

Mai Kim Ngọc bản chất là nhà văn của hy vọng, chọn nhìn vẻ đẹp trong thân phận con người, dù con người hèn mọn, nhỏ bé và đau khổ. (Đọc *Một Chút Riêng Tư, Muôn Kiếp Cô Liêu, Bạn Văn).* Hy vọng và lạc quan có thể tìm thấy cả trong bút ký của Lê Đại Lãng. Có lẽ cơn đau khổ của "ba trận động đất" đã tới một mức cùng cực, hy vọng và lạc quan là cửa giải thoát.

NGUYỄN ĐỨC LẬP

phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động

*

chương mười bốn

- Người quân tử hành sự quang minh chánh đại, giữa thanh thiên bạch nhựt, cớ sao lại cứ lén lút về đêm? Nghi thì đã mười phần nghi, ngờ thì đã mười phần ngờ, nhưng không biết nghi ngờ cái gì đây, mới thiệt là khổ...

Than dứt câu, Hai Quờn đăm đăm ngó Sáu Hộ. Y mong đợi ở tay yêng hùng lịch lãm này một vài ý kiến soi sáng cho cái đầu đang rối bời của y. Hai Quờn có vẻ nôn nóng, nhưng Sáu Hộ thì trầm ngâm tư lự.

Từ ngày được trao phó cho cái trách nhiệm khuếch trương trại mộc, Sáu Hộ tỏ ra là một tay quản lý có tài. Dưới sự điều động của y, hai tay thợ chánh, kinh nghiệm đầy mình, và sáu tay thợ phụ, tuyển ra từ con, cháu của các tá điền, làm việc tích cực, đâu ra đó. Dường như, ông Chủ Thạnh hoàn toàn tin tưởng ở tay lang bạt kỳ hồ này, nên ít khi ngó ngàng tới công việc của y. Ông để cho y mặc tình mặc ý, muốn làm sao đó thì làm. Đám thợ dưới tay Sáu Hộ, đêm nào như đêm nấy, nhứt là những đêm có trăng, bày cuộc nhậu nhẹt, chén chú chén anh, "rót đầy ly cạn, uống cạn ly đầy", rồi đờn địch ca xang tới khuya lắc khuya lơ, ông vẫn không có một tiếng phàn nàn.

Về phần Sáu Hộ, y biết và rất cảm khái lòng tin của chủ. Y cố hết sức để xứng đáng với lòng tin này. Y luôn luôn nhắc nhở đám thợ:

- Khi chơi thì phải chơi cho trời sầu đất thảm, nhưng khi làm việc thì phải tận lòng tận sức, dừng có lèng èng. Chơi được như vậy thì hãy chơi...

Y chia đám thợ ra làm hai nhóm. Một nhóm thì lo đóng bàn, ghế, tủ, giường và kiêm luôn việc đóng quan tài. Tánh y hào hiệp giống chủ, quan tài đóng để bán hay để bố thí, y đều dùng một loại gỗ như nhau. Y chỉ dùng những loại gỗ đặc biệt như giáng hương, huỳnh đàn, tâm trai để sản xuất ra những chiếc quan tài đặc biệt, bán cho nhà giàu, giá mắc thất kinh. Còn nhóm kia, y bố trí cho phần vụ lo đóng ghe, đóng xuồng. Kế hoạch của y, không những chỉ sản xuất xuồng ba lá, ghe câu, tàu đò, mà còn đóng tới cà vom, tắc ráng. Công việc bề bộn, xuất nhập liên miên, nhưng y không có sổ sách gì hết. Vậy mà, y tính đâu đó đành rành. Không sai chạy tới một hào đơn cắc lẻ. Có thể nói đây là biệt tài của y. Mỗi lần gặp ông Chủ Thạnh để giao tiền, y báo cáo có đầu có đuôi, nhưng ông chỉ nghe qua loa, rồi nhận tiền từ tay y, chớ không hề thắc mắc, hỏi tới hỏi lui. Ông có giải thích riêng với Hai Quờn:

- Hồi trước, trại mộc bày ra, chỉ để bố thí, có xuất mà không có thâu. Bây giờ, bố thí thì vẫn bố thí được, mà còn thâu vô hà rầm, thêm được mấy người có công ăn việc làm, còn đòi hỏi cái gì nữa...

Đối với Sáu Hộ, Hai Quờn vẫn một dạ nể nang. Y thấy, về bất cứ mặt nào, Sáu Hộ cũng trên tay y hết thảy. Nói về nghề võ, đấu bình thường cho vui anh vui em, thì y có thể ngang tay với Sáu Hộ. nhưng, y biết nếu đánh nhau thiệt tình, với kinh nghiệm giang hồ, với những đòn thế không có sách vở, thầy bà nào dạy, Sáu Hộ hơn y xa lắc xa lơ. Nói về lịch lãm của trường đời, y chỉ là một con ếch nằm ở đáy giếng, còn Sáu Hộ là con kình ngư, sông dài biển rộng gì cũng đã vẫy vùng qua. Còn nói về công việc làm ăn, y chỉ là một thứ biểu đâu làm đó, sai đâu chạy đó, còn Sáu Hộ thì biết tính biết toán, dám nghĩ dám làm... Bởi vậy, mấy lúc sau này, có chuyện gì thắc mắc, Hai Quờn đều tìm Sáu Hộ để vấn kế...

Thấy Sáu Hộ ngẫm nghĩ giờ lâu mà vẫn không nêu lên một ý kiến nào, Hai Quờn bồn chồn nói tiếp:

- Kể từ khi y về ở trong điền này, y hành sự khuất lấp bí mật. Tuy rằng y chưa làm nên một điều gì thiệt hại cho ông chủ của mình,

nhưng, bữa nay chưa có, ai biết được rằng mai kia mốt nọ sẽ không có...

Sáu Hộ ngần ngừ, nói từ chữ một:

- Y không làm gì thiệt hại, nhưng y mượn điền đất của chủ mình mà làm sào huyệt, y núp dưới cái danh tiếng của chủ mình để hành sự khuất lấp. Nếm ra, cái này còn nguy hiểm hơn. Một mai, nếu lỡ mà hành tung của y bị phát giác, chắc chắn chủ của mình không tránh khỏi bị mắc họa liên can...

Hai Quờn góp ý thêm:

- Tui chưa nói hết. Y không làm thiệt hại, nhưng kể từ ngày có y, gia đạo của ông chủ mình coi bộ không yên. Ổng phải lo lắng ngày đêm. Những điều lo lắng của ổng, ổng đóng kín cửa miệng, không hé môi nói ra cho ai biết. Nhiều khi, tui thấy ổng lo quá, bụng dạ của tui không đặng yên, nhưng nói động tới y một tiếng, ông chủ la tui liền.

Sáu Hộ gật gù:

- Khó là ở chỗ đó. Chớ nếu như ông chủ mà ừ một tiếng, tao có cách thế làm cho y đi chỗ khác liền. Tao gẫm trong bụng cũng kỹ rồi. Cái áo thầy tu của y chỉ là cái áo giả, y khoác lên mình để che mắt thế gian mà thôi. Nếm ra, y cũng là một tay giang hồ hảo hớn. Giang hồ có cái luật của giang hồ, y không thể núp bóng người ta để rồi làm hại người ta đặng. Với lại, đã là đại trượng phu, đội trời đạp đất ở đời, dường khứ tựu phải cho minh bạch. Muốn "mượn" ông chủ cái gì, lẽ ra, y phải có tiếng nói trước.

Hai Quờn có vẻ bực dọc:

- Sách có câu "phi đạo tắc dâm", những kẻ chuyên môn hành sự ban đêm, không phải là cái thứ đạo tặc, thì ắt cũng là phường tư tà dâm đãng. Biết thì biết như vậy, nhưng hình tích của y không hề để lộ ra cho ai thấy được một chút manh nha nào hết. Có trộm đạo thì phải có khổ chủ, có dâm tà thì phải có tiếng thị phi. Đằng này, một tiếng kêu, một tiếng xầm xì cũng không có, là làm sao? Huynh là người cao kiến, dâu huynh thử bàn cho rõ trắng đen coi sao.

Sáu Hộ làm thinh, ngó Hai Quờn đăm đăm. Y biết Hai Quờn có ý

nể trọng y, tuy rằng so về vai vế ở trong điền, y thua Hai Quờn xa lắc xa lơ. Hai Quờn là một thủ hạ thân tín, được ông Chủ Thạnh coi như con, được ông Chủ Thạnh gia tâm dạy dỗ, còn y, dù có được tin tưởng, cũng chỉ là người ở vòng ngoài. Hai Quờn nể trọng y đây là ở cái nghĩa giang hồ.

Nở một nụ cười nhẹ, Sáu Hộ vỗ vai Hai Quờn một cách thân mật:

- Thằng Hai mầy đừng có nghĩ bậy. Sự gì kinh thiên động địa tới đâu thì tao chưa biết ắt, nhưng nói rằng y là phường tà dâm đạo tặc, tao dám đoan chắc với thằng Hai mầy là không phải. Tao không dám tự thị là có mắt nhìn người, nhưng với cái tướng mạo đường đường của y, chắc chắn y không phải là cái hạng người như thằng Hai mầy nghĩ đó đâu...

Nghe Sáu Hộ kêu "mầy" xưng "tao", Hai Quờn không giận một chút nào. Trái lại, y còn thấy lối xưng hô như vậy càng làm cho cái giao tình giữa Sáu Hộ và y thêm thân mật. Trước đây, Sáu Hộ kêy y bằng "chú" và xưng "tui" thấy sao xa cách quá chừng.

Sáu Hộ nói luôn:

- Vả chăng, như thằng Hai mầy nói đó, chính Hương quản Thành cầm dầm bơi xuồng cho y mà. Thằng Hai mầy cũng biết Hương quản Thành là người gì rồi mà. Ổng ghét kẻ ác như ghét tà. Ổng giận kẻ gian như giận giặc. Nếu y là phường gian ác, lòng nào mà ổng bơi xuồng cho y?

Cái mặt của Hai Quờn chầu bậu, như nậu thua bạc. Y thở mạnh một cái khì. Giọng y dấm dẳn:

- Bởi vậy mới không biết đường nào mà mò. Ông chủ cũng nói có mắt coi người. Huynh cũng nói là có mắt coi người. Ông chủ nghĩ sao, không nói ra, còn huynh, huynh nghiệm kỹ coi, y là người gì...

Sáu Hộ trề môi, lắc đầu:

- Cần gì phải nghiệm. Cứ theo những cái gì mà mình thấy được, thì một là y hoạt động quốc sự chống lại nhà nước thuộc địa. Còn không nữa, y là người của bang hội nào đó, vì trách nhiệm được giao phó, tới nằm ở vùng này...

Y trở nên mơ màng:

- Mà cũng có thể, mục đích của y gom lại, hai điều nhập một...

Hai Quờn ngẩn người. Hình như y không bắt kịp được cái ý của Sáu Hộ. Y lầm bầm:

- Đầu óc của tui chậm lụt lắm. Tốt nhứt là huynh nên nói thẳng thét ra, tui nghe qua, dễ hiểu hơn.

Sáu Hộ lại ngó Hai Quờn đăm đăm. Cái thằng này tướng tá bặm trợn, mặt mũi "có ngầu", mà coi bộ nó chậm lụt thiệt. Mỗi lần động thủ với ai, nó ra tay nhặm lẹ, phản ứng cấp kỳ mà chính xác. Nếu đầu óc nó chậm lụt, làm sao nó làm như vậy được? Đây chẳng qua là nó quen thói ỉ lại, làm biếng suy nghĩ. Làm biếng tới độ thành tật. Từ ngày nó về ở với ông Chủ Thạnh, được ông thương yêu, nó coi ông như thần như thánh. Ông dặn cái gì, ông biểu điều chi, nó răm rắp làm theo, không cần mắc công mắc linh phán đoán, suy nghĩ tới lui, đo lường lợi hại. Không khéo mà đầu óc nó thành ra một cục đất sét...

Sáu Hộ cười mím chi:

- Có gì đâu mà thằng Hai mầy không chịu hiểu. Thì chính miệng thằng Hai mầy nói chớ ai. "Có trộm đạo thì phải có khổ chủ; có dâm tà thì phải có tiếng thị phi". Đằng này, khổ chủ không có, tiếng thị phi cũng không có, thì đích thị y đâu phải là cái thứ trộm đạo, dâm tà...

Hai Quờn bôn chôn chận ngang:

- Cái này thì tui đã hiểu lâu rồi. Tui chỉ mờ ớ ở cái khúc cái gì mà quốc sự, cái gì mà bang hội, rồi cái gì mà gộp hai làm một...

Hai Quờn nóng nảy bao nhiêu thì Sáu Hộ lại khề khà bấy nhiêu:

- Thì thằng Hai mầy phải để cho tao nói hết cái đã chớ. Tao nói tắt ngang thì thằng Hai mầy than là không hiểu. Còn tao nói dài dòng dặng cho mầy dễ hiểu thì mầy lại không chịu trì chí mà nghe cho hết.

Hai Quờn bối rối, ngó xuống đất. Y thấy Sáu Hộ trách như vậy cũng đáng chớ chẳng phải không. Giọng y xuội lơ:

- Huynh bỏ lỗi cho tui...

Sáu Hộ lắc đầu:

- Tao nói cho thằng Hai mầy hiểu làm vậy, chớ tao có trách cứ cái gì đâu.

Giọng y trở nên hăng hái:

- Hồi nãy, ý của tao muốn nói là, có thể y là một người yêu nước, có lòng muốn đánh đuổi tụi Tây tà, giành lại độc lập cho xứ sở. Y về vùng này, có thể là y chọn nơi đây làm địa bàn hoạt động, mà cũng có thể, y bị săn đuổi, phải về đây mà trốn... Hoặc nữa, cũng có thể y vì tầm thù mà tìm tới đây...

Sáu Hộ gật gù:

- Nói cho cùng, dầu về đây để hoạt động hay để trốn, y đều chọn đúng nơi...

Hai Quờn không kềm nổi thắc mắc:

- Huynh nói vậy là sao?

Sáu Hộ có hơi đăm chiêu:

- Như vầy nè... Đất Rạch giá này yên ổn đã gần một trăm năm nay, kể từ sau khi ngài Lãnh binh Nguyễn Trung Trực bị xử chém và sau khi Đoàn Công Bửu giải tán lực lượng nghĩa quân ra đầu Tây. Yên ổn. Nhưng tại sao lại yên ổn? Không yên ổn sao được khi mà đờn ông, thanh niên trai tráng, cho tới đứa con nít mới lớn, đều bị tụi Tây tàn sát thẳng tay. Những người trốn được, phải cải tên đổi họ, bỏ xứ trốn đi...

Hai Quờn buồn xo:

- Tui có nghe ông chủ nói lại. Cái bờ tường xây ở dọc bãi biển... bao nhiêu người yêu nước phải bỏ mạng...

Sáu Hộ ngậm ngùi:

- Tao cũng nghe nói như vậy. Mình sanh sau đẻ muộn, mình không được chết như vậy... Đó, Rạch giá yên ổn là vì như vậy đó. Vì bị giết gần hết...

Hình như, Sáu Hộ quên mất những điều y định giảng giải cho Hai Quờn. Đầu óc đầy cảm khái của y đã khiến cho miệng lưỡi của y chuyển qua hướng khác:

- Không phải chỉ có đờn ông con trai bị giết thôi đâu. Hồi đó, ở xứ

này có bà Điều, bà Đỏ, tuy là đờn bà nhưng anh hùng số một. Chính là nhờ hai bả mà quan Lãnh binh Nguyễn Trung Trực mới đánh lấy được thành Kiên giang... Ai đời, anh hùng như quan Lãnh binh mà còn bị hai bả chê là "không có trứng dái" (1)... Có tham gia là có bị giết, bất kể là nam phụ lão ấu... Bị giết tới trời sầu đất thảm như vậy, còn người ở đâu nữa để chống đối.

Dường như Hai Quờn lại bắt đầu nôn nóng:

- Nhưng... nhưng... huynh đang nói là y đã chọn đúng nơi...

Sáu Hộ như vừa tỉnh một cơn mơ. Mắt chớp mau, y gật đầu nhè nhẹ:

- Đúng. Bởi Rạch giá yên ổn lâu như vậy nên về mặt trị an, nhà nước thuộc địa cũng không áp dụng một chính sách gắt mấu như những chỗ khác. Thành thử, dầu muốn cử đồ đại sự, hay muốn tìm chỗ ẩn thân, hai thứ, thứ nào cũng tốt hết, cũng đều không bị để ý...

Hai Quờn gãi đầu, những ngón tay của y lùa vô cái đầu tóc vốn đã làm biếng chải gỡ, bùm xum như là một cái ổ quạ. Y vò những ngọn tóc một cách mạnh bạo. Ra điều, y đang suy nghĩ lung lắm.

Làm như không đừng được nữa, Hai Quờn rụt rè:

- Vòng vo nãy giờ, huynh cũng không xác quyết được y là người gì...

Đột nhiên, y đổi giọng nói mau:

- Y là người gì? Tui cũng không cần biết. Y mà làm hại tới ông chủ của mình, dẫu cho y có ba đầu sáu tay, tui cũng ăn thua đủ... Dẫu Hương quản Thành có vì y mà nhúng tay vô, còng đầu tui hay đóng trăn tui, tui cũng chấp...

Sáu Hộ rề rà:

- Thằng Hai mầy nóng nảy quá rồi đó. Mầy phải chịu khó để cho đầu óc mầy suy nghĩ một chút chớ. Óc mầy có phải là óc cá lóc, cá chai đâu. Mầy tính đối phó với y, trong khi mầy chưa biết y là người gì, làm sao mầy đối phó? Nói sơ về tài nghệ, tao với thằng Hai mầy, dẫu có liên thủ với nhau, cộng thêm cả Tư Hoài nữa, cũng chưa chắc ngang tay được với y. Đây là tao nói thiệt, chớ không phải khen dồi đối

phương, làm mất nhuệ khí của mình... Mầy có nhớ cái lớp "tam anh chiến Lữ Bố" ở Hổ lao quan không? Sức y là sức Lữ Bố mà, còn tao với thằng Hai mầy, cộng thêm Tư Hoài, đâu có bằng với sức của Lưu, Quan, Trương...

Miệng lưỡi Hai Quờn đầy cố chấp:

- Đánh không lại tui cũng đánh. Bữa nào tui phải chận đường, đánh cho y một trận mới được...

Sáu Hộ cười lớn:

- Thằng Hai mầy càng nói càng hồ đồ mất rồi. Tỉ dụ như y là người tốt thì sao? Nếu y là tay hoạt động quốc sự, mình quỳ xuống chưn y, lạy sống y cũng chưa đáng, chớ nói chi tới chuyện đánh lại y. Còn như, nếu y hoạt động vì cái mục đích riêng của bang hội gì đó, thì "nước sông đâu có phạm tới nước giếng", đường ai nấy đi, việc ai nấy làm, đụng chạm với nhau làm chi. Ví thử, cái mục đích riêng đó là việc tốt, mình còn phải ra tay tiếp cho y nữa, mới phải đạo nghĩa... Còn như, nếu y vì tầm thù mà đến, thì cái chuyện ân oán giang hồ rắc rối lăng quằng, mình là người vô can, dầu có muốn cũng không tiện can thiệp vô... Đó, như vậy đó, thằng Hai mầy tính đánh là đánh làm sao? Rồi mầy cũng phải nhìn ông chủ nữa chớ. Tuy ổng không phải là dân trong nghề, sức ổng trói con gà không chặt, nhưng cái cung cách của ổng đâu có thua sút bất kỳ một tay giang hồ đệ nhứt nào. Đầu óc ổng đâu phải tầm thường. Chớ chi mà ổng thấy cần phải đối phó với y, thì ổng đâu có đợi mầy phải nhắc. Mỗi lần mầy nói động tới y, ổng át giọng mầy liền mà...

Sáu Hộ nói một hơi khiến cho Hai Quờn càng thêm phân vân bất nhứt. Cặp mắt y trợn thì lõ, không nháy. Mặt y chà bá một đống như cái bánh bò mắc mưa. Là một thuộc hạ trung thành, thấy chủ lo, y phải quấn quít. Chuyện lớn bằng trời mà Sáu Hộ nói như giỡn chơi, khiến cho bụng dạ y xốn xang. Nếu chủ không lo sao lại khiến y đi mời những tay chọc trời khuấy nước về nuôi ăn nuôi ở trong nhà, "năm ngày tiệc lớn, ba ngày tiệc nhỏ" còn hơn là Tào Tháo đãi Quan Công. Nhưng, chủ lo đây là lo cái gì? Không phải mối lo sát bên nách, mắc

mớ gì mà phải hao công tốn của như vậy? Hai Quờn bứt đầu. Tóc đứt cả mớ...

Sáu Hộ ân cần:

- Thằng Hai mầy đừng có nghĩ tới quá trí...

Hai Quờn ngớ mặt. Rõ ràng hồi nãy Sáu Hộ biểu y phải chịu khó suy nghĩ. Rồi bây giờ, cũng chính miệng Sáu Hộ lại khuyên y là đừng nghĩ quá trí. Thiệt miệng lưỡi của tay giang hồ này đúng là "*cái lưỡi không xương trăm đường lắt léo, cái miệng không vành nó méo từ tung*".

Sáu Hộ tiếp luôn, không cần để ý tới thái độ của Hai Quờn:

- Tao nói tự nãy giờ, thằng Hai mầy đừng có tưởng là tao thấy khó rồi bàn ra. Cái mạng của tao là do ông chủ cứu vớt lại mà. Bây giờ, có phải vì ổng mà chết trăm ngàn lần, tao cũng đâu có từ nan. Nói về y suốt buổi là tao muốn giảng cho thằng Hai mầy hiểu thôi. Bị mầy hỏi, tao mới nói... Còn thiệt ra, "bổn phận" của mình là thuộc hạ của ông chủ mà. Làm gì, mình cũng phải ngó theo ý chủ. Chủ chưa có động tịnh, mình chộn rộn trước là không phải phép.

Hai Quờn thở ra một cái khì, gục đầu không nói...

*

Sáu Hộ tằng hắng một tiếng khi y và Hai Quờn trờ tới trước cửa chòi của sư Tâm Đức. Hình như nhà sư còn thức. Ánh đèn vàng vọt còn le lói qua vách lá.

Sau lần nói chuyện, Sáu Hộ thấy Hai Quờn vẫn còn hồ nghi bất quyết, y phải đưa ra một đề nghị:

- Tao với thằng Hai mầy nên đối mặt với y một lần, cho thằng Hai mầy đừng có nghĩ ngợi lung tung nữa...

Hai Quờn giựt mình trước đề nghị của Sáu Hộ. Y nhớ tới lời dặn của chủ, cấm tuyệt bất cứ gia nhơn nào vãng lai tới và làm rộn sư Tâm Đức. Sáu Hộ phải nói thêm:

- Đây là mình làm liều, cãi lời ông chủ một lần. Nhưng, mình cứ làm bộ như tình cờ chạm mặt vậy thôi. Dầu có biết, ông chủ cũng không rầy mình được...

Hai Quờn xuôi ý nghe theo, bởi vì chính y, y cũng nóng lòng muốn nói chuyện tay đôi với sư Tâm Đức một lần.

Sáu Hộ lẳng hẳng tới lần thứ ba thì cánh cửa chòi của sư Tâm Đức xịch mở. Nhà sư bận một cái áo tay cụt, chỉ gài hai cái nút ở dưới, để hở bộ ngực vạm vỡ, nở nang.

In tuồng như là ngạc nhiên trước sự có mặt của Sáu Hộ và Hai Quờn, sư Tâm Đức chắp hai tay trước ngực, mắt lim dim, không nói một lời.

Sáu Hộ mau mắn nở một nụ cười và nói giả lả:

- Mô Phật, anh em tụi tui vui chơn đi lòng vòng trong vườn, ai dè sực tới đây hồi nào mà không hay, làm mất sự yên tịnh của thầy...

Sư Tâm Đức điềm nhiên:

- Đã tới rồi thì xin quá bộ vô trong này. Người tu hành vốn không ham ngủ nhiều, nếu có được bạn thanh khí để hàn huyên thì quý hóa biết bao.

Mặc dù sư Tâm Đức khách khí thấy rõ, Sáu Hộ vẫn liếng thoắng xuýt xoa:

- Phước đức nào mà anh em tụi tui được làm bạn thanh khí cùng thầy. Chỉ mong được thầy dạy bảo cho vài điều, mở mang cho cái đạo tâm, là quí báu lắm rồi...

Y nói mau làm như sợ sư Tâm Đức đổi ý:

- Thầy đã có lòng chiếu cố, anh em tụi tui xin kính cẩn tuân lời, "cung kính bất như phụng mạng", vô quấy quá thầy một hồi.

Hai Quờn ngạc nhiên cho cái lối nói Nho, chữ nghĩa văn vẻ của Sáu Hộ. Té ra, lưu lạc giang hồ bấy lâu, Sáu Hộ học được nhiều thứ quá.

Sư Tâm Đức quay lưng. Sáu Hộ ngó Hai Quờn, nháy mắt một cái, rồi kéo tay Hai Quờn, xăng xái bước theo nhà sư.

Vừa đặt bàn tọa xuống ghế, Sáu Hộ đã kiếm lời ghẹo:

- Tụi tui thô lỗ đã quen. Nếu có điều chi thất thố xin thầy niệm tình bỏ qua. Tui xin có lời thưa trước như vậy, thì tụi tui mới dám quấy quá thầy.

Đôi mắt sư Tâm Đức thoáng ánh lên những tia nhìn sáng quắc. Đôi môi của nhà sư điểm một nụ cười nhẹ. Nhà sư nhẹ nhàng buông tiếng:

- Đã chuyện trò cùng nhau thì không nên chấp nê theo thói thường tình. Câu nệ quá làm sao nói được hết lời, cạn được hết ý. Vả chăng, hai vị đã vì vui chơn mà tình cờ quá bước tới đây. Sự tình cờ này, không là duyên thì cũng là nghiệp. Đã nói tới duyên, tới nghiệp, cái sự thô lỗ, hay cái gì hơn đó nữa, cũng không phải là cái điều phải bận lòng.

Sáu Hộ thoáng rùng mình. Y có cảm giác như là sư Tâm Đức đã nhìn thấu hết mục đích của y và Hai Quờn. Y liếc xéo về phía Hai Quờn. Y hơi bực mình Hai Quờn đang ngó sư Tâm Đức bằng một cặp mắt xoi mói, mà không để ý tới những điều nhà sư vừa nói.

Sáu Hộ vẫn giữ nét mặt bình thản. Miệng lưỡi y vẫn lanh lẹ, vui vẻ:

- Thầy đã có lời chỉ dạy như vậy, anh em tụi tui cũng được an lòng. Thôi thì duyên cũng được mà nghiệp cũng được...

Y cười hi hí:

- Duyên ở đây là tụi tui có duyên, mà cái nghiệp ở đây, không chừng thầy phải chịu. Nói chuyện đạo với hai thằng trấm trơ trấm trất hồi nào tới giờ như tụi tui, chắc là do cái nghiệp nào nặng lắm của thầy đó. Sáu Hộ, mặt vẫn nhơn nhơn, khi nói thì cười liền miệng, coi như là đang pha lửng cầu vui, nhưng lời lẽ không phải là không lợi hại.

Sư Tâm Đức hưởn dãi:

- Tôi đã nói rồi. Là duyên hay là nghiệp cũng vậy thôi. Vào giờ phút này đây, duyên cũng không cãi được, nghiệp cũng không cãi được. Thôi thì cứ tùy theo đó mà nói chuyện, để coi duyên, nghiệp tới đâu...

Sư Tâm Đức buông nhẹ:

- Nói tự nãy giờ, hai vị đây đâu phải là người thô lỗ và đâu phải vô ý với đạo tâm...

Sáu Hộ cố trấn tĩnh để khỏi rùng mình cái nữa. Y không muốn

làm con chim sẻ ríu rít, trong khi sư Tâm Đức đang là con chim phượng hoàng bay lượn giữa trời cao. Y làm ra vẻ thiệt thà:

- Tui chỉ là cái thứ lang bạt kỳ hồ. Mới mở mắt, mới bước chưn ra đời, tui đã đứng trên đầu sóng ngọn gió. Cái đạo nghĩa của giang hồ, tui cũng học được ít nhiều. Nếu không học được, cách gì mà tui sống nổi tới ngày giờ này. Cái đạo nghĩa giang hồ, tui phải giữ, giữ để cho khỏi chết, hay là giữ để cho người ta khỏi coi mình là một cái thứ bại hoại, chớ không có một cái "nghĩa lý" sâu xa nào hết. Rồi tới cái tuổi này đây, sau khi đã trải qua một cơn thập tử nhứt sinh, tự nhiên tui muốn tìm về "đạo"...

Y lắc đầu làm ra điệu chán nản:

- Nhưng, "đạo" thì xa vời quá...

Sư Tâm Đức nói gọn:

- "Đạo" đâu có ở xa. Sống cho ra con người, chính là "đạo" rồi.

Sáu Hộ bâng quơ:

- Nhưng, "đạo" có nhiều mức...

Sư Tâm Đức gật đầu:

- Nói theo bình thường, "đạo" có nhiều mức. Đúng. Nhưng nói cho cùng, "đạo" đâu có giới hạn để phân ranh phân mức...

Nhà sư trầm ngâm một chút rồi nói thêm:

- "Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm" (2) thì làm sao mà có nhiều mức được.

Sáu Hộ gãi đầu:

- Chỗ này cao thâm lắm, tui không hiểu đặng...

Sư Tâm Đức cười tươi:

- Nói tắt là làm vầy. Con người, không có ai nẻ đất mà chun lên, ai cũng do cha sanh mẹ dưỡng. Vậy thì phải sống làm sao để đáp đền được công ơn dưỡng dục sanh thành, chín tháng cù lao, ba năm nhũ bộ của cha mẹ. Rồi, con người còn chịu ơn ông bà, nghĩa của đất nước... Sống làm sao để trả được những cái ơn nghĩa đó, kể như là đạt đạo rồi...

In tuồng như Hai Quờn không còn giữ được bình tĩnh nữa, y nhúc

nhích rọ rạy liên hồi. Y bực tức một điều là lòng y thì bối rối phân vân đủ thứ mà Sáu Hộ lại cứ ầu ơ ví dầu ở vòng ngoài. Y lại bực tức cho cái tánh chậm lụt của y, không được lanh lảu mồm miệng như Sáu Hộ, chớ chi mà cái lưỡi của y dẻo được bằng một nửa của Sáu Hộ, đâu tới nỗi mà y phải ngồi một đống làm cục nhưn như vầy.

Hai Quờn chợt dịu lại. Y nghe, hình như, Sáu Hộ đang đi vào vấn đề:

- Nói như vậy, thì cái cư xử giữa con người và con người, cũng là "đạo", phải không thầy?

Sư Tâm Đức chưa kịp có ý kiến, y đã nói mau:

- Tỉ dụ như... tui đây... Tui được ông chủ cứu vớt, bảo bọc, dưỡng nuôi. Đúng theo cái lẽ "đạo", tui không có phép làm điều gì hại cho ông chủ được. Tui không có phép làm giống như con chim tu hú, đã đẻ trứng ké vô ổ của con chèo bẻo, còn phá hoại ăn hết trứng của con chèo bẻo nữa...

Hai Quờn giựt mình, vì giọng của Sáu Hộ đang tươi vui, bỗng lạnh lùng một cách không ngờ như vậy.

Sư Tâm Đức vụt cười lớn:

- Đúng, tu hú là loài chim đáng ghét. Nó là loài thú vật. Con người mà làm giống như nó, so ra, cũng chỉ đáng là một thứ thú vật mà thôi...

Hai Quờn ngơ ngác khi Sáu Hộ kéo y đứng dậy. Sáu Hộ cúi chào sư Tâm Đức và kéo Hai Quờn bước ra. Sư Tâm Đức đi theo. Khi Sáu Hộ với Hai Quờn bước ra khỏi cửa, nhà sư còn nói thêm:

- Con tu hú không phải là con người. Trời sanh cái bổn tánh nó như vậy. Con chèo bẻo cũng không phải là con người, cho nên nó phải chịu thiệt thòi hoài. Còn con người hả? Nhiều khi là con tu hú, nhưng lại không phải con tu hú, nhiều khi là con chèo bẻo nhưng lại không phải là con chèo bẻo... Ở con người, cái bề ngoài với cái bề trong, đôi khi, khác nhau nhiều lắm...

Sáu Hộ khựng lại tức thì. Nhưng, không biết nghĩ sao, y lầm lũi kéo Hai Quờn đi thẳng một nước.

Đi được một đỗi khá xa, Hai Quờn buột miệng cằn nhằn:

- Mắc mớ gì mà phải tốn thì giờ đối đáp quanh co? Sao không hỏi thẳng?

Sáu Hộ bỗng thở dài:

- Hỏi thẳng là hỏi cái gì? Thằng Hai mầy thấy không? Tụi mình so với y, không bằng được một góc. Mình mới nói có một hai câu là y đã đọc được cái ý của mình rồi. Y còn cho mình biết là dẫu mình có ra tay đánh y, y cũng không ngán mà...

Hai Quờn kinh ngạc:

- Tui nghe hết từ đầu tới đuôi. Có câu nào y nói như vậy đâu.

Sáu Hộ lắc đầu:

- Đây là y nói bóng nói gió. Thằng Hai mầy không nghe sao? "Duyên cũng được mà nghiệp cũng được...". Tao đem cái tích con tu hú ra móc, y nói chắc ăn rằng y không phải là con tu hú... Cái chuyện y làm hại ông chủ của mình, có thể mình không phải lo nữa rồi...

Sáu Hộ bỗng nhìn lên trời, ngập ngừng, sau một tiếng thở dài:

- Nhưng... nhưng... những điều y nói lúc đưa mình ra cửa... thiệt tình... thiệt tình... tao không hiểu nổi... Thằng Hai mầy có hiểu không vậy?

Chú Thích:

(1) Bà Điều và bà Đỏ là hai chị em ruột, họ Nguyễn, là hai phụ nữ có học, có lòng yêu nước nồng nhiệt. Hai bà nuôi chí đánh đuổi giặc Pháp để giành độc lập cho xứ sở. Tháng Sáu năm 1868, ông Nguyễn Trung Trực đưa nghĩa quân về đóng bản doanh tại Rạch giá. Trong một đêm, hai bà nhờ người đưa tới hành dinh xin ra mắt ông Nguyễn Trung Trực. Hai bà đã đề nghị nghĩa quân nên tấn công chiếm thành Kiên giang. Hai bà cho biết là đã móc nối được với một người bà con tên Cầu, đang giữ chức Quản Khố đỏ (như Thượng sĩ Thường vụ) ở trong thành. Quản Cầu cùng thuộc hạ của y sẵn sàng làm nội ứng. Ông Nguyễn Trung Trực ngần ngừ không chịu. Ông không tin ở những người đã hợp tác với Pháp.
Bà Điều, bà Đỏ cáo từ đi ra. Vừa ra khỏi cửa, hai bà cười nói với nhau:
- Nghe tiếng ổng, tưởng ổng là anh hùng, ai dè ổng "không có trửng dái".
Ý của hai bà chê ông Nguyễn Trung Trực là hèn nhát. Câu nói của hai bà bị một người lính hầu của ông Nguyễn Trung Trực nghe được. Ông cho kêu hai bà lại... và, kế hoạch đánh thành Kiên giang được thảo ngay trong đêm đó.

(2) Kim cương Bát nhã Ba la mật đa Tâm kinh.

THƯ TÍN

Anh Hoài Nguyên (Washington): Xin anh vui lòng liên lạc về tòa soạn, có một số chuyện cần nói. Thành thật cảm ơn.

Anh Phạm Gia Đình (Mass.): Đã gửi báo đợt hai đến anh. Những số gửi đợt đầu bưu điện cho biết họ làm rách bao nên chắc đã thất lạc. Có gì trục trặc nữa, xin cho biết. Thân.

Anh Ngu-Yên (Arkansas): Đã gửi đến anh những số báo thiếu. Dạo này chắc chàng thi sĩ buồn tình hay sao mà không thấy sang Cali thăm anh em? Vẫn đang chờ bài của anh cho số chủ đề thơ. Thân.

Chị Trân Sa (Canada): Sau "tập thơ dễ thương nhất trong năm" thì phải đến cái gì nữa chứ? Lâu rồi không có thơ và truyện mới đấy. Tiếc đám cưới PVC chị không xuống được, để mất đi một dịp "quậy". Thân.

Anh Lê Tất Luyện (Pháp): Thành thật cảm ơn anh về sự chu toàn anh lo cho tờ báo. Tòa soạn vẫn lúng túng trong việc trị sự, nhất là việc thu tiền các đại lý ở xa, một công tác quá khó khăn cho các anh em chủ chương tờ báo. Nếu Văn Học có thêm được một người như anh nữa thì đỡ biết bao. Thân.

Tìm đọc:

BẤT ĐÁO TRƯỜNG THÀNH
PHI HẢO HÁN

Truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh
Nguyễn Quang xuất bản

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Trang Tôn Kinh Huyền Hoặc (tập II)

Tập II trong bộ bốn tập tiểu thuyết của Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng. Tựa Tường Vũ Anh Thy. Ức Trai xuất bản. Sách dày 267 trang. Giá bán 12 Mỹ kim.

Bất Đáo Trường Thành Phi Hảo Hán

Truyện dài của Minh Đức Hoài Trinh. Nguyễn Quang xuất bản. Sách dày 248 trang. Giá bán 15 Mỹ kim.

Cát Lở

Truyện dài của Nguyễn Tư. Trình bày Lưu Kim Thúy. Trầm Lặng xuất bản. Sách dày 185 trang. Giá bán 15 Úc kim.

Cửa Ngoài

Tập truyện của Phạm Miên Tưởng. Bìa Khánh Trường. Trầm Lặng xuất bản. Sách dày 183 trang. Giá bán 13 Úc kim.

Sàigòn Ở Phố Lưu Vong

Thơ Lê Giang Trần, bìa Khánh Trường. Sách dày 132 trang. Giá 7 Mỹ kim. Tân Thư xuất bản

Nhà xuất bản Tân Thư
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92643
Đã phát hành:
SÀIGÒN Ở PHỐ LƯU VONG
Thơ Lê Giang Trần
Bìa bốn màu: tranh Khánh Trường
Phụ bản: Đinh Cường • Ngọc Dũng • Nguyễn Đồng • Nguyễn thị Hợp • Nguyễn Trọng Khôi • Thái Tuấn • Phạm Công Thiện • Khánh Trường
132 trang. Giá 7 Mỹ kim

Thời Văn

Đã phát hành:

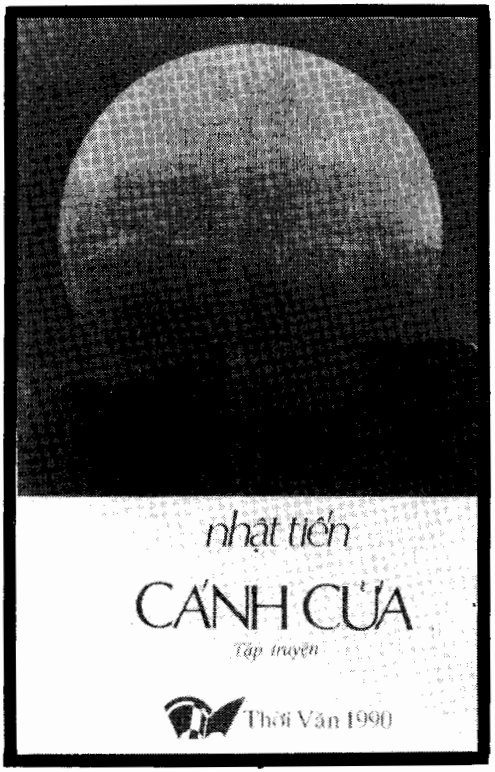

CÁNH CỬA

tập truyện Nhật Tiến

giá 12 mỹ kim
ngoài Hoa Kỳ thêm
2 mỹ kim cước phí

Thư từ bưu phiếu xin đề:

Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235
  4 Mb $375

Thời Văn

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán
tại các nhà sách.

Thư từ bưu phiếu :
Cao Xuân Huy
P.O. Box 3192
Tustin, CA 92680 USA

Bộ Chữ Việt

VNI VENTURA -EZ

Bộ Chữ Việt Ấn Bản 2.0
Mới — Hoàn Hảo — Dễ Hiểu — Dễ Dùng
Nhiều loại, nhiều cỡ, nhiều kiểu chữ đẹp
Dùng với Ventura Version 2 & Gold Series 3

"Đặc Biệt Chữ Việt Sử Dụng Với
Hầu Hết Những Máy LapTop"

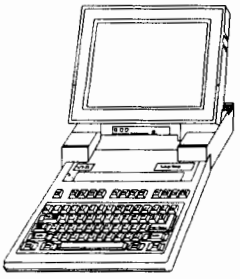

VNI

Computer Hardware & Software
15103 Moran St.
Westminster, CA 92683 U.S.A.
(Ngay tại trung tâm Little Saigon)

(714) 891-7656

Tìm đọc:

THƠ TRÍCH

Thơ LÊ BI

- một tập thơ có thể đánh động vào những suy nghĩ vì cảm xúc của người Việt nam trong cũng như ngoài nước
- sách dày 120 trang. Cao Xuân Huy trình bày ruột. Khánh Trường trình bày bìa. Tủ sách Người Dân xuất bản lần thứ hai.
- giá 5 Mỹ kim. Ngoài Bắc Mỹ xin gửi thêm 2 Mỹ kim cho cước phí máy bay.

Xin liên lạc:

tủ sách NGƯỜI DÂN

P.O. Box 2674
Costa Mesa, CA 92682
USA

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

nhà xuất bản
TÂN THƯ
13081 Hope St. Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 537-2468

Trân trọng giới thiệu những sách đã in trong năm 1990:

- CÓ YÊU EM KHÔNG? Tập truyện Khánh Trường. Bìa tác giả, phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Võ Đình, Nguyễn Trọng Khôi, Thái Tuấn - 352 trang - Giá 14 Mỹ kim.
- KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES. Tập truyện và tùy bút Lê Uyên Phương. Bìa Khánh Trường. Dày 250 trang. Giá 12 Mỹ kim
- ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI TÌNH. Thơ Trần Sa. Bìa Phạm. Dày 100 trang. Giá 5 Mỹ kim.
- CÓ NHỮNG BỰC MÌNH TỨC KHÔNG THỂ NÓI. Thơ Đỗ Khiêm. Bìa Khánh Trường. Giá 5 Mỹ kim.

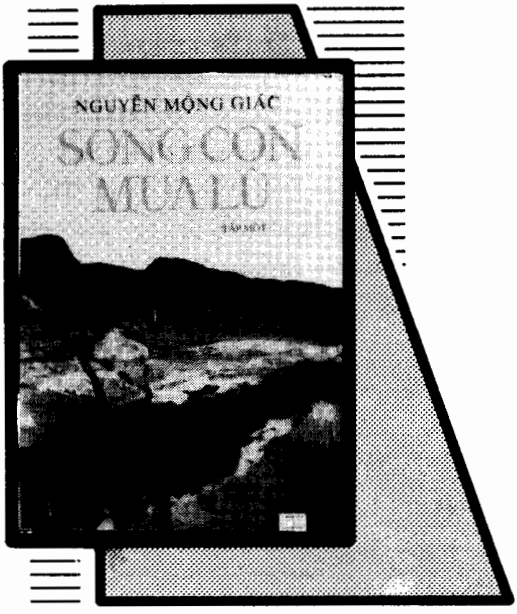

NHÀ XUẤT BẢN ***AN TIÊM*** *VỪA PHÁT HÀNH KHẮP NƠI*

BỘ TRƯỜNG THIÊN TIỂU THUYẾT THỨ NHÌ CỦA NHÀ VĂN

NGUYỄN MỘNG GIÁC

SÔNG CÔN MÙA LŨ

BỘ TIỂU THUYẾT ĐỒ SỘ DÀY GẦN 2000 TRANG VIẾT VỀ THỜI KỲ
LỊCH SỬ HÀO HÙNG VÀ BI ĐÁT NHẤT CỦA DÂN TỘC: THỜI TÂY SƠN
★ MỘT THIÊN ANH HÙNG CA VÀ MỘT THIÊN TÌNH SỬ ★

PHÁT HÀNH ĐỢT ĐẦU:

TẬP I : DÀY 414 TRANG, GIÁ 18 MK
TẬP 2: DÀY 500 TRANG, GIÁ 20 MK

SÁCH HIỆN CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH. BẠN ĐỌC Ở XA LIÊN LẠC :

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ:
P.O. BOX 2301 WESTMINSTER CA 92683
PHONE: **(714) 527-5761**

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: **(714) 641-0263**

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD

Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center

(khu cấp cứu và quang tuyến)

BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD

Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center

(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm

Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Tìm đọc:

THUYỀN NHÂN

Truyện dài MAI KIM NGỌC
Văn Nghệ xuất bản

Liên lạc Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
(714) 527-5761

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI

sự tích đức Phật

Võ Đình kể chuyện và vẽ tranh

---

30 CHƯƠNG TRUYỆN về

- Thái tử Tất-đạt-đa
- Sa môn Gô-ta-ma
- Đức Phật Thích Ca

3 THỨ TIẾNG: Việt, Anh, Pháp

30 BỨC MINH HỌA cho 30 chương – Bìa màu rực rỡ

ĐÓA SEN VÀ NỤ CƯỜI là

- một tác phẩm văn/họa cực kỳ công phu
- một sự cúng dường lên đấng Đại giác. Tạ ơn quê hương và gia đình
- một món quà thanh nhã, hữu ích
- một lời giới thiệu đẹp đẽ về văn hóa và văn nghệ đất nước

Sách lớn 8"x10$^{3/4}$" – 100 trang giấy dầy đặc biệt – Xin hãy tìm ở các tiệm sách hay gởi mua tại: Nhà xuất bản Văn Nghệ, P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Điện thoại: (714) 527-5761

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

Quí vị đã đọc: *Hành Trình Về Phương Đông*
Mời đọc tiếp:

Hoa Sen Trên Tuyết

do Nguyên Phong tuyển dịch
Văn Nghệ xuất bản 1990
Giá 7 Mỹ kim, ngoài nước Mỹ giá 8 Mỹ kim

Văn Nghệ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel (714) 527 5761

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Nhà xuất bản
tân thư
13081 Hope St., Garden Grove, CA 92643. USA.
(714) 537-2468

Đã xuất bản:

CÂY GẬY LÀM MƯA, Tập truyện ĐỖ KH. • THƠ ĐỖ KH. • MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, Tập truyện THĂNG LONG VĂN SĨ • CÓ YÊU EM KHÔNG?, Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG • KHÔNG CÓ MÂY TRÊN THÀNH PHỐ LOS ANGELES, Tập truyện LÊ UYÊN PHƯƠNG • CÓ NHỮNG BỰC MÌNH, TỨC KHÔNG THỂ NÓI, Thơ ĐỖ KH. • ĐIỂM TÂM CHO NGƯỜI YÊU, Thơ TRẦN SA • SÀIGÒN Ở PHỐ LƯU VONG, Thơ LÊ GIÁNG TRẦN

Sẽ In:

TƯỜNG TRÌNH TỪ THIÊN ĐƯỜNG, Tuyển truyện Đông Âu, PHẠM VIỆT CƯỜNG Chuyển ngữ • Ở CÕI ĐỜI CÂM NÍN ĐÓ, Thơ PHẠM VIỆT CƯỜNG • Thơ CAO ĐÔNG KHÁNH • Thơ TRỊNH Y THƯ • TRÊN GHẾ NGỒI NGOÀI ĐƯỜNG, Tập truyện ĐỖ KH. • CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG, Tập truyện KHÁNH TRƯỜNG • VẪN CHƯA HẾT BUỔI CHIỀU, Truyện dài KHÁNH TRƯỜNG • Truyện Ngắn TRẦN SA

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.
Phone: (714) 527-5761
Ngân chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Ngoài nước Mỹ mỗi cuốn thêm 1MK

Giá: 3$50